



BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
BÙI MẠNH HÙNG - TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Đồng Chủ biên)
ĐỖ HỒNG DƯƠNG - VŨ THỊ THANH HƯƠNG
VŨ THỊ LAN - NGUYỄN THỊ NGỌC MINH - TRẦN KIM PHƯỢNG

TIẾNG VIỆT 2

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG – LÊ PHƯƠNG NGÀ (đồng Chủ biên)
THẠCH THỊ LAN ANH – ĐỖ HỒNG DƯƠNG – VŨ THỊ THANH HƯƠNG
VŨ THỊ LAN – NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – TRẦN KIM PHƯỢNG

TIẾNG VIỆT 2



(Bản in thử)

TẬP MỘT

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Kí hiệu dùng trong sách



Khởi động



Đọc văn bản



Trả lời câu hỏi



Luyện tập theo văn bản đọc



Luyện từ và câu



Luyện viết đoạn



Vận dụng

M: Mẫu

G: Gợi ý

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Việc viết hoa trong sách ***Tiếng Việt 2*** được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020

*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng
các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếp nối *Tiếng Việt 1*, sách *Tiếng Việt 2* sẽ giúp các em cảm nhận học tiếng Việt thật là vui. Những bài đọc trong sách mang lại cho các em nhiều hiểu biết và trải nghiệm phong phú về cuộc sống con người và thế giới thiên nhiên. Những nhân vật độc đáo và thú vị, những thông tin hữu ích, những hình ảnh sống động về con người và thiên nhiên chắc hẳn sẽ làm cho các em thích học tiếng Việt và ham mê đọc sách.

Các em được thực hành đọc, viết, nói và nghe để sử dụng tiếng Việt ngày càng tốt hơn. Nhờ đó, các em có điều kiện học tốt các môn học khác. Mong các em thực hiện các hoạt động học tập theo hướng dẫn của thầy cô và tích cực thảo luận với bạn bè về những vấn đề được đặt ra từ các bài học trong sách.

Chúc các em vui học cùng *Tiếng Việt 2*!

MỤC LỤC

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
		EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY	9
1	Bài 1	Đọc: <i>Tôi là học sinh lớp 2</i>	10
		Viết: Chữ hoa <i>Â</i>	12
		Nói và nghe: Những ngày hè của em	12
	Bài 2	Đọc: <i>Ngày hôm qua đâu rồi?</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Ngày hôm qua đâu rồi?</i> – Bảng chữ cái Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; Câu giới thiệu – Viết đoạn văn giới thiệu bản thân Đọc mở rộng	13 14 15 16
2	Bài 3	Đọc: <i>Niềm vui của Bi và Bống</i>	17
		Viết: Chữ hoa <i>Â, Ầ</i>	19
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Niềm vui của Bi và Bống</i>	19
	Bài 4	Đọc: <i>Làm việc thật là vui</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Làm việc thật là vui</i> – Bảng chữ cái Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; Câu nêu hoạt động – Viết đoạn văn kể một việc làm ở nhà Đọc mở rộng	20 21 22 23
3	Bài 5	Đọc: <i>Em có xinh không?</i>	24
		Viết: Chữ hoa <i>Đ</i>	26
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Em có xinh không?</i>	26
	Bài 6	Đọc: <i>Một giờ học</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Một giờ học</i> – Bảng chữ cái Luyện tập: – Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm – Viết đoạn văn kể việc thường làm Đọc mở rộng	27 28 29 30
4	Bài 7	Đọc: <i>Cây xấu hổ</i> Viết: Chữ hoa <i>Ê</i> Nói và nghe: Kể chuyện <i>Chú đỗ con</i>	31 32 32

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
	Bài 8	Đọc: <i>Cầu thủ dự bị</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Cầu thủ dự bị</i> – Viết hoa tên người Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật; Câu nêu hoạt động – Viết đoạn văn kể về một hoạt động thể thao hoặc trò chơi Đọc mở rộng	34 36 36 38
		ĐI HỌC VUI SAO	39
	Bài 9	Đọc: <i>Cô giáo lớp em</i> Viết: Chữ hoa Đ Nói và nghe: Kể chuyện <i>Cậu bé ham học</i>	40 41 42
5	Bài 10	Đọc: <i>Thời khoá biểu</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Thời khoá biểu</i> – Phân biệt: c/k, ch/tr, v/d Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; Câu nêu hoạt động – Viết thời gian biểu Đọc mở rộng	43 45 46 47
	Bài 11	Đọc: <i>Cái trống trường em</i> Viết: Chữ hoa Đ Nói và nghe: Ngôi trường của em	48 50 50
6	Bài 12	Đọc: <i>Danh sách học sinh</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Cái trống trường em</i> – Phân biệt: g/gh, s/x, hỏi/ngã Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm; Câu nêu đặc điểm – Lập danh sách học sinh (tổ) Đọc mở rộng	51 52 53 54
	Bài 13	Đọc: <i>Yêu lắm trường ơi!</i> Viết: Chữ hoa Ô, Ồ Nói và nghe: Kể chuyện <i>Bữa ăn trưa</i>	55 56 57
7	Bài 14	Đọc: <i>Em học vẽ</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Em học vẽ.</i> – Phân biệt: ng/ngh, r/d/gi, an/ang Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật; Dấu chấm, dấu chấm hỏi – Viết đoạn văn giới thiệu một đồ vật Đọc mở rộng	58 60 60 62

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
8	Bài 15	Đọc: <i>Cuốn sách của em</i> Viết: Chữ hoa <i>C</i> Nói và nghe: Kể chuyện <i>Hoạ mi, vẹt và quạ</i>	63 65 65
	Bài 16	Đọc: <i>Khi trang sách mở ra</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Khi trang sách mở ra</i> – Viết hoa tên người – Phân biệt: <i>l/n, ăn/ăng, ân/âng</i> Luyện tập: – Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm; Dấu chấm, dấu chấm hỏi – Viết đoạn văn tả đồ dùng học tập Đọc mở rộng	66 67 68 70
9		Ôn tập giữa học kì 1	71
NIỀM VUI TUỔI THƠ			78
10	Bài 17	Đọc: <i>Gọi bạn</i> Viết: Chữ hoa <i>G</i> Nói và nghe: Kể chuyện <i>Gọi bạn</i>	79 80 81
	Bài 18	Đọc: <i>Tớ nhớ cậu</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Tớ nhớ cậu</i> – Phân biệt: <i>c/k, iêu/uou, en/eng</i> Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về tình cảm bạn bè; Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than – Viết đoạn văn kể về một hoạt động em tham gia cùng bạn Đọc mở rộng	82 83 84 85
11	Bài 19	Đọc: <i>Chữ A và những người bạn</i> Viết: Chữ hoa <i>A, H</i> Nói và nghe: <i>Niềm vui của em</i>	86 87 88
	Bài 20	Đọc: <i>Nhím nâu kết bạn</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Nhím nâu kết bạn</i> – Phân biệt: <i>g/gh, iu/uu, iên/iêng</i> Luyện tập: – Từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động; Câu nêu hoạt động – Viết đoạn văn kể về một giờ ra chơi Đọc mở rộng	89 91 91 93

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
12	Bài 21	Đọc: <i>Thả diều</i>	94
		Viết: Chữ hoa <i>L</i>	96
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Chúng mình là bạn</i>	96
	Bài 22	Đọc: <i>Tờ là lê-gô</i>	97
		Viết:	99
		– Nghe – viết: <i>Đồ chơi yêu thích</i> – Phân biệt: <i>ng/ngh, ch/tr, uôn/uông</i>	
		Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật; Câu nêu đặc điểm – Viết đoạn văn giới thiệu một đồ chơi	99
		Đọc mở rộng	100
13	Bài 23	Đọc: <i>Rồng rắn lên mây</i>	101
		Viết: Chữ hoa <i>M</i>	102
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Búp bê biết khóc</i>	103
	Bài 24	Đọc: <i>Nặn đồ chơi</i>	104
		Viết: – Nghe – viết: <i>Nặn đồ chơi</i> – Phân biệt: <i>d/gi, s/x, uon/uông</i>	105
		Luyện tập: – Dấu phẩy – Viết đoạn văn tả đồ chơi	106
		Đọc mở rộng	107
MÁI ẤM GIA ĐÌNH			108
14	Bài 25	Đọc: <i>Sự tích hoa tĩ muội</i>	109
		Viết: Chữ hoa <i>N</i>	111
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Hai anh em</i>	111
	Bài 26	Đọc: <i>Em mang về yêu thương</i>	112
		Viết:	114
		– Nghe – viết: <i>Em mang về yêu thương</i> – Phân biệt: <i>iên/yên/uyên, r/d/gi, ai/ay</i>	
		Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về gia đình, từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm – Viết đoạn văn kể một việc người thân đã làm cho em	114
		Đọc mở rộng	115

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
15	Bài 27	Đọc: <i>Mẹ</i>	116
		Viết: Chữ hoa <i>Ơ</i>	118
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Sự tích cây vú sữa</i>	118
15	Bài 28	Đọc: <i>Trò chơi của bố</i>	119
		Viết: – Nghe – viết: <i>Trò chơi của bố</i> – Viết hoa tên riêng địa lí – Phân biệt: <i>l/n, ao/au</i>	120
		Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về tình cảm gia đình; Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than – Viết đoạn văn thể hiện tình cảm với người thân	121
		Đọc mở rộng	122
16	Bài 29	Đọc: <i>Cánh cửa nhớ bà</i>	123
		Viết: Chữ hoa <i>Ô, Ơ</i>	125
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Bà cháu</i>	125
16	Bài 30	Đọc: <i>Thương ông</i>	126
		Viết: – Nghe – viết: <i>Thương ông</i> – Phân biệt: <i>ch/tr, at/ac</i>	127
		Luyện tập: – Từ chỉ sự vật, hoạt động; Câu nêu hoạt động – Viết đoạn văn kể việc đã làm cùng người thân	128
		Đọc mở rộng	129
17	Bài 31	Đọc: <i>Ánh sáng của yêu thương</i>	130
		Viết: Chữ hoa <i>Ơ</i>	132
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Ánh sáng của yêu thương</i>	132
	Bài 32	Đọc: <i>Chơi chong chóng</i>	133
		Viết: – Nghe – viết: <i>Chơi chong chóng</i> – Phân biệt: <i>iu/uu; ăt/ăc, ăt/ăc</i>	134
		Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về tình cảm gia đình; Dấu phẩy – Viết tin nhắn	135
		Đọc mở rộng	136
18		Ôn tập và Đánh giá cuối học kì 1	137

EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY



ĐỌC



Em đã chuẩn bị những gì để đón ngày khai giảng?



TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2

Ngày khai trường đã đến.

Sáng sớm, mẹ mới gọi một câu mà tôi đã vùng dậy, khác hẳn mọi ngày. Loáng một cái, tôi đã chuẩn bị xong mọi thứ. Bố ngạc nhiên nhìn tôi, còn mẹ cười tủm tỉm. Tôi ríu rít: “Con muốn đến lớp sớm nhất.”

Tôi háo hức tưởng tượng ra cảnh mình đến đầu tiên, cất tiếng chào thật to những bạn đến sau. Nhưng vừa đến cổng trường, tôi đã thấy mấy bạn cùng lớp đang ríu rít nói cười ở trong sân. Thì ra, không chỉ mình tôi muốn đến sớm nhất. Tôi chào mẹ, chạy ào vào cùng các bạn.

Chúng tôi tranh nhau kể về chuyện ngày hè. Ngay cạnh chúng tôi, mấy em lớp 1 đang rụt rè nắm chặt tay bố mẹ, thật giống tôi năm ngoái. Trước các em, tôi cảm thấy mình lớn bỗng lên. Tôi đã là học sinh lớp 2 rồi cơ mà.

(Văn Giá)

Từ ngữ

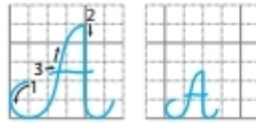
- *Loáng (một cái)*: rất nhanh.
- *Nắm*: nắm lấy và kéo lại, kéo xuống.
- *Lớn bỗng*: lớn nhanh, vượt hẳn lên.



1. Những chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất háo hức đến trường vào ngày khai giảng?
 - a. vùng dậy
 - b. muốn đến sớm nhất lớp
 - c. chuẩn bị rất nhanh
 - d. thấy mình lớn bỗng lên
2. Bạn ấy có thực hiện được mong muốn đến sớm nhất lớp không? Vì sao?
3. Bạn ấy nhận ra mình thay đổi như thế nào khi lên lớp 2?
4. Tìm tranh thích hợp với mỗi đoạn trong bài đọc.



1. Từ nào dưới đây nói về các em lớp 1 trong ngày khai trường?
 - a. ngạc nhiên
 - b. háo hức
 - c. rụt rè
2. Thực hiện các yêu cầu sau:
 - a. Nói lời chào tạm biệt mẹ trước khi đến trường.
 - b. Nói lời chào thầy, cô giáo khi đến lớp.
 - c. Cùng bạn nói và đáp lời chào khi gặp nhau ở trường.



1. Viết chữ hoa: **A**
2. Viết ứng dụng: **Ánh nắng tràn ngập sân trường.**

NÓI VÀ NGHE

Những ngày hè của em

1. Kể về điều đáng nhớ nhất trong kì nghỉ hè của em.

G:

- Nghỉ hè, em được đi những đâu?
- Em được tham gia những hoạt động nào?
- Em nhớ nhất điều gì?



2. Em cảm thấy thế nào khi trở lại trường sau kì nghỉ hè?



Viết 2 – 3 câu về những ngày hè của em.

ĐỌC



Kể lại những việc em đã làm ngày hôm qua.



NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?

Em cầm tờ lịch cũ:

– Ngày hôm qua đâu rồi?

Ra ngoài sân hỏi bố
Xoa đầu em, bố cười.

– Ngày hôm qua ở lại
Trên cành hoa trong vườn
Nụ hồng lớn lên mãi
Đợi đến ngày toả hương.

– Ngày hôm qua ở lại
Trong hạt lúa mẹ trồng
Cánh đồng chờ gặt hái
Chín vàng màu ước mong.

– Ngày hôm qua ở lại
Trong vở hồng của con
Con học hành chăm chỉ
Là ngày qua vẫn còn.



(Bế Kiến Quốc)



1. Bạn nhỏ đã hỏi bố điều gì?
2. Theo lời bố, ngày hôm qua ở lại những đâu?
3. Trong khổ thơ cuối, bố đã dặn bạn nhỏ làm gì để "ngày qua vẫn còn"?
* Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.



1. Dựa vào tranh minh hoạ bài đọc, tìm từ ngữ chỉ người, chỉ vật.

M: – mẹ

– cánh đồng

2. Đặt 2 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1.

M: Cánh đồng rộng mênh mông.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Ngày hôm qua đâu rồi?* (2 khổ thơ cuối).
2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
1	a	a
2	ă	á
3		ó
4	b	bê
5		xê

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
6		dê
7	đ	đê
8		e
9	ê	ê

3. Sắp xếp các chữ cái dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái.



LUYỆN TẬP



1. Nhìn tranh, tìm từ ngữ:

a. Chỉ sự vật:

– Chỉ người: *học sinh*,...

– Chỉ vật: *cặp sách*,...

b. Chỉ hoạt động: *đi học*,...



2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.

A

Bạn Hà

Bố em

Trường em

B

là bác sĩ.

là Trường Tiểu học Lê Quý Đôn.

là học sinh lớp 2A.

3. Đặt một câu giới thiệu theo mẫu ở bài tập 2.



1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.



a. Bình và Khang gặp nhau và chào nhau ở đâu?

b. Khang đã giới thiệu những gì về mình?

2. Viết 2 – 3 câu tự giới thiệu về bản thân.

G:

- Họ và tên của em là gì?
- Em học lớp nào, trường nào?
- Sở thích của em là gì?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về thiếu nhi. Nói với các bạn tên bài thơ, câu chuyện và tên tác giả.
2. Đọc một số câu thơ hay cho các bạn nghe.



ĐỌC



Bức tranh dưới đây vẽ những gì?
Đoán xem hai bạn nhỏ nói gì với nhau.



NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỔNG



Khi cơn mưa vừa dứt, hai anh em Bi và Bóng chợt thấy cầu vồng.

– Cầu vồng kia! Em nhìn xem. Đẹp quá!

Bi chỉ lên bầu trời và nói tiếp:

– Anh nghe nói dưới chân cầu vồng có bảy hũ vàng đấy.

Bống hưởng ứng:

– Lát nữa, mình sẽ đi lấy về nhé! Có vàng rồi, em sẽ mua nhiều búp bê và quần áo đẹp.

– Còn anh sẽ mua một con ngựa hồng và một cái ô tô.

Bống nhiên, cầu vồng biến mất. Bi cười:

– Em ơi! Anh đùa đấy! Ở đó không có vàng đâu.

Bống vui vẻ:

– Thế ợ? Nếu vậy, em sẽ lấy bút màu để vẽ tặng anh ngựa hồng và ô tô.

– Còn anh sẽ vẽ tặng em nhiều búp bê và quần áo đủ các màu sắc.

Không có bảy hũ vàng dưới chân cầu vồng, hai anh em vẫn cười vui vẻ.

(Theo 108 truyện mẹ kể con nghe)

Từ ngữ

Hũ: bình sành sứ loại nhỏ, ở giữa phình ra, nhỏ dần về đáy, dùng để đựng.



1. Nếu có bảy hũ vàng, Bi và Bống sẽ làm gì?



2. Không có bảy hũ vàng, hai anh em làm gì?

3. Tìm những câu nói cho thấy hai anh em rất quan tâm và yêu quý nhau.



1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

hũ vàng

Bống

Bi

anh

quần áo

ô tô

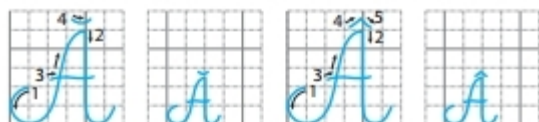
búp bê

em

a. Từ ngữ chỉ người

b. Từ ngữ chỉ vật

2. Tìm trong bài những câu cho thấy sự ngạc nhiên của Bi khi nhìn thấy cầu vồng.



1. Viết chữ hoa:

2. Viết ứng dụng: Ăn quả nhớ người trồng cây.

NÓI VÀ NGHE

1. Nói tiếp để hoàn thành câu dưới tranh.

Niềm vui của Bi và Bống



Khi cầu vồng hiện ra,
Bi nói (...).



Có bảy hũ vàng, Bống sẽ (...)
và Bi sẽ (...).



Khi cầu vồng biến mất, (...).



Không có bảy hũ vàng,
hai anh em vẫn (...).

2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

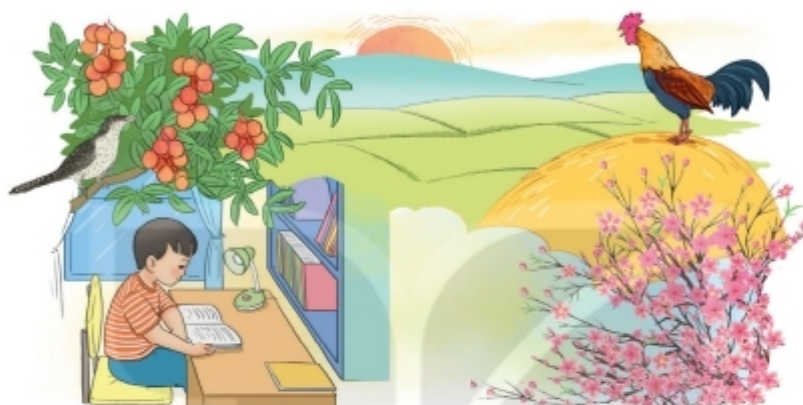


Kể cho người thân nghe câu chuyện *Niềm vui của Bi và Bống*.

ĐỌC



Quan sát tranh và cho biết mỗi người, mỗi vật trong tranh đang làm gì.



LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI

Quanh ta, mọi vật, mọi người đều làm việc.

Cái đồng hồ tích tắc, tích tắc, báo phút, báo giờ. Con gà trống gáy vang ò ó o, báo cho mọi người biết trời sắp sáng, mau mau thức dậy. Con tu hú kêu tu hú, tu hú. Thế là sắp đến mùa vải chín. Chim bắt sâu, bảo vệ mùa màng. Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tung bừng. Chim cú mèo chấp tối đứng trong hốc cây rúc cú cú cũng làm việc có ích cho đồng ruộng.

Như mọi vật, mọi người, bé cũng làm việc. Bé làm bài. Bé đi học. Học xong, bé quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ. Bé luôn luôn bận rộn, mà lúc nào cũng vui.

(Theo Tô Hoài)

Từ ngữ

- *Sắc xuân*: cảnh vật, màu sắc của mùa xuân.
- *Tung bừng*: (quang cảnh, không khí) nhộn nhịp, tươi vui.
- *Rúc*: kêu lên một hồi dài.



1. Những con vật nào được nói đến trong bài?
2. Đóng vai một con vật trong bài, nói về công việc của mình.
3. Kể tên những việc bạn nhỏ trong bài đã làm.
4. Theo em, mọi người, mọi vật làm việc như thế nào?



1. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu hoạt động.

A

Con gà trống

Chim

Con tu hú

B

kêu tu hú báo hiệu mùa vải chín.

gáy vang báo trời sắp sáng.

bắt sâu để bảo vệ mùa màng.

2. Đặt một câu nêu hoạt động của em ở trường.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Làm việc thật là vui

Quanh ta, mọi vật, mọi người đều làm việc.

Cái đồng hồ báo phút, báo giờ. Con gà trống gáy vang báo trời sắp sáng. Con tu hú gọi mùa vải chín. Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tung bừng.

2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
10	g	giê
11		hát
12		i
13	k	ca
14		e-lờ

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
15	m	em-mờ
16		en-nờ
17		o
18	ô	ô
19		ơ

3. Dựa vào chữ cái đầu tiên, sắp xếp tên các cuốn sách theo thứ tự bảng chữ cái.



LUYỆN TẬP



1. Tìm và gọi tên các vật trong tranh.



2. Tìm 3 – 5 từ ngữ chỉ hoạt động gắn với các vật trong tranh ở bài tập 1.

M: chổi – quét nhà

3. Đặt một câu nói về việc em làm ở nhà.

M: Em quét nhà.



1. Nhìn tranh, kể về các việc bạn nhỏ đã làm.



2. Viết 2 – 3 câu kể về một việc em đã làm ở nhà.

G:

- Em đã làm được việc gì?
- Em làm việc đó thế nào?
- Nêu suy nghĩ của em khi làm xong việc đó.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc các bài viết về những hoạt động của thiếu nhi.
2. Trao đổi với các bạn về bài đã đọc dựa vào gợi ý sau:



ĐỌC



Em thích được khen về điều gì?



EM CÓ XINH KHÔNG?

Voi em thích mặc đẹp và thích được khen xinh. Ở nhà, voi em luôn hỏi anh: “Em có xinh không?”. Voi anh bao giờ cũng khen: “Em xinh lắm!”.

Một hôm, gặp hươu, voi em hỏi:

– Em có xinh không?

Hươu ngẩng voi rồi lắc đầu:

– Chưa xinh lắm vì em không có đôi sừng giống anh.

Nghe vậy, voi nhặt vài cành cây khô, gài lên đầu rồi đi tiếp.

Gặp dê, voi hỏi:

– Em có xinh không?

– Không, vì cậu không có bộ râu giống tôi.

Voi liền nhổ một khóm cỏ dại bên đường, gắn vào cằm rồi về nhà.

Về nhà với đôi sừng và bộ râu giả, voi em hỏi hỏ anh:

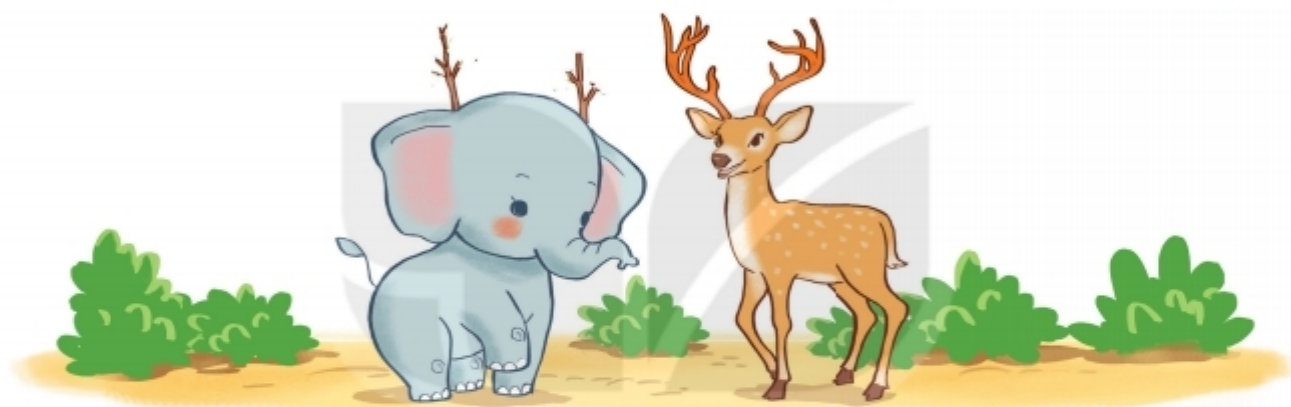
– Em có xinh hơn không?

Voi anh nói:

– Trời ơi, sao em lại thêm sừng và râu thế này? Xấu lắm!

Voi em ngấm mình trong gương và thấy xấu thật. Sau khi bỏ sừng và râu đi, voi em thấy mình xinh đẹp hẳn lên. Giờ đây, voi em hiểu rằng mình chỉ xinh đẹp khi đúng là voi.

(Theo Voi em đi tìm tự tin)



1. Voi em đã hỏi voi anh, hươu và dê điều gì?
2. Voi em nhận được những câu trả lời như thế nào?
 - a. Voi anh nói: (...).
 - b. Hươu nói: (...).
 - c. Dê nói: (...).
3. Cuối cùng, voi em đã làm theo lời khuyên của ai? Kết quả như thế nào?
4. Em học được điều gì từ câu chuyện của voi em?



1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ hoạt động của voi em?

nhặt cành cây

nhổ khóm cỏ dại

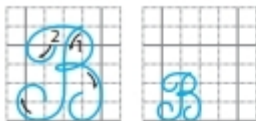
lắc đầu

ngấm mình
trong gương

khen

2. Nếu là voi anh, em sẽ nói gì sau khi voi em bỏ sừng và râu?

VIỆT



- 1.** Viết chữ hoa:  
- 2.** Viết ứng dụng: **Bạn bè chia sẻ ngọt bùi.**

NÓI VÀ NGHE

- 1.** Quan sát tranh, nói tên các nhân vật và sự việc được thể hiện trong tranh.

Em có xinh không?



- 2.** Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân về nhân vật voi em trong câu chuyện.

ĐỌC



1. Nói về việc làm của em được thầy cô khen.
2. Em cảm thấy thế nào khi được thầy cô khen?



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CHẠM CỘNG

MỘT GIỜ HỌC

Thầy giáo nói: “Chúng ta cần học cách giao tiếp tự tin. Vì thế hôm nay chúng ta sẽ tập nói trước lớp về bất cứ điều gì mình thích.”

Quang được mời lên nói đầu tiên. Cậu lúng túng, đỏ mặt. Quang cảm thấy nói với bạn bên cạnh thì dễ, nhưng nói trước cả lớp thì sao mà khó thế. Thầy bảo: “Em cố nhớ xem, sáng nay ngủ dậy, em đã làm gì?”

Quang ngập ngừng, vừa nói vừa gãi đầu: “Em...”

Thầy giáo nhắc: “Rồi gì nữa?”

Quang lại gãi đầu: “À... ờ... Em ngủ dậy.”. Và cậu nói tiếp: “Rồi... ờ...”

Thầy giáo mỉm cười, kiên nhẫn nghe Quang nói. Thầy bảo: “Thế là được rồi đấy!”

Nhưng Quang chưa chịu về chỗ. Bỗng cậu nói to: “Rồi sau đó... ờ... à...”. Quang thở mạnh một hơi rồi nói tiếp: “Mẹ... ờ... bảo: Con đánh răng đi. Thế là em đánh răng.”. Thầy giáo vỗ tay. Cả lớp vỗ tay theo. Cuối cùng, Quang nói với giọng rất tự tin: “Sau đó bố đưa em đi học.”.

Thầy giáo vỗ tay. Các bạn vỗ tay theo. Quang cũng vỗ tay. Cả lớp tràn ngập tiếng vỗ tay.

(Theo *Tốt-tô-chan, cô bé bên cửa sổ*)

Từ ngữ

- *Lúng túng*: không biết nói hoặc làm như thế nào.
- *Kiên nhẫn*: tiếp tục làm việc đã định mà không nản lòng.



1. Trong giờ học, thầy giáo yêu cầu cả lớp làm gì?
2. Vì sao lúc đầu Quang lúng túng?
3. Theo em, điều gì khiến Quang trở nên tự tin?
4. Khi nói trước lớp, em cảm thấy thế nào?



1. Tìm những câu hỏi có trong bài đọc. Đó là câu hỏi của ai dành cho ai?
2. Đóng vai các bạn và Quang, nói và đáp lời khen khi Quang trở nên tự tin.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Một giờ học

Đúng là nói trước cả lớp thì chẳng dễ chút nào. Lúc đầu, Quang còn ngượng ngịu. Nhưng nhờ thầy giáo và các bạn động viên, Quang đã tự tin hơn và nói một cách lưu loát.

2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
20	p	pê
21	q	quy
22	r	e-rờ
23	s	ét-sì
24		tê

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
25		u
26	ư	ư
27		vê
28	x	ích-xì
29		i dài

3. Sắp xếp tên các bạn dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái. Viết lại tên các bạn theo thứ tự đã sắp xếp.



Son



Xuân



Quân



Tuấn



Vân

LUYỆN TẬP



1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ đặc điểm?

muọt mà

đôi mắt

bầu bĩnh

khuôn mặt

vàng trán

sáng

cao

đen láy

mái tóc

đen nhánh

2. Ghép các từ ngữ ở bài tập 1 để tạo câu nêu đặc điểm.

M: Đôi mắt đen láy.

3. Đặt một câu nêu đặc điểm ngoại hình của một bạn trong lớp em.



1. Nói về các hoạt động của bạn nhỏ trong tranh.



G:

- Bạn nhỏ làm những việc gì?
- Theo em, bạn nhỏ làm những việc đó trong thời gian nào?
- Còn em, trước khi đi học, em thường tự làm những việc gì?

2. Viết 3 – 4 câu kể về những việc em thường làm trước khi đi học.

ĐỌC MỞ RỘNG

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về trẻ em làm việc nhà.
2. Đọc cho các bạn nghe một đoạn em thích.



Đôi bàn tay bé

(Trích)

Đôi bàn tay bé xiu
Lại siêng năng nhất nhà
Hết khâu kim cho bà
Lại nhặt rau giúp mẹ.

(Nguyễn Lâm Thắng)



ĐỌC



1. Em biết gì về loài cây trong tranh?
2. Dựa vào tên bài đọc và tranh minh hoạ, em thử đoán xem loài cây này có gì đặc biệt.



CÂY XẤU HỔ

Bỗng dung, gió ào ào nổi lên. Có tiếng động gì lạ lắm. Những chiếc lá khô lạt xạt lướt trên cỏ. Cây xấu hổ co rúm mình lại.

Nó bỗng thấy xung quanh xôn xao. Nó hé mắt nhìn: không có gì lạ cả. Bấy giờ, nó mới mở bung những con mắt lá. Quả nhiên, không có gì lạ thật.

Nhưng những cây cỏ xung quanh vẫn cứ xôn xao. Thì ra, vừa có một con chim xanh biếc, toàn thân lông lánh như tự toả sáng không biết từ đâu bay tới. Chim đậu một thoáng trên cành thanh mai rồi lại vội bay đi. Các cây cỏ xuyết xoa: biết bao nhiêu con chim đã bay qua đây, chưa có con nào đẹp đến thế.

Càng nghe bạn bè trầm trồ, cây xấu hổ càng tiếc. Không biết bao giờ con chim xanh ấy quay trở lại?

(Theo Trần Hoài Dương)

Từ ngữ

- *Lạt xạt*: tiếng va chạm của lá khô.
- *Xôn xao*: nhiều âm thanh, tiếng nói nhỏ phát ra cùng một lúc.
- *Xuyết xoa*: cách thể hiện cảm xúc (thường là khen, đôi khi là tiếc) qua lời nói.
- *Thanh mai*: cây bụi thấp, quả mọng nước, trông như quả dâu.



1. Nghe tiếng động lạ, cây xấu hổ đã làm gì?
2. Cây cỏ xung quanh xôn xao về chuyện gì?
3. Cây xấu hổ nuối tiếc điều gì?
4. Câu văn nào cho biết cây xấu hổ rất mong con chim xanh quay trở lại?



1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ đặc điểm?

đẹp

lóng lánh

bay đi

trở lại

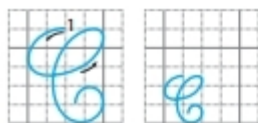
xanh biếc

2. Nói tiếp lời của cây xấu hổ:

Mình rất tiếc (...).

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG





1. Viết chữ hoa:

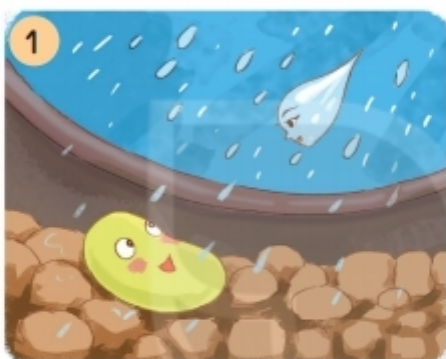
2. Viết ứng dụng: Có công mài sắt, có ngày nên kim.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Chú đỗ con

(Theo Truyện kể cho bé Mầm non)



Cuộc gặp gỡ của đỗ con và cô mưa xuân diễn ra thế nào?



Cuộc gặp gỡ của đỗ con và chị gió xuân diễn ra thế nào?



Cuộc gặp gỡ của đỗ con và bác mặt trời diễn ra thế nào?



Cuối cùng, đỗ con làm gì?

2. Nghe kể câu chuyện.

3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Nói với người thân về hành trình hạt đỗ con trở thành cây đỗ.

ĐỌC



Quan sát tranh và cho biết:

1. Các bạn nhỏ đang chơi môn thể thao gì?
2. Em có thích môn thể thao này không? Vì sao?



VỚI CUỘC SỐNG

CẦU THỦ DỰ BỊ



Nhìn các bạn đá bóng, gấu con rất muốn chơi cùng. Nhưng thấy gấu con có vẻ chậm chạp và đá bóng không tốt nên chưa đội nào muốn nhận cậu.

– Gấu à, cậu làm cầu thủ dự bị nhé! – Khỉ nói.

Gấu con hơi buồn nhưng cũng đồng ý. Trong khi chờ được vào sân, gấu đi nhặt bóng cho các bạn. Gấu cố gắng chạy thật nhanh để các bạn không phải chờ lâu.

Hằng ngày, gấu đến sân bóng từ sớm để luyện tập. Gấu đá bóng ra xa, chạy đi nhặt rồi đá vào gôn, đá đi đá lại,... Cứ thế, gấu đá bóng ngày càng giỏi hơn.

Một hôm, đến sân bóng thấy gấu đang luyện tập, các bạn ngạc nhiên nhìn gấu rồi nói: “Cậu giỏi quá!”, “Này, vào đội tớ nhé!”, “Vào đội tớ đi!”.

– Tớ nên vào đội nào đây? – Gấu hỏi khi.

– Hiệp đầu cậu đá cho đội đỏ, hiệp sau cậu đá cho đội xanh. – Khi nói.

Gấu vui vẻ gật đầu. Cậu nghĩ: “Hoá ra làm cầu thủ dự bị cũng hay nhỉ!”.

(Theo 100 truyện ngụ ngôn hay nhất)

Từ ngữ

Dự bị: chưa phải là thành viên chính thức, nhưng có thể thay thế hoặc bổ sung khi cần.



1. Câu chuyện kể về ai?
2. Vì sao lúc đầu chưa đội nào muốn nhận gấu con?
3. Là cầu thủ dự bị, gấu con đã làm gì?
4. Vì sao cuối cùng cả hai đội đều muốn gấu con về đội của mình?



1. Câu nào trong bài là lời khen?
2. Nếu là bạn của gấu con trong câu chuyện trên, em sẽ nói lời chúc mừng gấu con như thế nào? Đoán xem, gấu con sẽ trả lời em ra sao?

1. Nghe – viết:
Cầu thủ dự bị

Hàng ngày, gấu đến sân bóng từ sớm để luyện tập. Gấu đá bóng ra xa, chạy đi nhặt rồi đá vào gôn, đá đi đá lại,... Cứ thế, gấu đá bóng ngày càng giỏi. Các bạn đều muốn rủ gấu về đội của mình.

2. Những tên riêng nào dưới đây được viết đúng?

3. Sắp xếp tên của các bạn học sinh dưới đây theo thứ tự trong bảng chữ cái.

Nguyễn Ngọc Anh

Nguyễn Mạnh Vũ

Phạm Hồng Đào

Hoàng Văn Cường

Lê Gia Huy

4. Viết vào vở họ và tên của em và 2 bạn trong tổ.
LUYỆN TẬP

1. Nói tên các dụng cụ thể thao sau:


2. Dựa vào tranh và gợi ý dưới tranh, nói tên các trò chơi dân gian.



Bịt mắt (...)



Chi chi (...)



Nu na (...)



Dung dăng (...)

3. Đặt câu về hoạt động trong mỗi tranh.



M: Hai bạn chơi bóng bàn.



1. Nói về một hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.

G:

- Hoạt động các bạn tham gia là gì?
- Hoạt động đó cần mấy người?
- Dụng cụ để thực hiện hoạt động là gì?
- Em đoán xem các bạn cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó.



2. Viết 3 – 4 câu kể về một hoạt động thể thao hoặc một trò chơi em đã tham gia ở trường.

G:

- Hoạt động thể thao hoặc trò chơi em đã tham gia là gì?
- Em tham gia cùng với ai, ở đâu?
- Em cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó?

ĐỌC MỞ RỘNG

- 1.** Tìm đọc một bài viết về hoạt động thể thao.
- 2.** Kể cho các bạn nghe điều thú vị em đọc được.



ĐI HỌC VUI SÀO



ĐỌC



Đọc một bài thơ hoặc hát một bài hát về thầy cô.



CÔ GIÁO LỚP EM

Sáng nào em đến lớp
Cũng thấy cô đến rồi.
Đáp lời "Chào cô ạ!"
Cô mỉm cười thật tươi.

Cô dạy em tập viết
Gió đưa thoảng hương nhài
Nắng ghé vào cửa lớp
Xem chúng em học bài.



Những lời cô giáo giảng
 Ấm trang vở thơm tho
 Yêu thương em ngấm mãi
 Những điểm mười cô cho.
 (Nguyễn Xuân Sanh)



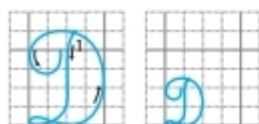
1. Cô giáo đáp lại lời chào của các bạn nhỏ như thế nào?
 2. Tìm những câu thơ tả cảnh vật khi cô dạy em học bài.
 3. Bạn nhỏ đã kể những gì về cô giáo của mình?
 4. Qua bài thơ, em thấy tình cảm bạn nhỏ dành cho cô giáo thế nào?
- * Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.



1. Nói câu thể hiện sự ngạc nhiên của em khi:
 - a. Lần đầu được nghe một bạn hát rất hay
 - b. Được bố mẹ tặng một món quà bất ngờ
2. Nói câu thể hiện tình cảm của em đối với thầy cô giáo của mình.



VIẾT



1. Viết chữ hoa:
2. Viết ứng dụng: **Dung dăng dung dẻ**
Dắt trẻ đi chơi.

1. Nghe kể chuyện.

Cậu bé ham học

(Theo Kể chuyện thần đồng Việt Nam)



Vì sao cậu bé Vũ Duệ không được đi học?



Buổi sáng, Vũ Duệ thường cõng em đi đâu?



Vì sao Vũ Duệ được thầy khen?



Vì sao Vũ Duệ được đi học?

2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân về cậu bé Vũ Duệ trong câu chuyện *Cậu bé ham học*.

Bài
10

THỜI KHOÁ BIỂU

ĐỌC



Em làm thế nào để biết được các môn học trong ngày, trong tuần?



THỜI KHOÁ BIỂU

Thời khoá biểu cho biết thời gian học các môn của từng ngày trong tuần. Thời khoá biểu gồm nhiều cột dọc và nhiều hàng ngang. Các bạn học sinh thường đọc thời khoá biểu theo trình tự thứ – buổi – tiết – môn.



THỜI KHOÁ BIỂU LỚP 2A

	Tiết	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
BUỔI SÁNG	1	Hoạt động trải nghiệm	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	2	Toán	Tiếng Việt	Mĩ thuật	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	3	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Giáo dục thể chất	Toán
	4	Tiếng Việt	Giáo dục thể chất	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Anh
BUỔI CHIỀU	1	Tiếng Anh	Đạo đức	Hoạt động trải nghiệm	Tự nhiên và Xã hội	Âm nhạc
	2	Tự học có hướng dẫn	Tự học có hướng dẫn	Tự học có hướng dẫn	Tự học có hướng dẫn	Tự học có hướng dẫn
	3		Tự nhiên và Xã hội			Hoạt động trải nghiệm




1. Đọc thời khoá biểu của ngày thứ Hai.
2. Sáng thứ Hai có mấy tiết?
3. Thứ Năm có những môn học nào?
4. Nếu không có thời khoá biểu, em sẽ gặp khó khăn gì?



1. Dựa vào thời khoá biểu trên đây, hỏi – đáp theo mẫu:

Lớp mình có tiết Âm nhạc vào thứ mấy?



Lớp mình có tiết Âm nhạc vào thứ Sáu.



2. Nói một câu giới thiệu môn học hoặc hoạt động ở trường mà em thích.

M: Tiếng Việt là môn học tôi yêu thích nhất.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Thời khoá biểu* (từ đầu đến *buổi – tiết – môn*).

2. Dựa vào tranh, viết tên đồ vật có tiếng chứa *c* hoặc *k*.



3. Chọn *a* hoặc *b*.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Mặt ời mọc rồi lặn

ên đôi ân lon ton

Hai ân ời của con

Là mẹ và cô giáo.

(Theo Trần Quốc Toàn)

b. Chọn *v* hoặc *d* thay cho ô vuông.

Có con chim ành khuyên nhỏ

áng trông thật ngoan ngoãn quá

Gọi ạ, bảo ăng lễ phép ngoan nhất nhà.

(Theo Hoàng Văn)

LUYỆN TẬP



1. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ:

- Chỉ sự vật
- Chỉ hoạt động



2. Đặt một câu nêu hoạt động với từ ngữ vừa tìm được.



1. Quan sát tranh, kể lại các hoạt động của bạn Nam.



M: 7 giờ 30 phút, bạn Nam đi học.

2. Viết thời gian biểu của em từ 5 giờ chiều (17:00) đến lúc đi ngủ.

M: Thời gian biểu

Thời gian	Hoạt động
17:00	Đi học về
...	...

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc bảng tin của nhà trường.
2. Chia sẻ với bạn những thông tin mà em quan tâm.



ĐỌC



Tiếng trống trường báo cho em biết điều gì?



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CHỤP CẢNH
CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM

Cái trống trường em
Mùa hè cũng nghỉ
Suốt ba tháng liền
Trống nằm ngấm nghỉ.

Buồn không hả trống
Trong những ngày hè
Bọn mình đi vắng
Chỉ còn tiếng ve?





Cái trống lặng im
Nghiêng đầu trên giá
Chắc thấy chúng em
Nó mừng vui quá!

Kìa trống đang gọi:
Tùng! Tùng! Tùng! Tùng!
Vào năm học mới
Giọng vang tung bùng.

(Thanh Hào)

Từ ngữ

Ngẫm nghĩ: nghĩ đi nghĩ lại kĩ càng.



1. Bạn học sinh kể gì về trống trường trong những ngày hè?
2. Tiếng trống trường trong khổ thơ cuối báo hiệu điều gì?
3. Khổ thơ nào cho thấy bạn học sinh trò chuyện với trống trường như với một người bạn?
4. Em thấy tình cảm của bạn học sinh với trống trường như thế nào?



1. Những từ ngữ nào dưới đây nói về trống trường như nói về con người?

ngẫm nghĩ

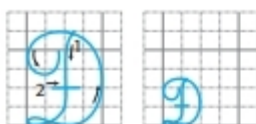
mừng vui

buồn

đi vắng

2. Nói và đáp:

- a. Lời tạm biệt của bạn học sinh với trống trường
- b. Lời tạm biệt bạn bè khi bắt đầu nghỉ hè



1. Viết chữ hoa:
2. Viết ứng dụng: Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

NÓI VÀ NGHE

Ngôi trường của em

1. Nói những điều em thích về trường của em.

G:

- Trường em tên là gì? Ở đâu?
- Điều gì khiến em cảm thấy yêu thích, muốn đến trường hằng ngày?



2. Em muốn trường mình có những thay đổi gì?



Nói với người thân những điều em muốn trường mình thay đổi.

ĐỌC



1. Em đã được đọc bản danh sách học sinh nào dưới đây?

- Danh sách học sinh đi tham quan
- Danh sách học sinh dự thi vẽ tranh
- Danh sách Sao Nhi đồng

2. Em biết được thông tin gì khi đọc bản danh sách đó?



DANH SÁCH HỌC SINH

Hôm nay, chúng tôi được đọc truyện tại lớp. Cô giáo cho chúng tôi đăng kí đọc truyện theo sở thích. Dưới đây là danh sách đăng kí của tổ tôi.

Danh sách học sinh tổ 2 lớp 2C đăng kí đọc truyện

Số thứ tự	Họ và tên	Truyện
1	Trần Trường An	Ngày khai trường
2	Nguyễn Hà Anh	Ếch xanh đi học
3	Nguyễn Ngọc Bảo	Ếch xanh đi học
4	Đỗ Duy Bắc	Ngày khai trường
5	Vũ Tiến Bình	Vì sao gà chẳng giỏi bơi?
6	Lê Thị Cúc	Ngày khai trường
7	Lê Gia Hân	Vì sao gà chẳng giỏi bơi?
8	Phùng Minh Khánh	Ếch xanh đi học

Dựa vào danh sách đăng kí, cô chia lớp thành ba nhóm, mỗi nhóm đọc một truyện. Chúng tôi đọc cho nhau nghe, rồi cùng nhau trao đổi về các nhân vật trong truyện mà nhóm đã chọn.



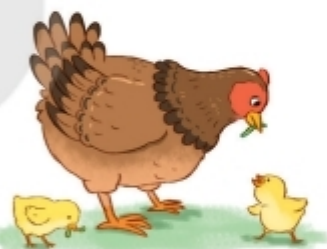
1. Trong bản danh sách, tổ 2 lớp 2C có bao nhiêu bạn?
2. Bạn đứng ở vị trí số 6 đăng kí đọc truyện gì?
3. Những bạn nào đăng kí đọc cùng truyện với bạn ở vị trí số 6?
4. Bản danh sách có tác dụng gì?



1. Tên học sinh trong bản danh sách được sắp xếp thế nào?
2. Học thuộc bảng chữ cái tiếng Việt.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Cái trống trường em* (từ *Buồn không hả trống đến Tùng! Tùng! Tùng!*).
2. Dựa vào tranh, viết từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *g* hoặc *gh*.



3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn s hoặc x thay cho ô vuông rồi giải câu đố.



– Giữa đám lá mượt anh
Treo từng chùm chuông nhỏ
Trắng anh và hồng đỏ
Bùng áng cả vườn quê.

(Là quả gì?)



– Cầu gì không bắc ngang ông
Không trèo qua uối mà chồng lên mây?
(Là gì?)

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

Mắt **cua** ngôi nhà

Là **nhung** ô cửa

Hai cánh khép **mơ**

Như hai hàng mi

Môi khi người đi

Mắt buồn ngủ miết

Người về mắt vui

Thức không biết mệt.

(Theo Đặng Vương Hưng)

LUYỆN TẬP



1. Giải câu đố để tìm từ ngữ chỉ sự vật.

- a. Cái gì tích tắc ngày đêm,
Nhắc em đi ngủ, nhắc em học bài
Một anh chậm bước khoan thai,
Một anh chạy những bước dài thật nhanh?

(Là cái gì?)

- b. Ruột dài từ mũi đến chân
Mũi mòn ruột cũng dần dần mòn theo.

(Là cái gì?)

- c. Nhỏ như cái kẹo
Dẻo như bánh giầy
Học trò lâu nay
Vẫn dùng đến nó.

(Là cái gì?)

2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm trong các câu đố trên.

M: chậm

3. Đặt một câu nêu đặc điểm của đồ vật ở trường, lớp.

M: Thân trống **nâu bóng**.





1. Đọc danh sách dưới đây và trả lời câu hỏi.

**Danh sách học sinh tổ 1 lớp 2A
đăng kí đi tham quan**

Số thứ tự	Họ và tên	Địa điểm tham quan
1	Nguyễn Hải Anh	Bảo tàng Dân tộc học
2	Đỗ Thị Thanh Bình	Lăng Bác
3	Nguyễn Văn Cường	Bảo tàng Dân tộc học
4	Trần Minh Đức	Bảo tàng Dân tộc học
5	Lê Hương Giang	Bảo tàng Dân tộc học
6	Nguyễn Thị Thanh Hương	Lăng Bác
7	Trịnh Cao Khải	Lăng Bác
8	Trần Hải Phong	Lăng Bác

- Tổ 1 lớp 2A có bao nhiêu học sinh?
- Có mấy bạn đăng kí đi tham quan Lăng Bác?
- Có mấy bạn đăng kí đi tham quan Bảo tàng Dân tộc học?

2. Lập danh sách tổ em đăng kí tham gia các câu lạc bộ của trường như: câu lạc bộ cờ vua, võ thuật, bơi lội,...

ĐỌC MỞ RỘNG

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

- Tìm đọc bài thơ, câu chuyện, bài báo viết về thầy cô.
- Chép lại những câu thơ, câu văn em thích.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021

Bàn tay cô giáo

(Trích)

Bàn tay cô giáo

Tết tóc cho em

Về nhà mẹ khen

Tay cô đến khéo.

(Định Hải)

ĐỌC



1. Hát bài *Em yêu trường em* của nhạc sĩ Hoàng Vân.
2. Bạn nhỏ trong bài hát có tình cảm như thế nào với ngôi trường của mình?



YÊU LẮM TRƯỜNG ƠI!



Em yêu mái trường
Có hàng cây mát
Xôn xao khúc nhạc
Tiếng chim xanh trời.

Mỗi giờ ra chơi
Sân trường nhộn nhịp
Hồng hào gương mặt
Bạn nào cũng xinh.

Yêu lớp học em
Có khung cửa sổ
Có bàn tay lá
Quạt gió mát vào.

Lời cô ngọt ngào
Thấm từng trang sách
Ngày không đến lớp
Thấy nhớ nhớ ghê!

Có đêm trong mơ
Bỗng cười khúc khích
Ngỡ đang ở lớp
Cùng bạn đùa vui.
(Nguyễn Trọng Hoàn)



1. Đọc khổ thơ tương ứng với từng bức tranh dưới đây:



2. Tìm những câu thơ tả các bạn học sinh trong giờ ra chơi.

3. Bạn nhỏ yêu những gì ở trường, lớp của mình?

4. Bạn nhỏ nhớ gì về cô giáo khi không đến lớp?



1. Từ nào trong bài thơ thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ dành cho trường lớp?

2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

A

B

Gương mặt các bạn

nhộn nhịp.

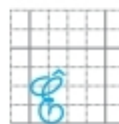
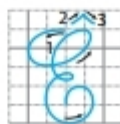
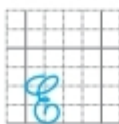
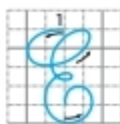
Lời cô

ngọt ngào.

Sân trường

xinh xắn.

VIẾT



1. Viết chữ hoa:

2. Viết ứng dụng: Em yêu mái trường

Có hàng cây mát.

1. Nghe kể chuyện.

Bữa ăn trưa

(Theo *Tốt-tô-chan, cô bé bên cửa sổ*)



2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Chọn a hoặc b.

- a. Kể cho người thân về giờ ăn trưa ở lớp em.
- b. Kể cho bạn về bữa ăn trưa của em.

ĐỌC



Giới thiệu với bạn một bức tranh mà em thích.



EM HỌC VẼ

Hôm nay trong lớp học
Với giấy trắng, bút màu
Nắn nót em ngồi vẽ
Lung linh bầu trời sao.

Vẽ ông trăng trên cao
Rải ánh vàng đầy ngõ
Vẽ cánh diều no gió
Vi vu giữa trời xanh.



Vẽ biển cả trong lành
Có một con thuyền trắng
Giương cánh buồm đỏ thắm
Đang rẽ sóng ra khơi.

Vẽ cả ông mặt trời
Và những chùm phượng đỏ
Trên sân trường lộng gió
Gọi ve về râm ran.

(Phan Thị Diên)



1. Bạn nhỏ vẽ những gì trong bức tranh bầu trời đêm?
2. Bức tranh cảnh biển của bạn nhỏ có gì đẹp?
3. Đọc khổ thơ tương ứng với bức tranh dưới đây:



4. Tìm tiếng cùng vần ở cuối các dòng thơ.

* Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.



1. Tìm trong bài thơ những từ ngữ chỉ sự vật.
2. Đặt câu nêu đặc điểm với 1 trong 3 từ *lung linh*, *vi vu*, *râm ran*.

M: Bầu trời sao lung linh.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Em học vẽ* (2 khổ thơ đầu).
2. Chọn *ng* hoặc *nh* thay cho ô vuông.
 - a. Công cha, ĩa mẹ, ơn thầy.
 - b. Có công mài sắt, có ày nên kim.
3. Chọn a hoặc b.
 - a. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *r*, *d* hoặc *gi* thay cho hình.
 - Chậm như .
 - Nhanh như .
 - Nắng tốt  mưa tốt lúa.
 - b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *an* hoặc *ang* gọi tên sự vật trong mỗi hình.



LUYỆN TẬP



1. Nói tên các đồ dùng có ở góc học tập.



2. Đặt một câu nêu công dụng của một đồ dùng học tập.

M:	Số thứ tự	Từ	Câu
	1	bút màu	Bút màu dùng để vẽ tranh.
	2	...	...

3. Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thay cho ô vuông.

Bút chì: – Tẩy ơi, cậu giúp tớ một chút được không■

Tẩy: – Cậu muốn tớ giúp gì nào■

Bút chì: – Tớ muốn xóa hình vẽ này■

Tẩy: – Tớ sẽ giúp cậu■

Bút chì: – Cảm ơn cậu■



1. Nhìn tranh, nói tên đồ vật và nêu công dụng của chúng.



2. Viết 3 – 4 câu giới thiệu về một đồ vật được dùng để vẽ.

G:



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một câu chuyện về trường học. Chia sẻ thông tin về câu chuyện dựa trên gợi ý sau:

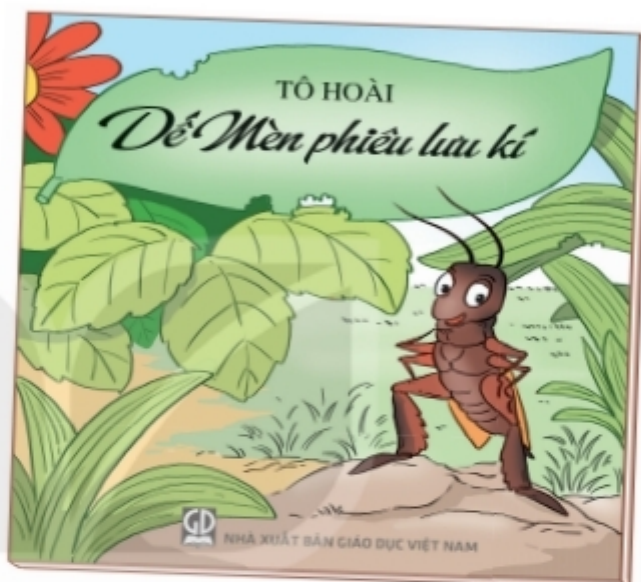


2. Nói về một nhân vật em thích trong câu chuyện.

ĐỌC



Quan sát bìa sách sau và cho biết các thông tin có trên bìa sách.



CUỐN SÁCH CỦA EM

Mỗi cuốn sách có một tên gọi. Tên sách là hàng chữ lớn ở khoảng giữa bìa sách, thường chứa đựng rất nhiều ý nghĩa. Qua tên sách, em có thể biết được sách viết về điều gì.

Người viết cuốn sách được gọi là tác giả. Tên tác giả thường được ghi vào phía trên của bìa sách.

Nơi các cuốn sách ra đời được gọi là nhà xuất bản. Tên nhà xuất bản thường được ghi ở phía dưới bìa sách.

Phần lớn các cuốn sách đều có mục lục thể hiện các mục chính và vị trí của chúng trong cuốn sách. Mục lục thường được đặt ở ngay sau trang bìa, cũng có khi được đặt ở cuối sách.

Mỗi lần đọc một cuốn sách mới, đừng quên những điều này em nhé.

(Nhật Huy)



1. Chọn từ ngữ ở cột A với nội dung thích hợp ở cột B.

A

B

tên sách

nơi cuốn sách ra đời

tác giả

thường chứa đựng nhiều ý nghĩa

nhà xuất bản

người viết sách, báo

mục lục

thể hiện các mục chính và vị trí của chúng

2. Qua tên sách, em có thể biết được điều gì?

3. Sắp xếp các thông tin theo đúng trình tự trong bài đọc.

- a. Tác giả c. Tên sách
b. Mục lục d. Nhà xuất bản

4. Đọc mục lục bên và cho biết:

- a. Phần 2 có những mục nào?
b. Để tìm hiểu về cây xương rồng, em đọc trang nào?

MỤC LỤC	
Phần 1. THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT	
Khủng long	5
Khỉ	8
Voi	14
Cá heo	18
Gấu	22
Phần 2. THẾ GIỚI THỰC VẬT	
Xương rồng	25
Thông	29
Đước	33



1. Xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp.

tác giả

cuốn sách

bìa sách

đọc sách

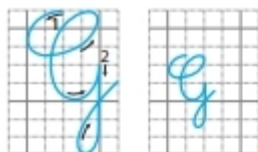
ghi

Từ ngữ chỉ người, chỉ vật

Từ ngữ chỉ hoạt động

2. Nói tiếp để hoàn thành câu.

- a. Tên sách được đặt ở (...).
b. Tên tác giả được đặt ở (...).



1. Viết chữ hoa:

2. Viết ứng dụng: Gắn mục thì đen, gắn đèn thì sáng.

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Hoạ mi, vẹt và quạ

(Theo 100 truyện ngụ ngôn về đạo đức)



Hoạ mi, vẹt và quạ nói chuyện gì với nhau?



Hoạ mi, vẹt và quạ đến gặp chim hoàng oanh vì chuyện gì?



Vì sao quạ bỏ các bạn bay đi?



Câu chuyện kết thúc thế nào?

2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân nghe câu chuyện *Hoạ mi, vẹt và quạ*.

ĐỌC



Nói tên những cuốn sách mà em đã đọc. Giới thiệu về một cuốn sách em thích nhất.



KHI TRANG SÁCH MỞ RA



Khi trang sách mở ra
Khoảng trời xa xích lại
Bắt đầu là cỏ dại
Thứ đến là cánh chim
Sau nữa là trẻ con
Cuối cùng là người lớn.

Trong trang sách có biển
Em thấy những cánh buồm
Trong trang sách có rừng
Vội bao nhiêu là gió.

Trang sách còn có lửa
Mà giấy chẳng cháy đâu
Trang sách có ao sâu
Mà giấy không hề ướt.

Trang sách không nói được
Sao em nghe điều gì
Dạt dào như sóng vỗ
Một chân trời đang đi.
(Nguyễn Nhật Ánh)

Từ ngữ

- *Cỏ dại*: cỏ mọc tự nhiên.
- *Thứ đến*: sau đó.



1. Sắp xếp các sự vật sau theo thứ tự được nhắc đến trong khổ thơ đầu.
a. cánh chim b. cỏ dại c. người lớn d. trẻ con
2. Ở khổ thơ thứ hai và thứ ba, bạn nhỏ thấy những gì trong trang sách?



3. Theo em, khổ thơ cuối ý nói gì?
a. Trong trang sách có tiếng sóng vỗ.
b. Trong trang sách có mây trời đang bay.
c. Trong trang sách có nhiều điều thú vị về cuộc sống.
4. Tìm những tiếng có vần giống nhau ở cuối các dòng thơ.



1. Tìm các từ ngữ chỉ sự vật trong khổ thơ thứ hai hoặc thứ ba.
2. Đặt một câu về một cuốn truyện.

M: Truyện Tích Chu nói về tình cảm bà cháu.



1. Nghe – viết: *Khi trang sách mở ra* (2 khổ thơ cuối).
2. Viết tên 2 tác giả của những cuốn sách em đã đọc.

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn / hoặc n thay cho ô vuông.

– Dao có mài mới sắc, người có học mới .

– Hay học thì sang, hay thì có.

– ặt từng trang từng trang

Giấy trắng sờ mát rượi

Thơm tho mùi giấy mới

ấn ót bàn tay xinh.

(Theo Nguyễn Quang Huy)

b. Chọn tiếng trong ngoặc thay cho ô vuông.

– (gắn/ găng): bó, cổ , súc

– (nấn/ nấng): ánh , uốn , nốt

– (vần/ vãng): thơ, trắng, trán

– (vân/ vâng): gỗ, lời, tay

LUYỆN TẬP



1. Chọn từ chỉ đặc điểm của mỗi đồ dùng học tập trong hình.

(thẳng tắp, trắng tinh, nhọn hoắt, tím ngắt)



2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

A

Bàn học của Bống

Cuốn vở

Cục tẩy

B

thơm phức mùi giấy mới.

ngăn nắp, gọn gàng.

nhỏ xíu như một viên kẹo.

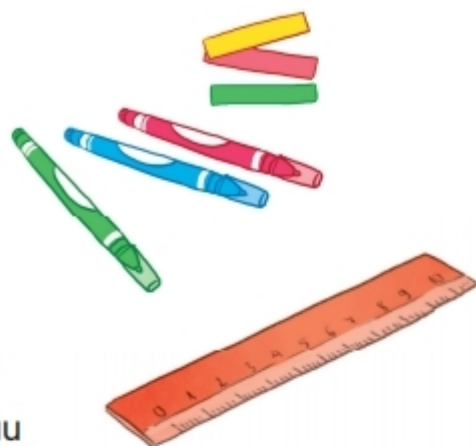
3. Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thay cho ô vuông.

Sách ơi thức dậy

Vở ơi học bài

Ồ kia thước kẻ

Sao cứ nằm dài



Lại còn anh bút

Trốn tít nơi đâu

Nhanh dậy đi mau

Cùng em đến lớp

(Theo Ngọc Minh)



1. Kể tên các đồ dùng học tập của em.

2. Viết 3 – 4 câu tả một đồ dùng học tập của em.



1. Cho biết phiếu đọc sách dưới đây của bạn Nam có những nội dung gì.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Ngày: 19/10/2021

Tên sách: *Cái Tết của mèo con*

Tên tác giả: Nguyễn Đình Thi

Điều em thích nhất: Mèo con rất dũng cảm.

2. Ghi chép các thông tin về cuốn sách mà em đã đọc vào phiếu đọc sách theo mẫu (làm vào vở).

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Ngày: (...)

Tên sách: (...)

Tên tác giả: (...)

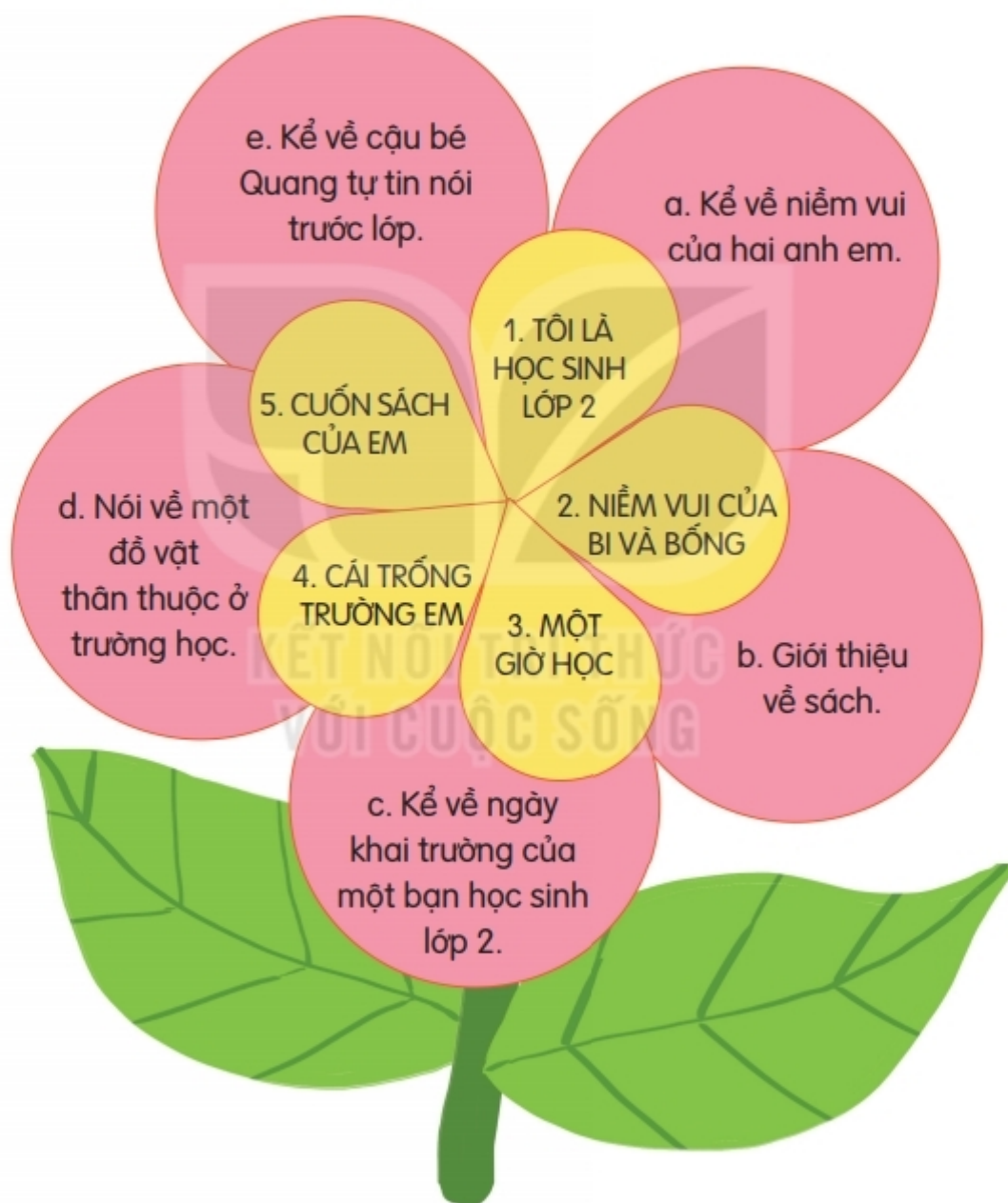
Điều em thích nhất: (...)

3. Nói về điều em thích nhất trong cuốn sách em đã đọc.



Tiết 1 – 2

1. Tìm tên bài đọc tương ứng với nội dung của bài.



2. Chọn đọc một bài và trả lời câu hỏi.

TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2
Theo em, vì sao vào ngày khai trường,
các bạn thường muốn đến trường sớm?



NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỐNG
Theo em, vì sao Bi và Bống
không vẽ tranh cho mình mà
lại vẽ cho nhau?

EM CÓ XINH KHÔNG?
Cuối cùng, voi em nhận thấy
mình xinh nhất khi nào?



CẦU THỦ DỰ BỊ
Theo gấu, cầu thủ dự bị
là như thế nào?

CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM
Vì sao trong những ngày hè
trống trường lại buồn?

CÔ GIÁO LỚP EM
Em thích khổ thơ nào nhất?
Vì sao?

Tiết 3 – 4

3. Nghe – viết: *Cô giáo lớp em* (2 khổ thơ đầu).

4. Trò chơi: Đoán từ

- | | | | |
|----|------------------------|----------------------|---------------------|
| a. | Bắt đầu bằng <i>tr</i> | Đồ vật ở trường | Dùng để báo giờ học |
| b. | Bắt đầu bằng <i>ch</i> | Đồ vật trong nhà | Dùng để quét nhà |
| c. | Chứa vắn <i>ang</i> | Đồ vật trong lớp | Dùng để viết |
| d. | Chứa vắn <i>an</i> | Đồ vật ở góc học tập | Dùng để bày sách vở |

5. Viết tên đồ vật trong mỗi hình.



6. Hỏi – đáp về công dụng của từng đồ vật ở bài tập 5.

M:

- Kéo dùng để làm gì?
- Kéo dùng để cắt giấy, cắt vải.

7. Ghép các từ ngữ để tạo 4 câu nêu đặc điểm.



Tiết 5 – 6

8. Đóng vai, nói và đáp lời trong các tình huống sau:

- a. Nhờ bạn nhặt giúp cái bút bị rơi.
- b. Khen bạn viết chữ đẹp.
- c. An ủi bạn khi bạn bị ốm nên phải nghỉ học.
- d. Chúc mừng sinh nhật bạn.

9. Mỗi câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B?

A	B
Bác An là nông dân.	Câu giới thiệu
Bác đang gặt lúa.	Câu nêu hoạt động
Bác rất chăm chỉ và cẩn thận.	Câu nêu đặc điểm

10. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* thay cho ô vuông.

Vịt bơi được mà

Người đàn ông nọ muốn lợi qua sông. Gặp cậu bé chần vịt, bác ta liền hỏi:

– Sông này có sâu không cháu

Cậu bé trả lời:

– Nông lắm bác ạ

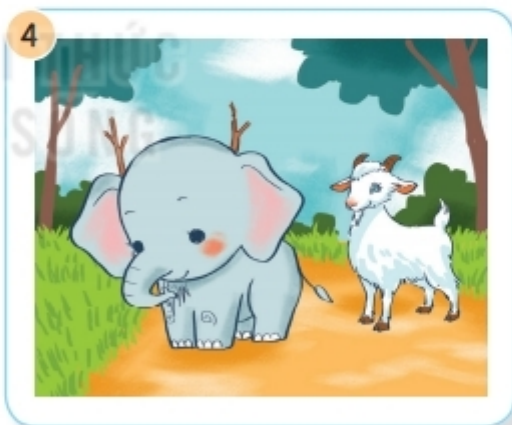
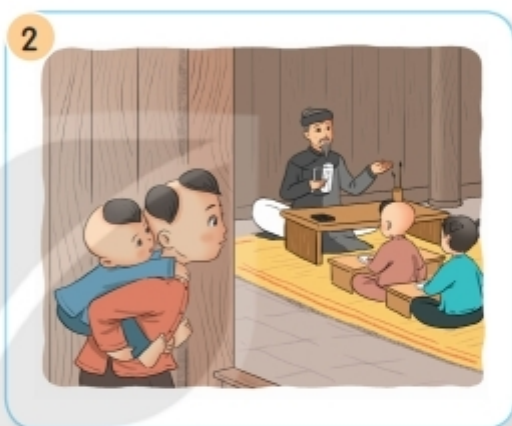
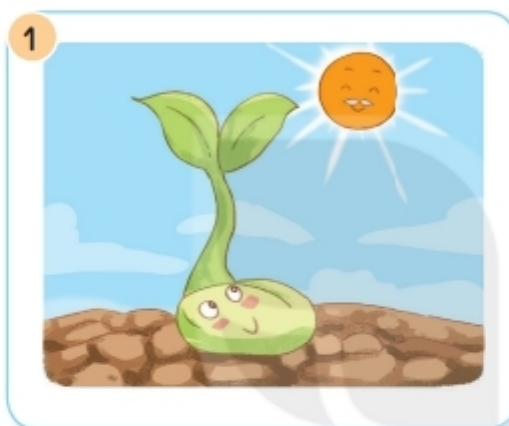
Bác ta liền lội sang sông, mới lội một đoạn đã gần ngập đầu. Quay lại, bác ta hỏi cậu bé:

- Sao cháu bảo sông này nông lắm.
- Cháu thấy con vịt chân ngắn thế mà nó cũng lội sang được ạ.

(Trung Nguyên sưu tầm)

Tiết 7 – 8

11. Nhìn tranh và nói tên câu chuyện. Chọn kể một câu chuyện em thích.



12. Cùng bạn hỏi – đáp về những câu chuyện em vừa kể.

- M:** – Câu chuyện có mấy nhân vật?
– Bạn thích nhân vật nào?

Tiết 9 – 10

13. Đọc câu chuyện sau:

CÂU CHUYỆN BỎ ĐŨA

Ngày xưa, ở một gia đình kia, có hai anh em. Lúc nhỏ, anh em rất hoà thuận. Khi lớn lên, anh có vợ, em có chồng. Tuy mỗi người một nhà nhưng vẫn hay va chạm.

Thấy các con không yêu thương nhau, người cha rất buồn phiền. Một hôm, ông đặt một bó đũa và một túi tiền lên mặt bàn rồi gọi các con lại và bảo:

– Ai bẻ gãy được bó đũa này thì cha thưởng cho túi tiền.

Bốn người con lần lượt bẻ bó đũa. Ai cũng cố hết sức mà không sao bẻ gãy được.

Người cha bèn cõi bó đũa ra, rồi thông thả bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng. Thấy vậy, bốn người con cùng nói:

– Thưa cha, lấy từng chiếc mà bẻ thì có khó gì!

Người cha liền bảo:

– Đúng. Như thế là các con đều thấy rằng chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Vậy các con phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Có đoàn kết thì mới có sức mạnh.

(Theo Ngụ ngôn Việt Nam)



Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

a. Khi lớn lên, tình cảm giữa anh và em như thế nào?

■ hoà thuận

■ không thay đổi

■ không hoà thuận

b. Người cha nghĩ ra cách gì để khuyên bảo con?

c. Vì sao bốn người con không bẻ gãy được bó đuă?

d. Người cha bẻ gãy bó đuă bằng cách nào?

e. Người cha muốn khuyên các con điều gì?

g. Tìm từ ngữ ở cột A phù hợp với nghĩa ở cột B.

A

B

hoà thuận

buồn và lo nghĩ, không yên lòng

yêu thương

êm ấm, không có xích mích, mâu thuẫn

buồn phiền

có tình cảm gần bó tha thiết, quan tâm, chăm sóc hết lòng

h. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.

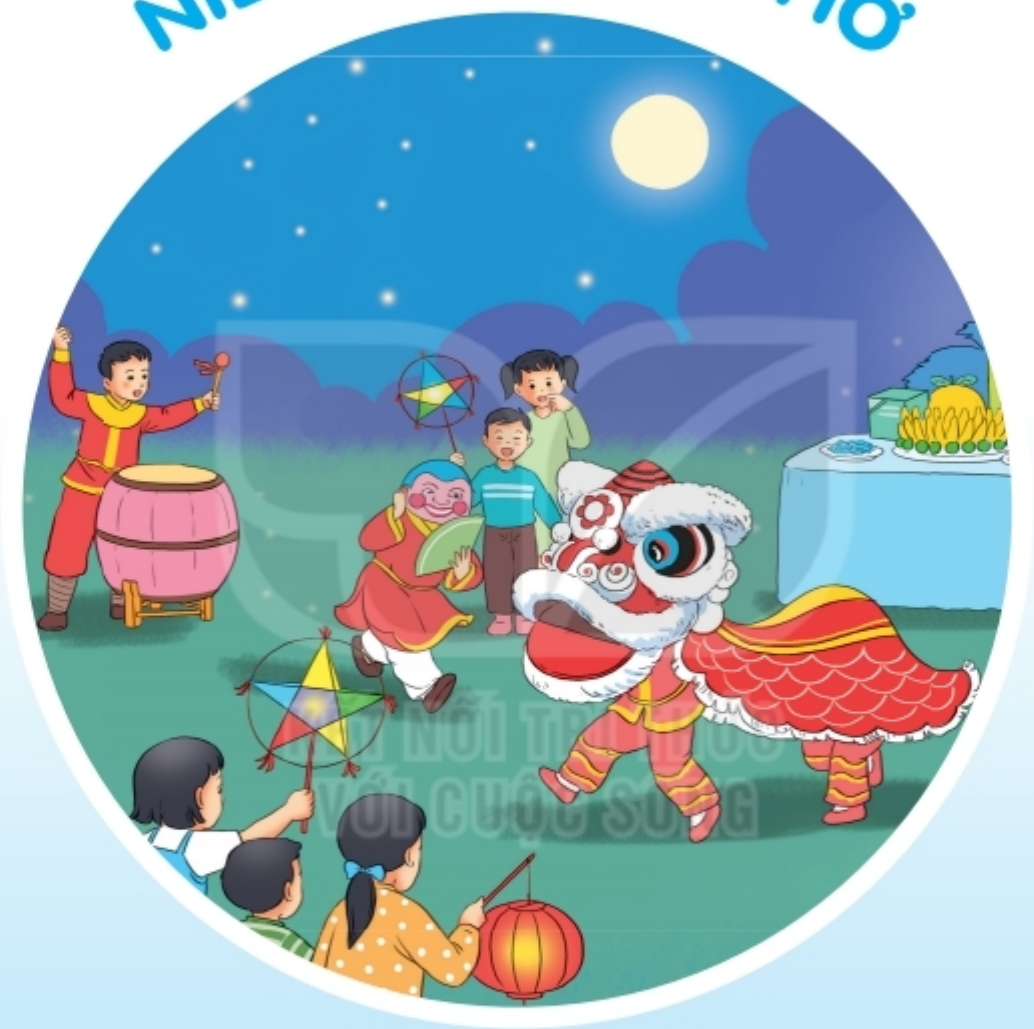


14. Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi hoặc một đồ dùng gia đình.

G:

- Đồ vật em muốn giới thiệu là gì?
- Đồ vật đó từ đâu mà có?
- Em có suy nghĩ gì về ích lợi của đồ vật đó?

NIỀM VUI TUỔI THƠ



ĐỌC



Nói về một người bạn của em.



GỌI BẠN

Tự xa xưa thuở nào
Trong rừng xanh sâu thẳm
Đôi bạn sống bên nhau
Bê vàng và dê trắng.

Một năm, trời hạn hán
Suối cạn, cỏ héo khô
Lấy gì nuôi đôi bạn
Chờ mưa đến bao giờ?





Bê vàng đi tìm cỏ
 Lang thang quên đường về
 Dê trắng thương bạn quá
 Chạy khắp nẻo tìm bê
 Đến bây giờ dê trắng
 Vẫn gọi hoài: “Bê! Bê!”.

(Định Hải)

Từ ngữ

- *Sâu thẳm*: rất sâu.
- *Hạn hán*: tình trạng thiếu nước do nắng lâu, không mưa gây ra.
- *Lang thang*: đi hết chỗ này đến chỗ khác, không dừng lại ở nơi nào.



1. Câu chuyện được kể trong bài thơ diễn ra khi nào? Ở đâu?
 2. Chuyện gì xảy ra khiến bê vàng phải lang thang đi tìm cỏ?
 3. Khi bê vàng quên đường về, dê trắng đã làm gì?
 4. Nêu cảm nghĩ của em về bê vàng và dê trắng.
- * Học thuộc lòng 2 khổ thơ đầu.



1. Tìm từ ngữ thể hiện tâm trạng của dê trắng khi không thấy bạn trở về.
2. Đóng vai một người bạn trong rừng, nói lời an ủi dê trắng.

VIẾT



1. Viết chữ hoa:
2. Viết ứng dụng: Học thầy không tày học bạn.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh minh hoạ câu chuyện trong bài thơ *Gọi bạn* và gọi ý, nói về sự việc trong từng tranh.



Từ xa xưa, trong rừng xanh sâu thẳm, (...).



Một năm, trời hạn hán (...).



Bê vàng đi tìm cỏ, (...).

Dê trắng thương bạn, (...).



Đến bây giờ, dê trắng (...).

2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

3. Kể tiếp đoạn kết của câu chuyện theo ý của em.



Viết 2 – 3 câu nêu nhận xét của em về đôi bạn bê vàng và dê trắng trong câu chuyện trên.

ĐỌC



1. Khi cùng chơi với bạn, em cảm thấy thế nào?
2. Khi xa bạn, em cảm thấy thế nào?



TỜ NHỚ CẬU



Kiến là bạn thân của sóc. Hằng ngày, hai bạn thường rủ nhau đi học. Thế rồi nhà kiến chuyển đến một khu rừng khác. Lúc chia tay, kiến rất buồn. Kiến nói: "Cậu phải thường xuyên nhớ tớ đấy.". Sóc gật đầu nhận lời.

Một buổi sáng, sóc lấy một tờ giấy và viết thư cho kiến. Sóc nắn nót ghi: "Tờ nhớ cậu.". Một cơn gió đi ngang qua mang theo lá thư. Chiều hôm đó, kiến đi dạo trong rừng. Một lá thư nhẹ nhàng bay xuống. Kiến reo lên: "A, thư của sóc!".

Hôm sau, kiến ngồi bên thềm và viết thư cho sóc. Kiến không biết làm sao cho sóc biết mình rất nhớ bạn. Cậu viết: "Chào sóc!". Nhưng kiến không định chào sóc. Cậu bèn viết một lá thư khác: "Sóc thân mến!". Như thế vẫn không đúng ý của kiến. Lấy một tờ giấy mới, kiến ghi: "Sóc ơi!". Cứ thế, cậu cặm cụi viết đi viết lại trong nhiều giờ liền.

Không lâu sau, sóc nhận được một lá thư do kiến gửi đến. Thư viết: "Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!".

(Theo Tun Te-le-gon)

Từ ngữ

- *Nắn nót*: viết rất cẩn thận cho đẹp.
- *Cặm cụi*: chăm chú, tập trung vào việc đang làm.



1. Khi chia tay sóc, kiến cảm thấy thế nào?
2. Sóc đồng ý với kiến điều gì?
3. Vì sao kiến phải viết lại nhiều lần lá thư gửi sóc?
4. Theo em, hai bạn sẽ cảm thấy thế nào nếu không nhận được thư của nhau?



1. Đóng vai sóc và kiến để nói và đáp lời chào lúc chia tay.
2. Em sẽ nói với bạn thế nào khi:
 - Bạn chuyển đến một ngôi trường khác.
 - Tan học, em về trước còn bạn ở lại chờ bố mẹ đón.



VIẾT

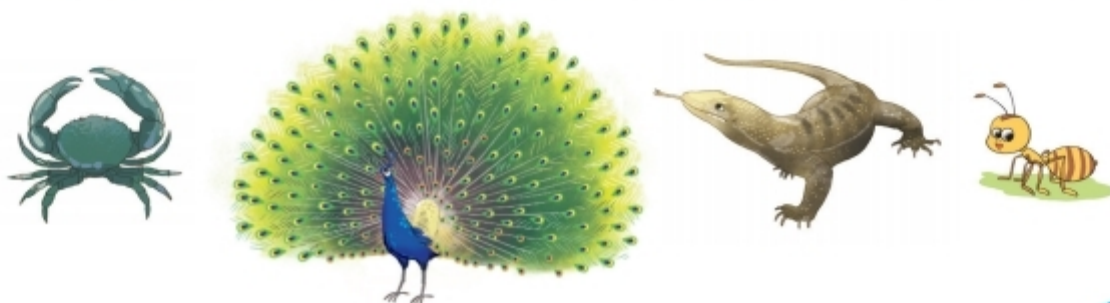
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Nghe – viết:

Tớ nhớ cậu

Kiến là bạn thân của sóc. Hằng ngày, hai bạn rủ nhau đi học. Một ngày nọ, nhà kiến chuyển sang cánh rừng khác. Sóc và kiến rất buồn. Hai bạn tìm cách gửi thư cho nhau để bày tỏ nỗi nhớ.

2. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k* gọi tên mỗi con vật trong hình.



3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn tiếng chứa *iêu* hoặc *ưu* thay cho ô vuông.

(*hươu, nhiều, khuếu*)

Sóc hái rất hoa để tặng bạn bè. Nó tặng cao cổ một bó hoa thiên điều rực rỡ. Còn chim và chim liếu điều được sóc tặng một bó hoa bồ công anh nhẹ như bông.

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *en* hoặc *eng*.

M:

en	M: dễ mèn
eng	M: cái xẻng

LUYỆN TẬP



1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.

M: quý mến

2. Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.

(*nhớ, tươi vui, thân thiết, vui đùa*)

Cá nhỏ và nòng nọc là đôi bạn . Hằng ngày, chúng cùng nhau bơi lội. Thế rồi nòng nọc trở thành ếch. Nó phải lên bờ để sinh sống. Nhưng nó vẫn cá nhỏ. Thỉnh thoảng, nó nhảy xuống ao cùng cá nhỏ.

3. Chọn câu ở cột A phù hợp với ý ở cột B. Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu.

A

Hằng ngày, hai bạn thường rủ nhau đi học.

Vì sao lúc chia tay sóc, kiến rất buồn?

Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!

B

Hỏi điều chưa biết

Kể lại sự việc

Bộc lộ cảm xúc



1. Nói về việc làm của các bạn trong mỗi tranh.



2. Viết 3 – 4 câu kể về một hoạt động em tham gia cùng các bạn.

G:

- Em đã tham gia hoạt động gì cùng các bạn? (học tập, vui chơi,...)
- Hoạt động đó diễn ra ở đâu? Có những bạn nào cùng tham gia?
- Em và các bạn đã làm những việc gì?
- Em cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ về tình bạn. Khi đọc, chú ý những thông tin sau:

- Tên của bài thơ.
- Tên của tác giả.

2. Nói về những điều em thích trong bài thơ đó.



ĐỌC



Qua tên bài và tranh minh hoạ, đoán nội dung bài đọc.



CHỮ A VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN

Tôi là chữ A. Từ lâu, tôi đã nổi tiếng. Hễ nhắc đến tên tôi, ai cũng biết. Khi vui sướng quá, người ta thường reo lên tên tôi. Khi ngạc nhiên, sủng sốt, người ta cũng gọi tên tôi.

Tôi đứng đầu bảng chữ cái tiếng Việt. Trong bảng chữ cái của nhiều nước, tôi cũng được người ta trân trọng xếp ở đầu hàng. Hằng năm, cứ đến ngày khai trường, rất nhiều trẻ em làm quen với tôi trước tiên.

Tôi luôn mơ ước chỉ mình tôi làm ra một cuốn sách. Nhưng rồi, tôi nhận ra rằng, nếu chỉ một mình, tôi chẳng thể nói được với ai điều gì. Một cuốn sách chỉ toàn chữ A không thể là cuốn sách mà mọi người muốn đọc. Để có cuốn sách hay, tôi cần các bạn B, C, D, Đ, E,....

Chúng tôi luôn ở bên nhau và cần có nhau trên những trang sách.

Các bạn nhỏ hãy gặp chúng tôi hằng ngày nhé!

(Theo Trần Hoài Dương)



1. Trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ A đứng ở vị trí nào?

2. Chữ A mơ ước điều gì?

3. Chữ A nhận ra điều gì?

4. Chữ A muốn nhắn nhủ điều gì với các bạn?

- a. Chăm viết chữ cái
- b. Chăm đọc sách
- c. Chăm xếp các chữ cái



1. Nói tiếp lời của chữ A để cảm ơn các bạn:

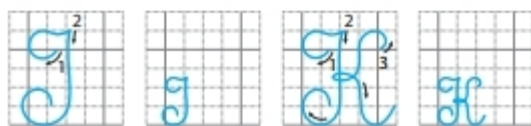
Cảm ơn các bạn. Nhờ có các bạn, chúng ta đã (...).

2. Những từ nào dưới đây chỉ cảm xúc?

vui sướng

ngạc nhiên

nổi tiếng



1. Viết chữ hoa:

2. Viết ứng dụng: Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

Niềm vui của em

1. Quan sát tranh và nói về niềm vui của các nhân vật trong mỗi tranh.



2. Niềm vui của em là gì? Điều gì làm em không vui? Hãy chia sẻ cùng các bạn.



Nói chuyện với người thân về niềm vui của từng thành viên trong gia đình em.

ĐỌC



1. Hãy kể những đức tính tốt của bạn em.
2. Em muốn học tập những đức tính nào của bạn?

Ai cũng bảo cậu
hiền lành, tốt bụng.

Cậu lúc nào cũng vui vẻ.



NHÍM NÂU KẾT BẠN

Trong khu rừng nọ, có chú nhím nâu hiền lành, nhút nhát. Một buổi sáng, chú đang kiếm quả cây thì thấy nhím trắng chạy tới. Nhím trắng vỗn vã: “Chào bạn! Rất vui được gặp bạn!”. Nhím nâu lúng túng, nói lí nhí: “Chào bạn!”, rồi nấp vào bụi cây. Chú cuộn tròn người lại mà vẫn sợ hãi.

Mùa đông đến, nhím nâu đi tìm nơi để trú ngụ. Bất chợt, mưa kéo đến. Nhím nâu vội bước vào cái hang nhỏ. Thì ra là nhà nhím trắng. Nhím nâu run run: “Xin lỗi, tôi không biết đây là nhà của bạn.”. Nhím trắng tươi cười: “Đừng ngại! Gặp lại bạn, tôi rất vui. Tôi ở đây một mình, buồn lắm. Bạn ở lại cùng tôi nhé!”.

“Nhím trắng tốt bụng quá. Bạn ấy nói đúng, không có bạn bè thì thật buồn.”. Nghĩ thế, nhím nâu mạnh dạn hẳn lên. Chú nhận lời kết bạn với nhím trắng. Cả hai cùng thu dọn, trang trí chỗ ở cho đẹp. Chúng trải qua những ngày vui vẻ, ấm áp vì không phải sống một mình giữa mùa đông lạnh giá.

(Theo Minh Anh)



Từ ngữ

- *Vỗn vĩa*: niềm nở, nhiệt tình khi trò chuyện với người khác.
- *Trú ngụ*: sinh sống tạm ở một nơi nào đó.



1. Chi tiết nào cho thấy nhím nâu rất nhút nhát?
2. Kể về những lần nhím trắng và nhím nâu gặp nhau.
3. Theo em, vì sao nhím nâu nhận lời kết bạn cùng nhím trắng?
4. Nhờ đâu nhím trắng và nhím nâu có những ngày mùa đông vui vẻ, ấm áp?



1. Đóng vai nhím trắng, nhím nâu trong lần gặp lại để nói tiếp các câu:



2. Đóng vai Bình và An để nói và đáp lời xin lỗi trong tình huống: Bình vô tình va vào An, làm An ngã.

1. Nghe – viết:
Nhím nâu kết bạn

Thấy nhím trắng tốt bụng, nhím nâu đã nhận lời kết bạn. Cả hai cùng trang trí chỗ ở cho đẹp. Chúng trải qua những ngày vui vẻ, ấm áp vì không phải sống một mình giữa mùa đông lạnh giá.

2. Chọn *g* hoặc *gh* thay cho ô vuông.

– Suối ập bạn rồi
 óp thành sông lớn.

Sông đi ra biển

Biển thành mênh mông.

(Theo Nguyễn Bao)

– Quả ắc nào mà chín

Cũng ập được mặt trời.

(Theo Nguyễn Đức Quang)

– Nắng é vào cửa lớp

Xem chúng em học bài.

(Theo Nguyễn Xuân Sanh)

3. Chọn a hoặc b.

a. Tìm từ có tiếng chứa *iu* hoặc *uu*.

M: iu: liú lo

uu: luu luyến

b. Tìm từ có tiếng chứa *iên* hoặc *iêng*.

M: iên: hiền lành

iêng: siêng năng

LUYỆN TẬP


1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

nhường bạn

hiền lành

giúp đỡ

chia sẻ

chăm chỉ

tuoi cười

a. Từ ngữ chỉ hoạt động

b. Từ ngữ chỉ đặc điểm

2. Chọn từ ngữ chỉ hoạt động đã tìm được ở bài tập 1 thay cho ô vuông.

a. Mẹ cho Hải cái bánh rất ngon. Hải mang đến cho Hà và Xuân cùng ăn. Mẹ khen: “Con biết cùng bạn bè rồi đấy”.



b. Biết Hải ốm, phải nghỉ học, Xuân mang sách vở sang, giảng bài cho bạn. Hải xúc động vì bạn đã khi mình bị ốm.



c. Hải và Xuân đều muốn ngồi bàn đầu. Nhưng ở đó chỉ còn một chỗ. Xuân xin cô cho Hải được ngồi chỗ mới. Cô khen Xuân đã biết .



3. Đặt một câu về hoạt động của các bạn trong tranh.



M: Bạn Lan cho bạn Hải mượn bút.





1. Kể tên một số hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi.



2. Viết 3 – 4 câu kể về một giờ ra chơi ở trường em.

G:

- Trong giờ ra chơi, em và các bạn thường chơi ở đâu?
- Em và các bạn thường chơi trò chơi gì?
- Em thích hoạt động nào nhất?
- Em cảm thấy thế nào sau mỗi giờ ra chơi?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường.

2. Nói với bạn về hoạt động em yêu thích.

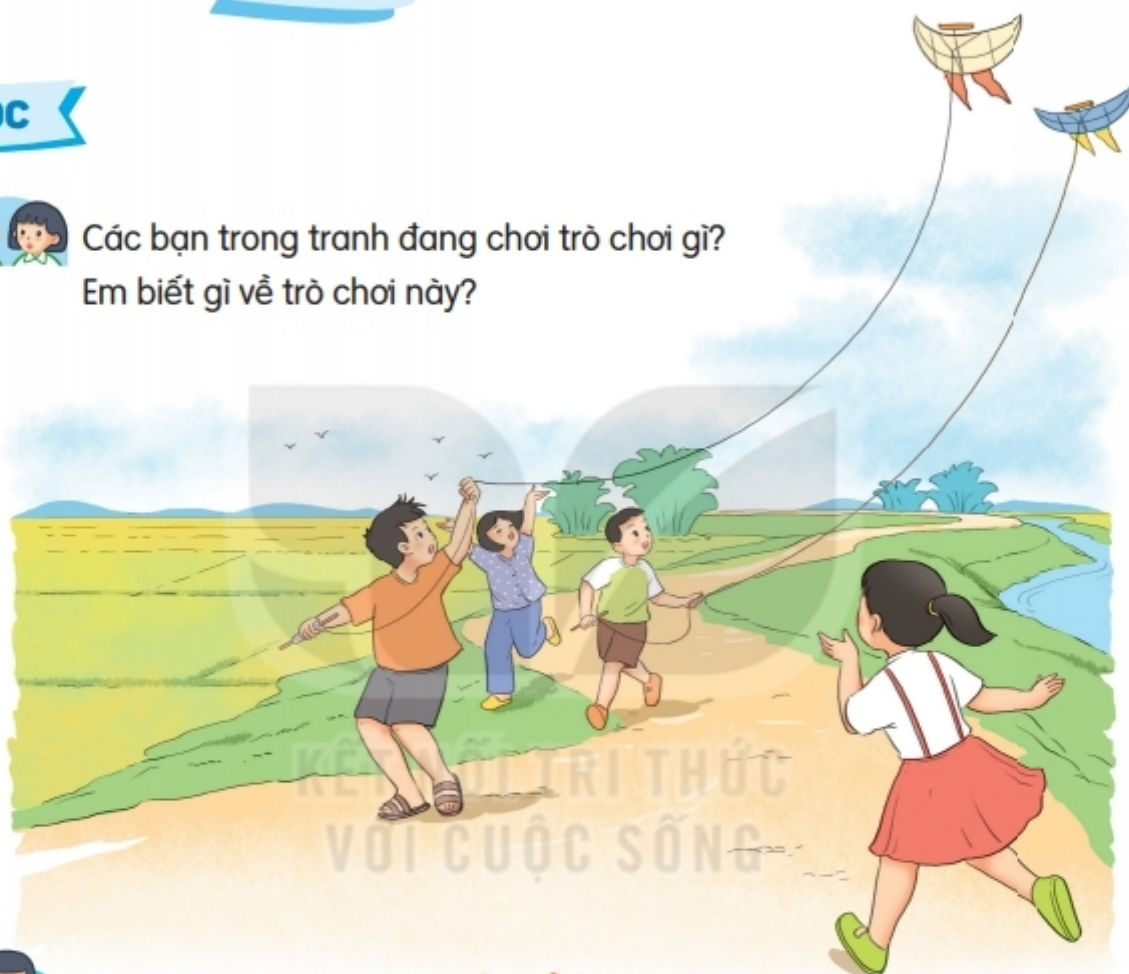
- Tên của hoạt động là gì?
- Những ai đã tham gia hoạt động đó?
- Điều bạn thích nhất ở hoạt động đó là gì?



ĐỌC



Các bạn trong tranh đang chơi trò chơi gì?
Em biết gì về trò chơi này?



THẢ ĐIỀU

Cánh điều no gió
Sáo nó thổi vang
Sao trời trôi qua
Điều thành trăng vàng.

Cánh điều no gió
Tiếng nó trong ngần
Điều hay chiếc thuyền
Trôi trên sông Ngân.

Cánh điều no gió
Tiếng nó chơi vui
Điều là hạt cau
Phơi trên nong trời.

Trời như cánh đồng
Xong mùa gặt hái
Điệu em – lưỡi liềm
Ai quên bỏ lại.

Cánh diều no gió
Nhạc trời réo vang
Tiếng diều xanh lúa
Uốn cong tre làng.

(Trần Đăng Khoa)

Từ ngữ

– *Sông Ngân* (dải Ngân Hà): dải trắng bạc, vắt ngang bầu trời, được tạo nên từ nhiều ngôi sao, trông giống một con sông.

– *Nong*: vật dụng làm từ tre nứa, có hình tròn, dùng để phơi thóc lúa.



1. Kể tên những sự vật giống cánh diều được nhắc tới trong bài thơ.



2. Hai câu thơ “Sao trời trôi qua/ Diều thành trăng vàng” tả cánh diều vào lúc nào?

- a. Vào buổi sáng
- b. Vào buổi chiều
- c. Vào buổi đêm

3. Khổ thơ cuối bài muốn nói điều gì?

- a. Cánh diều làm thôn quê đông vui hơn.
- b. Cánh diều làm thôn quê giàu có hơn.
- c. Cánh diều làm cảnh thôn quê tươi đẹp hơn.

4. Em thích nhất khổ thơ nào trong bài? Vì sao?

* Học thuộc lòng khổ thơ em thích.



1. Từ ngữ nào được dùng để nói về âm thanh của sáo diều?



2. Dựa theo khổ thơ thứ tư, nói một câu tả cánh diều.



1. Viết chữ hoa:

2. Viết ứng dụng: Làng quê xanh mát bóng tre.

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Chúng mình là bạn

(Theo Tuyển tập truyện, thơ, câu đố cho trẻ Mầm non)



Ếch ộp, sơn ca và nai vàng
chơi với nhau như thế nào?



Ba bạn thường kể
cho nhau nghe những gì?



Ba bạn nghĩ ra cách gì để tận mắt
thấy những điều đã nghe?



Ếch ộp, sơn ca và nai vàng
đã rút ra được bài học gì?

2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân nghe câu chuyện *Chúng mình là bạn*.

ĐỌC



Nói tên một số đồ chơi của em. Em thích đồ chơi nào nhất?



TỜ LÀ LÊ-GÔ

Tờ là lê-gô. Nhiều bạn gọi tờ là đồ chơi lắp ráp. Các bạn có nhận ra tờ không?

Để tờ giới thiệu với các bạn về gia đình của tờ nhé. Tờ có rất nhiều anh chị em. Chúng tờ là những khối nhỏ đầy màu sắc. Hầu hết chúng tờ có hình viên gạch. Một số thành viên có hình nhân vật tí hon và các hình xinh xắn khác.



Từ những mảnh ghép nhỏ bé, chúng tôi kết hợp với nhau để tạo ra cả một thế giới kì diệu. Các bạn có thể lắp ráp nhà cửa, xe cộ, người máy,... theo ý thích. Sau đó, các bạn tháo rời ra để ghép thành những vật khác.

Chúng tôi giúp các bạn có trí tưởng tượng phong phú, khả năng sáng tạo và tính kiên nhẫn. Nào, các bạn đã sẵn sàng chơi cùng chúng tôi chưa?

(Bảo Châu)



Từ ngữ

Lắp ráp: lắp các bộ phận vào với nhau cho đúng vị trí để tạo nên một vật hoàn chỉnh.



1. Đồ chơi lê-gô còn được các bạn nhỏ gọi là gì?
2. Nêu cách chơi lê-gô.
3. Trò chơi lê-gô đem lại lợi ích gì?
4. Chọn nội dung phù hợp với mỗi đoạn trong bài đọc.

Đoạn 1

a. Hướng dẫn cách chơi lê-gô

Đoạn 2

b. Nói về lợi ích của việc chơi lê-gô

Đoạn 3

c. Giới thiệu tên gọi lê-gô

Đoạn 4

d. Tả đặc điểm lê-gô



1. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của những khối lê-gô.
2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

1. Nghe – viết:
Đồ chơi yêu thích

Tớ rất thích các đồ chơi truyền thống như diều, chong chóng, đèn ông sao. Tớ cũng thích các đồ chơi hiện đại như lê-gô, ô tô điều khiển từ xa, siêu nhân. Đồ chơi nào tớ cũng giữ gìn cẩn thận.

2. Chọn *ng* hoặc *ngh* thay cho ô vuông.

- a. Dù ai nói ả nói iêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.
- b. Vào những ày i, chúng tôi thường chơi đá bóng.
- c. Mấy cậu bạn đang ó iêng tìm chỗ chơi đá cầu.

3. Chọn a hoặc b.
a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

ung thu ung sức ong óng ong xanh

b. Chọn *uôn* hoặc *uông* thay cho ô vuông.

 ch gió

 ch ch

 c chỉ

LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ gọi tên các đồ chơi có trong bức tranh sau:


2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.
3. Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết câu vào vở.
 - a. rất, mềm mại, chú gấu bông
 - b. sắc sỡ, có nhiều màu sắc, đồ chơi lê-gô
 - c. xinh xắn, bạn búp bê, và dễ thương



1. Giới thiệu các đồ chơi mà trẻ em yêu thích.



2. Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi mà trẻ em yêu thích.

(3) Em có nhận xét gì về đồ chơi đó?

Giới thiệu một đồ chơi

(1) Em muốn giới thiệu đồ chơi nào? Đồ chơi đó em có từ bao giờ?

(2) Đồ chơi đó có đặc điểm gì nổi bật? (chất liệu, hình dạng, màu sắc,...)

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc các bài hướng dẫn tổ chức trò chơi hoặc hoạt động tập thể.



Tên trò chơi hoặc hoạt động.

Các bước thực hiện.

2. Ghi lại các bước tổ chức một trò chơi hoặc hoạt động tập thể em yêu thích.

ĐỌC



Em biết gì về trò chơi *Rồng rắn lên mây*?



RỒNG RẮN LÊN MÂY

Rồng rắn lên mây là một trò chơi vui nhộn. Năm, sáu bạn túm áo nhau làm rồng rắn. Một bạn làm thầy thuốc, đứng đối diện với rồng rắn.

Rồng rắn vừa đi vòng vèo vừa hát:

Rồng rắn lên mây
Thấy cây núc nác
Hỏi thăm thầy thuốc
Có nhà hay không?

Nếu thầy nói “không” thì rỗng rần đi tiếp. Nếu thầy nói “có” thì rỗng rần hỏi xin thuốc cho con và đồng ý cho thầy bắt khúc đuôi.



Thầy thuốc tìm cách bắt khúc đuôi. Bạn làm đầu dang tay cản thầy thuốc, bạn làm đuôi tìm cách tránh thầy. Nếu bạn khúc đuôi để thầy bắt được thì đổi vai làm thầy thuốc. Nếu bạn khúc giữa để đứt thì đổi vai làm đuôi. Trò chơi cứ thế tiếp tục.

(Theo 101 trò chơi dân gian dành cho trẻ Mầm non)

Từ ngữ

- *Cây núc nác*: một loại cây dùng làm thuốc chữa bệnh.
- *Cản*: ngăn lại, giữ lại.



1. Những người chơi làm thành rỗng rần bằng cách nào?
2. Rỗng rần đến gặp thầy thuốc để làm gì?
3. Chuyện gì xảy ra nếu khúc đuôi bị thầy bắt?
4. Nếu bạn khúc giữa bị đứt thì bạn đó phải làm gì?

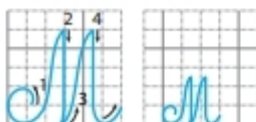


1. Nói tiếp để hoàn thành câu:
 - a. Nếu thầy nói “không” thì (...).
 - b. Nếu thầy nói “có” thì (...).
 - c. Nếu bạn khúc đuôi để thầy bắt được thì (...).
 - d. Nếu bạn khúc giữa để đứt thì (...).

2. Đặt một câu nói về trò chơi em thích.

M: Rỗng rần lên mây là một trò chơi vui nhộn.

VIẾT



1. Viết chữ hoa:
2. Viết ứng dụng: Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Búp bê biết khóc

(Theo Thư viện Trường Mầm non Hoa Mai)



Khi tròn 6 tuổi, Hoa được tặng quà gì? Hoa yêu thích món quà đó thế nào?



Khi tròn 7 tuổi, Hoa được tặng quà gì? Hoa đã làm gì với món quà cũ?



Hoa nằm mơ thấy gì?



Hoa đã làm gì với hai đồ chơi của mình?

2. Nghe kể chuyện.

3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể về bạn Hoa trong câu chuyện *Búp bê biết khóc* cho người thân nghe.

ĐỌC



Kể tên các trò chơi em biết.



NẶN ĐỒ CHƠI

Bên thềm gió mát,
Bé nặn đồ chơi.
Mèo nằm vẫy đuôi,
Tròn xoe đôi mắt.

Đây là quả thị,
Đây là quả na,
Quả này phần mẹ,
Quả này phần cha.

Đây chiếc cối nhỏ
Bé nặn thật tròn,
Biểu bà đấy nhé,
Giã trầu thêm ngon.



Đây là thằng chuột
Tặng riêng chú mèo,
Mèo ta thích chí
Vẽh râu “meo meo”!

Ngoài hiên đã nắng,
Bé nặn xong rồi.
Đùng sờ vào đấy,
Bé còn đang phơi.

(Nguyễn Ngọc Ký)

Từ ngữ

- *Cối giã trầu*: đồ để giã trầu, thường làm bằng đồng.
- *Thích chí*: tỏ ra bằng lòng, vui thích vì đúng ý muốn.



1. Kể tên những đồ chơi bé đã nặn.



2. Bé nặn đồ chơi để tặng cho những ai?
3. Việc bé nặn đồ chơi tặng mọi người thể hiện điều gì?
4. Em thích nặn đồ chơi gì? Để tặng cho ai?



1. Tìm từ ngữ cho biết chú mèo rất vui vì được bé tặng quà.
2. Tìm thêm từ ngữ chỉ cảm xúc vui mừng.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Nặn đồ chơi* (3 khổ thơ đầu).
2. Ghép *da* hoặc *gia* với các tiếng sau để tạo thành từ ngữ đúng. Viết 3 từ ngữ vào vở.



M: cặp da

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn s hoặc x thay cho ô vuông.



Kéo cưa lừa ẻ



Múa ạp

b. Chọn *ươn* hoặc *ương* thay cho ô vuông.

- Con đ uốn l quanh s núi.
- Hoa h d v mình đón ánh mặt trời.

LUYỆN TẬP



1. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ chơi trên giá theo mẫu sau:

Đồ chơi	Đặc điểm
quả bóng	màu xanh pha trắng



2. Cần đặt *dấu phẩy* vào vị trí nào trong mỗi câu sau?

M: Chú thỏ bông rất mềm mại, dễ thương.

- a. Em thích đồ chơi ô tô máy bay.
- b. Bố dạy em làm đèn ông sao điều giấy.
- c. Các bạn đá bóng đá cầu nhảy dây trên sân trường.

3. Cần đặt *dấu phẩy* vào vị trí nào trong câu in nghiêng?

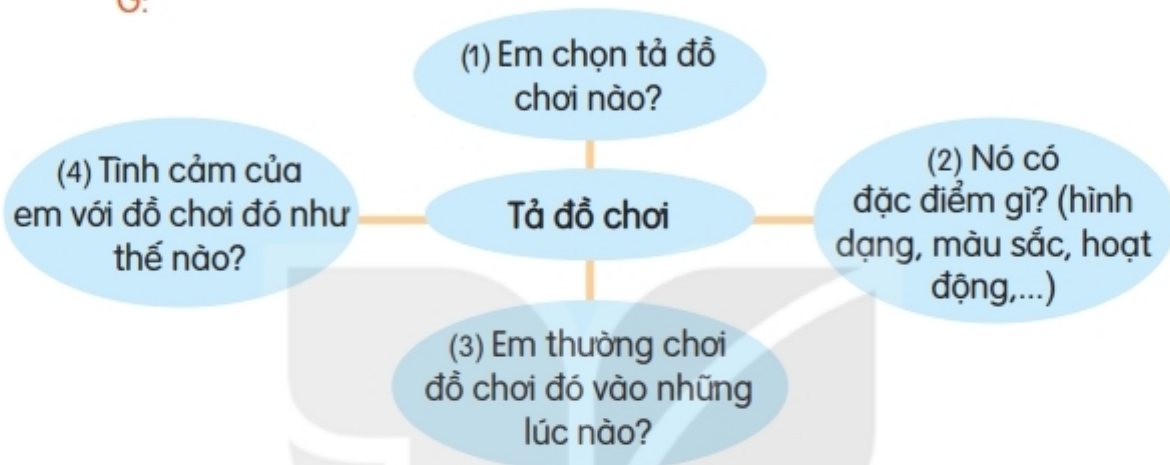
Hôm nay là sinh nhật của Chi. *Chi nhận được bao nhiêu là quà: búp bê hộp đựng bút đồng hồ báo thức và chiếc nơ hồng.* Chi rất vui và cảm động.



1. Kể tên những đồ chơi của em. Em thích đồ chơi nào nhất? Vì sao?

2. Viết 3 – 4 câu tả một đồ chơi của em.

G:



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ hoặc một bài đồng dao về một đồ chơi, trò chơi.

2. Nói với bạn:

- Tên của đồ chơi, trò chơi
- Cách chơi đồ chơi, trò chơi đó



MÃI ẤM GIA ĐÌNH



ĐỌC



Nói về những việc anh chị thường làm cho em.



SỰ TÍCH HOA TỬ MUỘI

Ngày xưa, có hai chị em Nết và Na mồ côi cha mẹ, sống trong ngôi nhà nhỏ bên sườn núi. Nết thương Na, cái gì cũng nhường em. Đêm đông, gió ù ù lùa vào nhà, Nết vòng tay ôm em:

– Em rét không ?

Na ôm choàng lấy chị, cười rúc rích:

– Ấm quá!

Nết ôm em chặt hơn, thầm thì:

– Mẹ bảo, chị em mình là hai bông hoa hồng, chị là bông to, em là bông nhỏ. Chị em mình mãi bên nhau nhé!

Na gật đầu. Hai chị em cứ thế ôm nhau ngủ.



Năm ấy, nước lũ dâng cao, Nết cống em chạy theo dân làng đến nơi an toàn. Hai bàn chân Nết rớm máu. Thấy vậy, Bụt thương lắm. Ông giơ gậy thần lên. Kì lạ thay, bàn chân Nết bỗng lành hẳn. Nơi bàn chân Nết đi qua, mọc lên những khóm hoa đỏ thắm. Hoa kết thành chùm, bông hoa lớn che chở cho nụ hoa bé nhỏ. Chúng cũng đẹp như tình chị em của Nết và Na.

Dân làng đặt tên cho loài hoa ấy là hoa tỉ muội (hoa chị em).

(Theo Trần Mạnh Hùng)

Từ ngữ

Hoa tỉ muội: một loại hoa hồng, mọc thành chùm với rất nhiều nụ.



1. Tìm những chi tiết cho thấy chị em Nết, Na sống bên nhau rất đầm ấm.
2. Nước lũ dâng cao, chị Nết đưa Na đến nơi an toàn bằng cách nào?
3. Nói về điều kì lạ xảy ra khi Nết cống em chạy lũ.
4. Theo em, vì sao dân làng đặt tên loài hoa ấy là hoa tỉ muội (hoa chị em)?



1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

đỏ thắm

bé nhỏ

chạy theo

cống

đẹp

đi qua

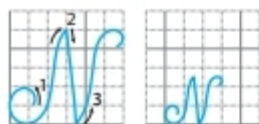
cao

gật đầu

a. Từ ngữ chỉ hoạt động

b. Từ ngữ chỉ đặc điểm

2. Đặt một câu nói về việc chị Nết đã làm cho em Na.



1. Viết chữ hoa:
2. Viết ứng dụng: Nói lời hay, làm việc tốt.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Hai anh em

(Theo *Tiếng Việt 2*, NXB Giáo dục, 2000)



Lúc đầu, hai anh em đã chia lúa thế nào?



Người em nghĩ gì và chia lại lúa ra sao?



Người anh nghĩ gì và đã làm gì để chia lại lúa?



Vì sao hai anh em đều xúc động?

2. Nghe kể chuyện.
3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân nghe những sự việc cảm động trong câu chuyện *Hai anh em*.

ĐỌC



Nói về một em bé mà em biết.

Bé Bo nhà tớ
rất đáng yêu.



EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG

Mẹ, mẹ ơi em bé
Từ đâu đến nhà ta
Nụ cười như tia nắng
Bàn tay như nụ hoa
Bước chân đi lẫm chẫm
Tiếng cười vang sân nhà?

Hay bé từ sao xuống
Hay từ biển bước lên
Hay bé trong quả nhãn
Ông trồng cạnh hàng hiên?

Hay bé theo con gió
Nằm cuộn tròn trong mây
Rồi biến thành giọt nước
Roi xuống nhà mình đây?

Mỗi sáng em thức giấc
Là như thể mây, hoa
Cùng nắng vàng biển rộng
Mang yêu thương vào nhà.

(Minh Đăng)

Từ ngữ

Lỗim chấm: đáng đi chưa vững của em bé.



1. Bạn nhỏ đã hỏi mẹ điều gì?
2. Trong khổ thơ đầu, bạn nhỏ tả em của mình như thế nào?
3. Trong khổ thơ thứ hai và thứ ba, bạn nhỏ đoán em bé từ đâu đến?



a. ngôi sao



b. mặt biển



c. đám mây



d. nụ hoa



đ. quả nhãn

4. Em bé mang đến những gì cho gia đình bạn nhỏ?
 - a. Nắng vàng và biển rộng
 - b. Tình yêu thương
 - c. Mây và hoa



1. Tìm thêm các từ ngữ tả em bé.

M: bụ bẫm

2. Đặt một câu với từ ngữ em tìm được ở bài tập 1.

M: Bé Hà rất bụ bẫm.

1. Nghe – viết: *Em mang về yêu thương* (2 khổ thơ đầu).

2. Chọn *iên*, *yên* hoặc *uyên* thay cho ô vuông.

– Em bé hồn nh ngủ trong lòng mẹ.

– Ngoài h , trời lặng gió.

– Hàng cây đứng .

– Nắng x qua kẽ lá.

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông.

(*dắt/ rất*)

– Mẹ em đến trường.

– Tiếng sáo diều réo .

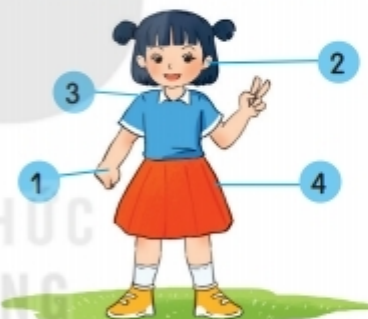
(*gieo/ reo*)

– Em bé lên khi thấy mẹ về.

– Chị Bống cẩn thận hạt vào chậu đất nhỏ.

b. Nhìn tranh, tìm từ ngữ chứa *ai* hoặc *ay*.

Viết các từ em tìm được vào vở.



LUYỆN TẬP



1. Chọn từ ngữ trong ngoặc thay cho ô vuông.

(*mẹ, bố, họ nội, họ ngoại*)

Dì Chi là em gái của . Chú Long là em trai của . Dì và cậu là những người thuộc . Cô, chú là những người thuộc .

2. Chọn từ ngữ trong ngoặc thay cho ô vuông.

(*mở to, đen láy, đỏ hồng*)

Em Nụ môi , trông yêu lắm. Em đã lớn lên nhiều. Em ngủ ít hơn trước. Có lúc, mắt em , tròn và . Em cứ nhìn Hoa mãi. Hoa yêu em và rất thích đưa võng ru em ngủ.

(Theo Minh Tâm)

3. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu. Chọn viết 2 câu vào vở.

A

Em bé

Chị của em

Ông ngoại của em

B

chăm học.

đã già.

bụ bẫm.



1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Khi tôi còn bé tí, tôi ở nhà với ông ngoại cả ngày để bố mẹ đi làm. Ông kể cho tôi nghe rất nhiều truyện cổ tích. Ông dạy tôi vẽ rất nhiều con vật: voi, hổ, hươu, nai, sóc,... Ông còn dạy tôi vẽ cả ông mặt trời, dòng sông, con thuyền,... Mỗi khi ông có việc đi đâu, tôi rất nhớ ông và mong ông sớm về với tôi.

- Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về ai?
- Người đó đã làm những gì cho bạn nhỏ?
- Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ đối với người đó?

2. Viết 3 – 4 câu kể một việc người thân đã làm cho em.

G:

- Người thân mà em muốn kể là ai?
- Người thân của em đã làm việc gì cho em?
- Em có suy nghĩ gì về việc người thân đã làm?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc bài thơ về tình cảm anh chị em trong nhà.
2. Đọc cho bạn nghe những câu thơ em thích.



ĐỌC



Hãy kể cho bạn nghe một việc mà mẹ hoặc người thân đã làm để chăm sóc em.



KẾT NỐI TRI THỨC
MẸ ỚI CUỘC SỐNG



Lặng rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời
Kéo cà tiếng văng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.



Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.
(Trần Quốc Minh)

Từ ngữ

- *Nắng oi*: nắng nóng và không có gió, gây khó chịu.
- *Giấc tròn*: giấc ngủ ngon (ngủ say), không thức giấc.



1. Trong đêm hè oi bức, mẹ đã làm gì để con ngủ ngon?
2. Những dòng thơ nào cho thấy mẹ đã thức rất nhiều vì con?
3. Theo em, câu thơ cuối bài muốn nói điều gì?
 - a. Có mẹ quạt mát, con ngủ ngon lành.
 - b. Tay mẹ quạt mát hơn cả gió trời.
 - c. Mẹ là niềm hạnh phúc của cuộc đời con.
4. Nói một câu thể hiện lòng biết ơn của em đối với cha mẹ.

Con cảm ơn mẹ, ngày
nào mẹ cũng hướng dẫn
con học bài.

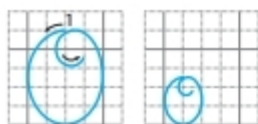


* Học thuộc lòng 6 dòng thơ cuối.



1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động có trong bài thơ.
2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

VIẾT



- Viết chữ hoa:
- Viết ứng dụng: **Ong chăm chỉ tìm hoa làm mật.**

NÓI VÀ NGHE

- Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Sự tích cây vú sữa

(Theo *Tiếng Việt 2*, NXB Giáo dục, 2000)



Bị mẹ mắng, cậu bé làm gì?



Cậu bé làm gì khi quay về nhà?



Thấy cậu bé khóc, cây xanh đã biến đổi thế nào?



Nhìn lên tán lá, cậu bé nghĩ đến điều gì?

- Nghe kể chuyện.
- Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Theo em, nếu được gặp lại mẹ, cậu bé trong câu chuyện sẽ nói gì?

ĐỌC



Em thích chơi trò chơi gì cùng bố mẹ?



TRÒ CHƠI CỦA BỐ



Bố luôn dành cho Hoàng những điều ngạc nhiên. Lúc rảnh rỗi, hai bố con ngồi chơi với nhau như đôi bạn cùng tuổi.

Có lần, hai bố con chơi trò chơi “ăn cỗ”. Hoàng đưa cái bát nhựa cho bố:

– Mời bác xơi!

Bố đỡ bằng hai tay hân hoan và nói:

– Xin bác. Mời bác xơi!

– Bác xơi nữa không ạ?

– Cảm ơn bác! Tôi đủ rồi.

Hai bố con cùng phá lên cười. Lát sau, hai bố con đổi cho nhau. Bố hỏi:

– Bác xơi gì ạ?

– Dạ, xin bác bát miến ạ.

– Đây, mời bác.

Hoàng đưa tay ra cầm lấy cái bát nhựa. Bố bảo:

– Ấy, bác phải đỡ bằng hai tay. Tôi đưa cho bác bằng hai tay cơ mà!

Năm nay, bố đi công tác xa. Đến bữa ăn, nhìn hai bàn tay của Hoàng lễ phép đón bát cơm, mẹ lại nhớ đến lúc hai bố con chơi với nhau. Mẹ nghĩ, Hoàng không biết rằng ngay trong trò chơi ấy, bố đã dạy con một nét ngoan.

(Theo Phong Thu)

Từ ngữ

Xơi: (lời mời lịch sự) ăn, uống.



1. Hai bố con Hoàng chơi trò chơi gì cùng nhau?
2. Khi chơi, hai bố con xung hô với nhau như thế nào?
3. Nhìn hai tay Hoàng đón bát cơm, mẹ nhớ tới điều gì?
4. Khi chơi cùng bố, Hoàng đã được bố dạy nét ngoan nào?
 - a. Biết nấu ăn
 - b. Có cử chỉ và lời nói lễ phép
 - c. Chăm làm và biết giúp đỡ bố mẹ



1. Những câu nói nào dưới đây thể hiện thái độ lịch sự?
 - a. Cho tôi xin bát miến.
 - b. Dạ, xin bác bát miến ạ.
 - c. Đưa tôi bát miến!
2. Cùng bạn đóng vai nói và đáp lời yêu cầu, đề nghị.

M:

- Bác cho tôi một bát phở gà.
- Xin lỗi, ở đây không có phở gà.
- Vậy bác cho tôi xin bát miến.
- Vâng ạ! Bác chờ một chút.

VIẾT

1. Nghe viết: *Trò chơi của bố (từ Đến bữa cơm đến một nét ngoan).*
2. Viết vào vở địa chỉ nhà em.

M: Số nhà 25, phố Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Chọn a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng / hoặc n gọi tên sự vật trong từng hình.



b. Chọn *ao* hoặc *au* thay cho ô vuông.

- Hàng c trước cổng c vút.
- Cây bưởi s nhà sai trĩu quả.



LUYỆN TẬP



1. Những từ nào dưới đây chỉ tình cảm của người thân trong gia đình?

chăm sóc

chăm chỉ

quan tâm

yêu thương

kính trọng

vui chơi

2. Tìm từ ngữ bạn nhỏ nói về tính cách của bố mình trong đoạn văn sau:

Khi dạy em học, bố rất kiên nhẫn. Khi chơi cùng em, bố rất vui vẻ và hài hước. Mỗi khi em mắc lỗi, bố nghiêm khắc dạy bảo nhưng cũng dễ tha thứ.

3. Chọn *dấu chấm*, *dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* thay cho ô vuông.

Đặt câu

Bố: – Nam ơi Con hãy đặt một câu có từ “đường” nhé

Con: – Bố em đang uống cà phê

Bố: – Thế từ “đường” đâu

Con: – Dạ, đường có ở trong cốc cà phê rồi ạ.

(Theo *Truyện cười thông minh dí dỏm*)



1. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

Trong nhà, mẹ là người luôn ở bên tôi. Mỗi khi tôi ốm hay mệt, mẹ thức thâu đêm chăm sóc tôi. Mỗi khi gặp bài học khó, mẹ là người động viên, giúp đỡ tôi. Được ai khen, tôi nghĩ ngay đến mẹ. Tôi biết mẹ sẽ rất vui khi tôi làm được việc tốt. Tôi rất yêu mẹ tôi.

- Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về ai?
- Những câu nào thể hiện rõ tình cảm của bạn nhỏ đối với người đó?
- Vì sao người đó được bạn nhỏ yêu quý?

2. Viết 3 – 4 câu thể hiện tình cảm của em đối với người thân.

G:

- Em muốn kể về ai trong gia đình?
- Em có tình cảm thế nào với người đó? Vì sao?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm gia đình.
2. Chia sẻ với các bạn cảm xúc của em về bài thơ, câu chuyện đó.



Bài thơ *Con yêu mẹ* của Xuân Quỳnh hay lắm!

Chị tớ có tập truyện *Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên*.

Đó là cuốn *Con yêu bố* chừng nào.

Năm ngoái chúng mình học bài thơ *Làm anh*.

ĐỌC



Nói về tình cảm của em đối với ông bà.



CÁNH CỬA NHỚ BÀ

Ngày cháu còn thấp bé
Cánh cửa có hai then
Cháu chỉ cài then dưới
Nhờ bà cài then trên

Mỗi năm cháu lớn lên
Bà lung còng cắm cúi
Cháu cài được then trên
Bà chỉ cài then dưới...

Nay cháu về nhà mới
Bao cánh cửa – ô trời
Mỗi lần tay đẩy cửa
Lại nhớ bà khôn nguôi.

(Đoàn Thị Lam Luyến)



Từ ngữ

Then (cửa): vật bằng tre, gỗ hoặc sắt, dùng để cài cửa.



1. Ngày cháu còn nhỏ, ai thường cài then trên cửa cánh cửa?
2. Vì sao khi cháu lớn, bà lại là người cài then dưới cửa cánh cửa?
3. Sắp xếp các bức tranh sau theo thứ tự của 3 khổ thơ trong bài.



4. Câu thơ nào trong bài nói lên tình cảm của cháu đối với bà khi về nhà mới?

KẾT NỐI TRÍ THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ hoạt động?

cánh cửa

cài

then

đẩy

lưng

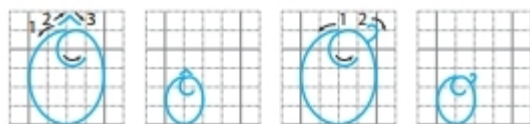
về

nhà

2. Tìm những từ ngữ chỉ hoạt động có thể kết hợp với từ “cửa”.

M: **đẩy** cửa

VIẾT



1. Viết chữ hoa:

2. Viết ứng dụng: Ông bà sum vầy cùng con cháu.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Bà cháu

(Theo Trần Hoài Dương)



Cô tiên cho hai anh em cái gì?



Khi bà mất, hai anh em đã làm gì?



Vắng bà, hai anh em cảm thấy thế nào?



Câu chuyện kết thúc thế nào?

2. Nghe kể chuyện.

3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân nghe câu chuyện *Bà cháu*.

ĐỌC



Kể những việc em làm khiến người thân vui.



THƯƠNG ÔNG

Ông bị đau chân,
Nó sung nó tấy
Đi phải chống gậy
Khập khiễng khập khà,
Bước lên thềm nhà,
Nhắc chân quá khó.

Thấy ông nhăn nhó
Việt chơi ngoài sân
Lon ton lại gần
Âu yếm nhanh nhẩu:
“Ông vịn vai cháu!
Cháu đỡ ông lên”.

Ông bước lên thềm
Trong lòng sung sướng,
Quảng gậy, cúi xuống
Quên cả đòn đau

Ôm cháu xoa đầu:
“Hoan hô thằng bé
Bé thể mà khỏe
Vì nó thương ông”.

(Tú Mỡ)

Từ ngữ

- *Tấy*: sưng to, làm cho đau nhức.
- *Khập khiễng khập khà*: dáng đi bên cao, bên thấp, không đều.
- *Lon ton*: dáng đi hoặc chạy (thường của trẻ em) với những bước ngắn, nhanh.



1. Ông của Việt bị làm sao?

2. Khi thấy ông đau, Việt đã làm gì để giúp ông?

a. Việt lại gắn động viên ông

b. Việt để ông vịn vào vai mình rồi đỡ ông đứng lên

c. Việt âu yếm nắm lấy tay ông

3. Theo ông, vì sao Việt tuy bé mà khỏe?

* Học thuộc lòng một khổ thơ em thích.



1. Từ ngữ nào dưới đây thể hiện dáng vẻ của Việt?

lon ton

nhăn nhó

âu yếm

nhẹ nhàu

khập khiễng khập khà

2. Đọc những câu thơ thể hiện lời khen của ông dành cho Việt.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Thương ông* (2 khổ thơ đầu).

2. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Lần đầu tiên học ữ

Bé tung tăng khắp nhà:

– ữ gì như quả úng gà?

ống oai nhanh nhẩu đáp là : "O...o!"

(Theo Trương Xương)

b. Chọn *ac* hoặc *at* thay cho ô vuông.



múa h

quét r

rửa b

cô b

ca nh

ph quả

LUYỆN TẬP



1. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ:

a. Chỉ sự vật

b. Chỉ hoạt động



2. Tìm 3 từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn thơ dưới đây:

Mẹ may chiếc áo mới
Lại thêu một bông hoa
Anh cu Phương rất khoái
Khen: Mẹ giỏi hơn ba!

Khi ô tô hỏng máy
Mẹ chẳng sửa được cho
Ba nối dây cốt lại
Xe chạy liền ro ro...
(Đặng Hấn)

3. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.



Ông đang làm gì?



Bà đang làm gì?



Bố mẹ đang làm gì?



Bạn nhỏ đang làm gì?



1. Quan sát tranh, nêu việc các bạn nhỏ đã làm cùng người thân.



2. Viết 3 – 5 câu kể về một công việc em đã làm cùng người thân.

G:

- Em đã cùng người thân làm việc gì? Khi nào?
- Em đã cùng người thân làm việc đó như thế nào?
- Em cảm thấy thế nào khi làm việc cùng người thân?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm của ông bà và cháu.
2. Chia sẻ với các bạn cảm xúc về một khổ thơ em thích, hoặc một sự việc trong câu chuyện mà em thấy thú vị.



ĐỌC



Nếu người thân bị mệt, em có thể làm gì để giúp đỡ, động viên?



ÁNH SÁNG CỦA YÊU THƯƠNG



Hôm ấy, bố vắng nhà, mẹ bị đau bụng dữ dội. Ê-đi-xon liền chạy đi mời bác sĩ.

Bác sĩ đến khám bệnh và cho biết mẹ của Ê-đi-xon đau ruột thừa, phải mổ gấp. Nhưng trời cứ tối dần, với ánh đèn dầu tù mù, chẳng thể làm gì được. Ê-đi-xon lo lắng. Thấy mẹ đau đớn, cậu meo mào: “Xin bác sĩ cứu mẹ cháu!”. Bác sĩ ái ngại nói: “Đủ ánh sáng, bác mới mổ được cháu ạ!”.

Thương mẹ, Ê-đi-xon ôm đầu suy nghĩ. Làm thế nào để cứu mẹ bây giờ? Đột nhiên, cậu trông thấy ánh sáng của ngọn đèn hắt lại từ mảnh sắt tây trên tủ. Nét mặt cậu rạng rỡ hẳn lên. Ê-đi-xon vội chạy sang nhà hàng xóm, mượn về một tấm gương. Lát sau, đèn nền trong nhà được cậu thấp lên và đặt trước gương. Căn phòng bỗng ngập tràn ánh sáng.

Nhìn căn phòng sáng trưng, bác sĩ rất ngạc nhiên, bắt tay ngay vào việc. Ca mổ thành công, mẹ của Ê-đi-xon đã được cứu sống.

(Theo *Truyện đọc 2*, NXB Giáo dục, 1995)

Từ ngữ

- Ê-đi-xon: nhà bác học người Mỹ, đã phát minh ra đèn điện, ống nghe điện thoại, máy chiếu phim, máy hát,... và nhiều vật dụng khác.
- Ái ngại: thương cảm, có phần lo lắng và không đành lòng trước tình cảnh của người khác.
- Sắt tây: sắt dát mỏng có tráng một lớp chống gỉ, sáng bóng.



1. Khi thấy mẹ đau bụng dữ dội, Ê-đi-xon đã làm gì?
2. Ê-đi-xon đã làm cách nào để mẹ được phẫu thuật kịp thời?
3. Những việc làm của Ê-đi-xon cho thấy tình cảm của cậu dành cho mẹ như thế nào?
4. Trong câu chuyện trên, em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?



1. Những chi tiết nào cho thấy Ê-đi-xon rất lo cho sức khỏe của mẹ?
2. Tìm câu văn trong bài phù hợp với bức tranh sau:





1. Viết chữ hoa:
2. Viết ứng dụng: *Phượng nở đỏ rực một góc trời.*

NÓI VÀ NGHE

1. Quan sát các tranh minh họa câu chuyện *Ánh sáng của yêu thương*, nói về sự việc trong từng tranh.

Ánh sáng của yêu thương



2. Sắp xếp các tranh theo trình tự của câu chuyện.
3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh vừa sắp xếp.



Kể về cậu bé Ê-di-xon trong câu chuyện *Ánh sáng của yêu thương* cho người thân nghe.

ĐỌC



Em thích chơi trò chơi gì với anh chị em của mình?



CHƠI CHONG CHÓNG

An yêu thích những chiếc chong chóng giấy. Mỗi chiếc chong chóng chỉ có một cái cán nhỏ và dài, một đầu gắn bốn cánh giấy mỏng, xinh như một bông hoa. Nhưng mỗi lần quay, nó mang lại bao nhiêu là tiếng cười và sự háo hức. An thích chạy thật nhanh để những cánh giấy không ngừng quay trong gió. Gió lướt qua cánh chong chóng tạo ra tiếng u u rất lạ.



An thường rủ bé Mai chơi chong chóng và thi xem ai thắng. Hai anh em chạy quanh sân cho chong chóng quay, rồi đột ngột dừng lại. Chong chóng của ai dừng quay trước thì người đó thua. An chạy nhanh hơn nên chong chóng quay lâu hơn. Thua mãi, Mai buồn thiu. An liền cho em giơ chong chóng ra trước quạt máy, còn mình thì phùng má thổi phù phù cho chong chóng quay. Mai cười toe vì thắng. Bây giờ cũng giống như anh, Mai cũng rất mê những chiếc chong chóng.

(Theo Tuệ Nhi)

Từ ngữ

Cười toe: cười với khuôn miệng mở rộng sang hai bên, thể hiện sự vui sướng, thích thú.



1. Tìm chi tiết cho thấy An rất thích chơi chong chóng.
2. Vì sao An luôn thắng khi thi chơi chong chóng cùng bé Mai?
3. An nghĩ ra cách gì để bé Mai vui?
4. Qua câu chuyện, em thấy tình cảm của anh em An và Mai thế nào?



1. Tìm từ ngữ trong bài đọc tả chiếc chong chóng.
2. Nếu em là Mai, em sẽ nói gì với anh An sau khi chơi?

VIẾT

1. Nghe viết: *Chơi chong chóng (từ đầu đến háo hức).*
2. Chọn a hoặc b.
 - a. Chọn *iư* hoặc *ưu* thay cho ô vuông.
s tầm phụng ph
d dàng t trường

b. Tìm từ ngữ chỉ sự vật có tiếng chứa *ă*t, *ă*c, *â*t hoặc *â*c.



LUYỆN TẬP



1. Tìm từ ngữ về tình cảm gia đình.

M: che chở

2. Những câu nào dưới đây nói về tình cảm anh chị em?

Chị ngã em nâng.

Lá lành đùm lá rách.

Anh thuận em hoà là nhà có phúc.

Anh em như thể chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

3. Có thể đặt *dấu phẩy* vào chỗ nào trong các đoạn văn sau?

a. Sóc anh sóc em kiếm được rất nhiều hạt dẻ. Hai anh em để dành hạt lớn cho bố mẹ. Hạt vừa hạt nhỏ để hai anh em ăn.

b. Chị tớ rất yêu thương chăm sóc tớ. Chị thường hướng dẫn tớ làm bài tập chơi với tớ cùng tớ làm việc nhà. Tớ yêu chị lắm!



1. Quan sát tranh, đọc tin nhắn của sóc con và trả lời câu hỏi.



Mẹ ơi!
Chiều nay, bà đón
con sang nhà bà chơi.
Con ăn ở nhà bà.
Tối con sẽ về, mẹ nhé!
Con
Sóc nâu

- Sóc con nhắn tin cho ai?
- Sóc nhắn mẹ chuyện gì?
- Vì sao sóc phải nhắn tin?

2. Viết tin nhắn cho người thân.

Ông qua nhà đưa em đi mua sách. Lúc đó, bố mẹ đi vắng. Em hãy viết tin nhắn cho bố mẹ yên tâm.

ĐỌC MỞ RỘNG

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện, kể về sinh hoạt chung của gia đình (nấu ăn, thăm họ hàng, đi du lịch,...). Khi đọc, chú ý những điều sau:

- Câu chuyện, bài thơ nói về sinh hoạt chung nào của gia đình?
- Chia sẻ về một hoạt động em thích.

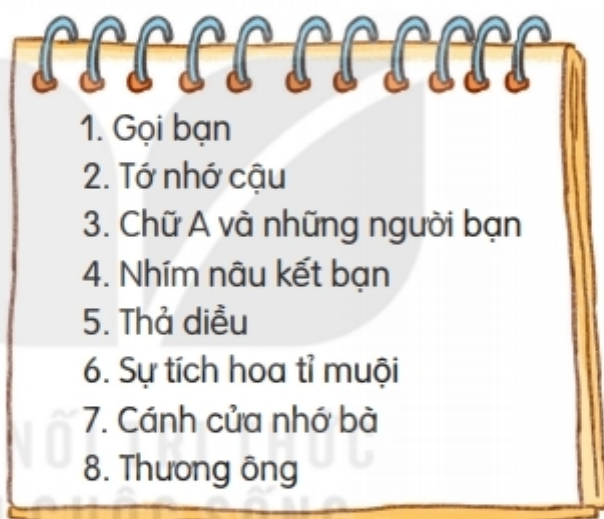


2. Kể lại câu chuyện hoặc đọc một đoạn thơ cho các bạn nghe. Chia sẻ điều em thấy thú vị nhất trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc.

PHẦN I – ÔN TẬP

Tiết 1 – 2

1. Nhìn tranh, nói tên các bài đã học.



2. Dựa vào các tranh vẽ ở bài tập 1, tìm từ ngữ chỉ sự vật theo mẫu dưới đây:

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ người	M: – bà – Nết
	Từ ngữ chỉ vật	M: – nhím nâu – cây cau – cánh cửa – dòng suối

3. Đọc lại một bài đọc em thích, nêu chi tiết, nhân vật hoặc hình ảnh trong bài khiến em nhớ nhất.



Tiết 3 - 4

4. Đọc lời của chim hải âu và trả lời câu hỏi.



- Theo em, chim hải âu nói những câu trên với ai, trong tình huống nào?
 - Đóng vai một loài chim khác, đáp lời hải âu.
5. Thực hành luyện nói theo tình huống.
- a. Tình huống 1: Nếu em chuyển lớp hoặc chuyển trường, em sẽ giới thiệu về mình như thế nào với các bạn trong lớp mới?
- b. Tình huống 2: Lớp em có một bạn ở trường khác chuyển đến. Em sẽ nói gì với bạn để thể hiện sự thân thiện?



Tiết 5 – 6

6. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ:

- a. Chỉ người, chỉ vật
- b. Chỉ hoạt động



7. Nói 2 – 3 câu về một nhân vật trong tranh ở mục 5.

G:

- Người đó là ai?
- Người đó đang làm gì?
- Em có nhận xét gì về cử chỉ, hành động,... của người đó?

8. Chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than thay cho ô vuông.

Chị: – Em đang viết gì đấy

Em: – Em đang viết thư cho em

Chị: – Hay đấy Trong thư nói gì

Em: – Ngày mai, nhận được thư em mới biết

(Theo Tiếng cười học trò)

Tiết 7 – 8

9. Nghe – viết:

Niềm vui là gì?

Gấu hỏi sóc:

- Sóc ơi, niềm vui là gì?
- Niềm vui là được nằm trong vòng tay mẹ đếm sao trời. – Sóc trả lời gấu.

Thấy kiến đi qua, gấu hỏi:

– Bạn kiến ơi, niềm vui là gì?

– Niềm vui là trời tạnh ráo, chúng tớ không phải chuyển nhà.

(Theo *Truyện hay cho bé*)

10. Tìm tiếng chứa *iên* hoặc *yên* thay cho ô vuông.



■ rộng mênh mông.



Xóm làng bình ■.

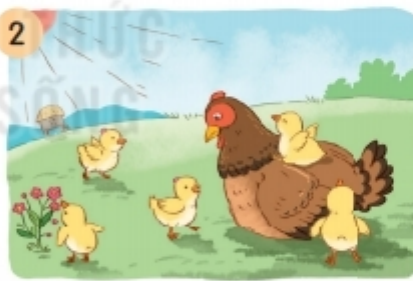


■ núi có ruộng bậc thang.

11. Nói tiếp câu kể lại sự việc trong tranh.



1 Sáng tinh mơ, gà mẹ (...).



2 Gà mẹ cho đàn con (...).



3 Gà mẹ dẫn con đi (...).



4 Buổi trưa, gà mẹ và đàn con (...).

PHẦN II – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

(Học sinh làm bài vào phiếu)

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

ĐÀN MƯA CON

Đám mây đen trĩu nặng
Cúi mình xuống thấp dần
Cho đến khi rạn vỡ
Sinh ra triệu đứa con.

Đàn mưa con bé tí
Trong trẻo như giọt sương
Vừa mới rời xa mẹ
Đã can đảm xuống đường.

Giọt đậu vào cánh khế
Giọt thấm xuống cánh đồng
Giọt bay trên mái phố
Nhảy dù xuống dòng sông.

Sau nhiều ngày trôi nổi
Đi du lịch khắp nơi
Chúng gặp nhau ở biển
Làm sóng trắng trùng khơi...

(Phi Tuyết Ba)

- a. Trong bài thơ, những giọt mưa được gọi là gì?
b. Giọt mưa rơi xuống những đâu?

2. Đọc hiểu

CỎ VÀ LÚA

Ngày xưa, cỏ và lúa là hai chị em ruột, dáng dấp giống hệt nhau. Khi lớn lên, mẹ cho cỏ và lúa ở riêng, mỗi người một cánh đồng.

Lúa chăm chỉ hừng nắng, đón gió, tích lũy chất màu từ đất, làm ra những hạt thóc vàng. Còn cỏ, chỉ mãi đùa nghịch với những giọt sương long lanh đọng trên lá. Dần dần, cỏ ốm o gầy còm, chẳng làm ra sản phẩm gì có ích.

Một hôm, lúa mời cỏ và bạn bè tới chơi. Sau khi ăn uống đủ đầy, cỏ lăn ra ngủ. Thấy nhà của chị lúa sáng sủa, mát mẻ, cỏ xin ở lại. Lúa vốn hiền lành và thương em, nên đã đồng ý. Từ đấy, cỏ sống chung với lúa. Cỏ còn dựa dẫm vào những người láng giềng như ngô, khoai, sắn,...

Cho đến bây giờ, tính tình cỏ vẫn không thay đổi. Chẳng ai ưa cái tính lười nhác của cỏ.

(Theo Nguyễn Anh)

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

a. Trong câu chuyện, lúa và cỏ có mối quan hệ như thế nào?

- Là bạn của nhau
- Là hai chị em ruột
- Là láng giềng của nhau

b. Sau một thời gian ra ở riêng, cỏ và lúa khác nhau như thế nào?

cỏ

làm ra những hạt thóc vàng

lúa

ốm o gầy còm, chẳng làm ra sản phẩm gì

chỉ chơi với ngô, khoai, sắn

c. Vì sao lúa làm ra được sản phẩm có ích?

- Vì lúa chăm chỉ
- Vì lúa hiền lành
- Vì lúa ở nơi sáng sủa

d. Vì sao cỏ không được ai ưa thích?

e. Điền *dấu chấm*, *dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* vào ô vuông.

Cỏ: – Chị lúa ơi, chị cho em ở lại nhà chị được không■

Lúa: – Ừ, em ở lại đây, chị em mình sẽ cùng nhau làm việc■

Cỏ: – Cảm ơn chị nhé■



B. VIẾT

1. Nghe – viết: *Cỏ và lúa* (từ *Lúa chăm chỉ* đến *có ích*).

2. Viết 3 – 4 câu kể một việc làm tốt của em ở nhà hoặc ở trường.

G:

- Việc tốt em đã làm là việc gì?
- Em làm việc đó ở đâu, khi nào?
- Em có suy nghĩ, cảm xúc gì sau khi làm việc đó?

Một số thuật ngữ dùng trong sách

Thuật ngữ Trang

B

bài thơ	16
bảng chữ cái	14

C

câu	12
câu chuyện	19
câu hỏi	16
câu thơ	16
chữ cái	14
chữ hoa	12

D

dấu câu	84
dấu chấm	61
dấu chấm hỏi	61
dấu chấm than	121
dòng thơ	59

Thuật ngữ Trang

Đ

đoạn văn	115
----------	-----

K

khổ thơ	14
---------	----

N

nhân vật	26
----------	----

T

tiếng	52
từ	22
từ ngữ	14

V

vần	59
-----	----

Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài

	Trang
Ê-đi-xon (Edison)	130
Tốt-tô-chan (Totto-chan)	28
Tun Te-le-gon (Toon Tellegen)	82

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: NGUYỄN BÍCH LA

Thiết kế sách: PHAN THỊ THU HƯƠNG

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Minh hoạ: LÊ MẠNH CƯỜNG – BÙI VIỆT DUY – NGUYỄN MAI HƯƠNG

NGUYỄN THẾ PHI – NGUYỄN HỒNG QUÂN

NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Sửa bản in: PHẠM THỊ TÌNH – PHAN THỊ THANH BÌNH

Chế bản: CTCP MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2021) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 2 – TẬP MỘT

Mã số: G1HH2V001H21

In ... bản, (QĐ ... – NXBGDHN) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:

Cơ sở in:

Số ĐKXB: 93-2021/CXBIPH/42-31/GD

Số QĐXB: .../QĐ–GD–HN ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 2020

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-25143-5

Tập hai: 978-604-0-25144-2



BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
BÙI MẠNH HÙNG – TRẦN THỊ HIỂN LƯƠNG (Đồng Chủ biên)
LÊ THỊ LAN ANH – TRỊNH CẨM LAN
CHU THỊ PHƯƠNG – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

TIẾNG VIỆT 2

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
BÙI MẠNH HÙNG – TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Đồng Chủ biên)
LÊ THỊ LAN ANH – TRỊNH CẨM LAN
CHU THỊ PHƯƠNG – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

TIẾNG VIỆT 2

TẬP HAI

(Bản in thử)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Kí hiệu dùng trong sách



Khởi động



Đọc văn bản



Trả lời câu hỏi



Luyện tập theo văn bản đọc



Luyện từ và câu



Luyện viết đoạn



Vận dụng

M: Mẫu

G: Gợi ý

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Việc viết hoa trong sách *Tiếng Việt 2* được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020

*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng
các em học sinh lớp sau.*

MỤC LỤC

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
		VỀ ĐẸP QUANH EM	8
19	Bài 1	Đọc: <i>Chuyện bốn mùa</i>	9
		Viết: Chữ hoa Q	10
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Chuyện bốn mùa</i>	11
	Bài 2	Đọc: <i>Mùa nước nổi</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Mùa nước nổi</i> – Phân biệt: <i>c/k, ch/tr, ac/at</i> Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về các mùa; Dấu chấm, dấu chấm hỏi – Viết đoạn văn tả một đồ vật Đọc mở rộng	12 13 14 15
20	Bài 3	Đọc: <i>Hoạ mi hát</i>	16
		Viết: Chữ hoa R	17
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Hồ nước và mây</i>	18
	Bài 4	Đọc: <i>Tết đến rồi</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Tết đến rồi</i> – Phân biệt: <i>g/gh, s/x, ut/uc</i> Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về ngày Tết; Câu nêu hoạt động – Viết thiệp chúc Tết Đọc mở rộng	19 20 21 22
21	Bài 5	Đọc: <i>Giọt nước và biển lớn</i>	23
		Viết: Chữ hoa S	24
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Chiếc đèn lồng</i>	25
	Bài 6	Đọc: <i>Mùa vàng</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Mùa vàng</i> – Phân biệt: <i>ng/ngh, r/d/gi, uc/ut</i> Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về cây cối; Câu nêu hoạt động – Viết đoạn văn kể về việc chăm sóc cây cối Đọc mở rộng	26 27 28 30

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
22	Bài 7	Đọc: <i>Hạt thóc</i> Viết: Chữ hoa Ư Nói và nghe: Kể chuyện <i>Sự tích cây khoai lang</i>	31 33 33
	Bài 8	Đọc: <i>Luỹ tre</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Luỹ tre</i> – Phân biệt: <i>uynh/uych, l/n, iêt/iêc</i> Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về thiên nhiên; Câu nêu đặc điểm – Viết đoạn văn kể lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia Đọc mở rộng	34 35 36 37
HÀNH TINH XANH CỦA EM			38
23	Bài 9	Đọc: <i>Về chim</i> Viết: Chữ hoa Ư, ư Nói và nghe: Kể chuyện <i>Cảm ơn hoa mi</i>	39 41 41
	Bài 10	Đọc: <i>Khủng long</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Khủng long</i> – Phân biệt: <i>uya/uyu, iêu/ươu, uôt/uôc</i> Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về muông thú; Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than – Viết đoạn văn giới thiệu tranh ảnh về một con vật Đọc mở rộng	42 44 44 45
24	Bài 11	Đọc: <i>Sự tích cây thi là</i> Viết: Chữ hoa Ư Nói và nghe: Kể chuyện <i>Sự tích cây thi là</i>	46 48 48
	Bài 12	Đọc: <i>Bờ tre đón khách</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Bờ tre đón khách</i> – Phân biệt: <i>d/gi, iu/uu, uoc/uot</i> Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về vật nuôi; Câu nêu đặc điểm của các loài vật – Viết đoạn văn kể về hoạt động của con vật Đọc mở rộng	49 51 52 53

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
25	Bài 13	Đọc: <i>Tiếng chổi tre</i>	54
		Viết: Chữ hoa 𐄀	55
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Hạt giống nhỏ</i>	56
	Bài 14	Đọc: <i>Cỏ non cười rồi</i>	57
Viết:		58	
– Nghe – viết: <i>Cỏ non cười rồi</i>			
– Phân biệt: <i>ng/ngh, tr/ch, êt/êch</i>			
26	Bài 15	Đọc: <i>Những con sao biển</i>	61
		Viết: Chữ hoa 𐄁	63
		Nói và nghe: Bảo vệ môi trường	63
	Bài 16	Đọc: <i>Tạm biệt cánh cam</i>	64
Viết:		65	
– Nghe – viết: <i>Tạm biệt cánh cam</i>			
– Phân biệt: <i>oanh/oach, s/x, dấu hỏi/dấu ngã</i>			
27	Bài 17	Luyện tập:	66
		– Mở rộng vốn từ về các loài vật nhỏ bé; Dấu chấm, dấu chấm hỏi	
		– Viết đoạn văn kể về việc làm để bảo vệ môi trường	67
		Độc mở rộng	
28	Bài 18	Độc: <i>Thư viện biết đi</i>	80
		Viết:	82
		– Nghe – viết: <i>Thư viện biết đi</i>	
	29	Bài 19	– Phân biệt: <i>d/gi, ch/tr, dấu hỏi/dấu ngã</i>
Luyện tập:			82
– Mở rộng vốn từ chỉ đặc điểm; Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than			
		– Viết đoạn văn giới thiệu một đồ dùng học tập	83
		Độc mở rộng	

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
29	Bài 19	Đọc: <i>Cảm ơn anh hà mã</i>	84
		Viết: Chữ hoa Ư	86
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Cảm ơn anh hà mã</i>	86
	Bài 20	Đọc: <i>Từ chú bồ câu đến in-to-nét</i>	87
		Viết: – Nghe – viết: <i>Từ chú bồ câu đến in-to-nét</i> – Phân biệt: eo/oe, l/n, ên/ênh	88
Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về giao tiếp, kết nối; Dấu chấm, dấu phẩy – Viết đoạn văn tả một đồ dùng trong gia đình		89	
Đọc mở rộng		90	
CON NGƯỜI VIỆT NAM			91
30	Bài 21	Đọc: <i>Mai An Tiêm</i>	92
		Viết: Chữ hoa Ư	94
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Mai An Tiêm</i>	94
	Bài 22	Đọc: <i>Thư gửi bố ngoài đảo</i>	95
		Viết: – Nghe – viết: <i>Thư gửi bố ngoài đảo</i> – Phân biệt: d/gi, s/x, ip/iêp	97
Luyện tập: – Mở rộng vốn từ nghề nghiệp; Câu nêu hoạt động của con người – Viết lời cảm ơn các chú bộ đội hải quân		98	
Đọc mở rộng		99	
31	Bài 23	Đọc: <i>Bóp nát quả cam</i>	100
		Viết: Chữ hoa Ư	102
		Nói và nghe: Kể chuyện <i>Bóp nát quả cam</i>	103
	Bài 24	Đọc: <i>Chiếc rế đa tròn</i>	104
		Viết: – Nghe – viết: <i>Chiếc rế đa tròn</i> – Viết hoa tên riêng người; Phân biệt: iu/uu, im/iêm	106
Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về Bác Hồ; Câu nêu đặc điểm – Viết đoạn văn kể một sự việc		107	
Đọc mở rộng		108	

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
		VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG EM	109
32	Bài 25	Đọc: <i>Đất nước chúng mình</i> Viết: Chữ hoa Ỡ Nói và nghe: Kể chuyện <i>Thánh Gióng</i>	110 112 112
	Bài 26	Đọc: <i>Trên các miền đất nước</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Trên các miền đất nước</i> – Viết hoa tên địa lí; Phân biệt: <i>ch/tr, iu/iêu</i> Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về sản phẩm các miền đất nước; Câu giới thiệu – Viết đoạn văn giới thiệu một sản phẩm được làm từ tre hoặc gỗ Đọc mở rộng	113 115 116 118
	Bài 27	Đọc: <i>Chuyện quả bầu</i> Viết: Ôn chữ hoa Ơ, ƠƠ, ƠƠ Nói và nghe: Kể chuyện <i>Chuyện quả bầu</i>	119 121 121
	Bài 28	Đọc: <i>Khám phá đáy biển ở Trường Sa</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Khám phá đáy biển ở Trường Sa</i> – Phân biệt: <i>it/uyt, uou/iêu, in/inh</i> Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về các loài vật dưới biển; Dấu chấm, dấu phẩy – Viết đoạn văn kể sự việc chứng kiến, tham gia Đọc mở rộng	122 123 124 125
34	Bài 29	Đọc: <i>Hồ Gươm</i> Viết: Ôn chữ hoa Ơ, Ỡ Nói và nghe: Nói về quê hương, đất nước em	126 127 128
	Bài 30	Đọc: <i>Cánh đồng quê em</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Cánh đồng quê em</i> – Viết hoa tên riêng địa lí; Phân biệt: <i>r/d/gi, dấu hỏi/ dấu ngã</i> Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về nghề nghiệp; Câu nêu hoạt động, công việc – Viết đoạn văn kể về công việc của người thân Đọc mở rộng	129 130 131 132
35		Ôn tập và Đánh giá cuối học kì 2	133

VỀ ĐẸP QUANH EM



ĐỌC



Nói về thời tiết ngày hôm nay tại nơi em ở.



CHUYỆN BỐN MÙA



Ngày đầu năm, bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông gặp nhau.

Đông cầm tay Xuân bảo:

– Chị là người sung sướng nhất. Ai cũng yêu chị. Chị về, cây nào cũng đâm chồi nảy lộc.

Xuân nói:

– Nhưng nhờ có em Hạ, cây trong vườn mới đơm trái ngọt, học sinh mới được nghỉ hè.

Nàng Hạ tinh nghịch xen vào:

– Thế mà thiếu nhi lại thích em Thu nhất. Không có Thu, làm sao có đêm trăng rằm rước đèn, phá cỗ,...

Giọng buồn buồn, Đông nói:

– Chỉ có em là chẳng ai yêu.

Thu đặt tay lên vai Đông, thủ thỉ:

– Có em mới có bếp bùng bếp lửa nhà sàn, mọi người mới có giấc ngủ ấm trong chăn.

Bốn nàng tiên mãi chuyện trò, không biết bà Đất đã đến từ lúc nào. Bà nói:

– Xuân làm cho cây lá tươi tốt. Hạ cho trái ngọt, hoa thơm. Thu làm cho trời xanh cao, học sinh nhớ ngày tựu trường. Còn cháu Đông, cháu có công ấp ủ mầm sống để xuân về cây cối đâm chồi nảy lộc. Các cháu đều có ích, đều đáng yêu.

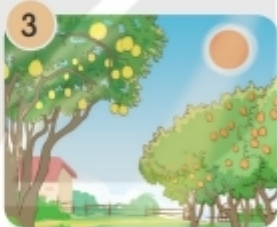
(Theo Từ Nguyên Tĩnh)

Từ ngữ

- *Đâm chồi*: mọc ra những mầm non.
- *Đơm*: nảy ra.



1. Bốn nàng tiên tượng trưng cho những mùa nào trong năm?
2. Theo nàng tiên mùa hạ, vì sao thiếu nhi thích mùa thu?
3. Dựa vào bài đọc, nói tên mùa phù hợp với mỗi tranh.



4. Vì sao bà Đất nói cả bốn nàng tiên đều có ích và đáng yêu?

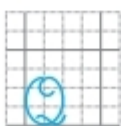


1. Câu nào dưới đây là câu nêu đặc điểm?
 - a. Bốn nàng tiên cầm tay nhau trò chuyện.
 - b. Các cháu đều có ích, đều đáng yêu.
2. Trò chơi *Hỏi nhanh đáp đúng*

Mùa xuân có gì?

Mùa xuân có (...).

VIẾT



1. Viết chữ hoa: Q
2. Viết ứng dụng: *Quê hương em có đồng lúa xanh.*

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, nói về nội dung của từng tranh.

Chuyện bốn mùa



Nàng tiên mùa đông nói gì với nàng tiên mùa xuân?



Theo nàng Xuân, vườn cây vào mùa hạ như thế nào?



Nàng tiên mùa hạ nói gì với nàng tiên mùa thu?



Nàng tiên mùa thu thủ thỉ với nàng tiên mùa đông điều gì?

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.



Nói với người thân về nàng tiên em thích nhất trong câu chuyện trên.

ĐỌC



Bức tranh vẽ cảnh gì?



MÙA NƯỚC NỔI

Mùa này, người làng tôi gọi là mùa nước nổi, không gọi là mùa nước lũ, vì nước lên hiền hoà. Nước mỗi ngày một dâng lên. Mưa dầm dề, mưa suốt suốt ngày này qua ngày khác.

Rồi đến rằm tháng Bảy. “Rằm tháng Bảy nước nhảy lên bờ”. Dòng sông Cửu Long đã no đầy, lại tràn qua bờ. Nước trong ao hồ, trong đồng ruộng của mùa mưa hoà lẫn với nước dòng sông Cửu Long.

Đồng ruộng, vườn tược và cây cỏ như biết giữ lại hạt phù sa ở quanh mình, nước lại trong dần. Ngồi trong nhà, ta thấy cả những đàn cá rờn rờn, từng đàn, từng đàn theo cá mẹ xuôi theo dòng nước, vào tận đồng sâu.

Ngủ một đêm, sáng dậy, nước ngập lên những viên gạch. Phải lấy ván, lấy tre làm cầu từ cửa trước vào đến tận bếp. Vui quá! Có cả một cây cầu lắt lẻo ngay dưới mái nhà.

(Theo Nguyễn Quang Sáng)

Từ ngữ

- *Cá rồng rồng*: loài cá nhỏ, thường bơi theo đàn vào mùa nước nổi.
- *Củ Long*: tên con sông lớn ở miền Nam nước ta.
- *Phù sa*: đất, cát nhỏ mịn, hoà tan trong dòng nước hoặc lắng đọng lại ở bờ sông, bãi bồi.



1. Vì sao người ta gọi là mùa nước nổi mà không gọi là mùa nước lũ?
2. Cảnh vật trong mùa nước nổi thế nào?
 - Sông, nước
 - Đồng ruộng, vườn tược, cây cỏ
 - Cá
3. Vì sao vào mùa nước nổi, người ta phải làm cầu từ cửa trước vào đến tận bếp?
4. Em thích nhất hình ảnh nào trong bài?



1. Từ nào chỉ đặc điểm của mưa có trong bài đọc?

dầm dề

rả rích

suốt suốt

dai dẳng

2. Tìm thêm từ ngữ tả mưa.

M: ào ào

VIẾT

1. Nghe – viết: *Mùa nước nổi* (từ *Đồng ruộng* đến *đồng sâu*).
2. Tìm tên sự vật có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k*.



3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

cây e

ú ý

quả anh

e mưa

ú mưa

búc anh

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *ac* hoặc *at*.

M: *ac*: củ lạc

at: hạt cát

LUYỆN TẬP



1. Nói tên mùa và đặc điểm của các mùa ở miền Bắc.



Mùa nào?



2. Nói tên mùa và đặc điểm của các mùa ở miền Nam.



3. Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thay cho ô vuông.

– Ở miền Bắc, mùa nào trời lạnh .

– Ở miền Bắc, mùa đông trời lạnh .

- Ở miền Nam, nắng nhiều vào mùa nào
- Ở miền Nam, nắng nhiều vào mùa khô
- Sau cơn mưa, cây cối như thế nào
- Sau cơn mưa, cây cối tốt tươi



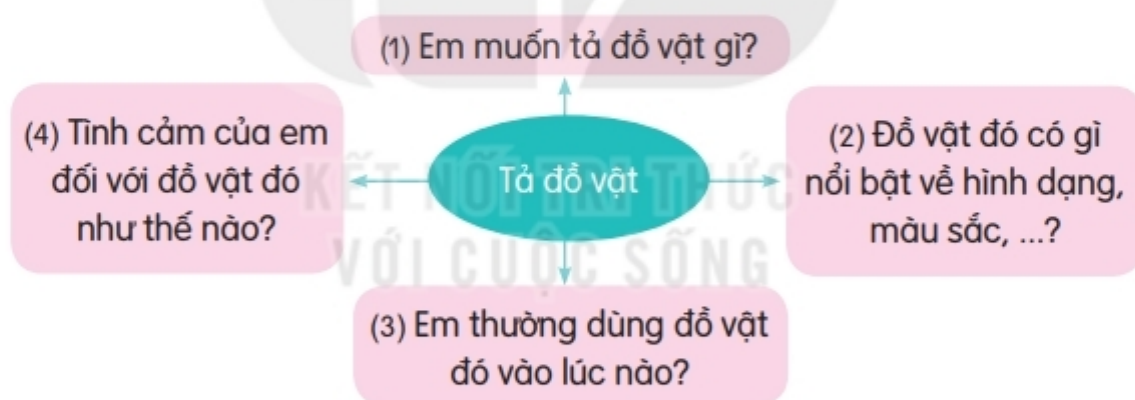
1. Quan sát các hình dưới đây.



a. Kể tên các đồ vật trong hình.

b. Chọn 1 – 2 đồ vật yêu thích và nói về đặc điểm, công dụng của chúng.

2. Viết 3 – 5 câu tả một đồ vật em cần dùng để tránh nắng hoặc tránh mưa.



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một câu chuyện, bài thơ viết về các mùa trong năm.
2. Chia sẻ với các bạn một số điều thú vị trong câu chuyện, bài thơ em đã đọc.

Tên câu chuyện, bài thơ.

Điều em thích nhất trong câu chuyện, bài thơ đó.

ĐỌC



Hình ảnh trong bức tranh thể hiện mùa nào trong năm?



HOẠ MI HÓT

Mùa xuân! Mỗi khi hoạ mi cất lên những tiếng hót vang lừng, mọi vật như có sự thay đổi kì diệu.

Trời bỗng sáng ra. Những luồng sáng chiếu qua các chùm lộc mới nhú, rực rỡ hơn. Những ngọn sóng trên hồ hoà nhịp với tiếng hoạ mi hót, lấp lánh thêm. Da trời bỗng xanh hơn, những làn mây trắng trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn. Các loài hoa nghe tiếng hót trong suốt của hoạ mi chột bùng giắc, xoè những cánh hoa đẹp, bày đủ các màu sắc xanh tươi. Tiếng hót đều đặn của hoạ mi giục các loài chim dạo lên những khúc nhạc tung bùng, ngợi ca núi sông đang đổi mới.

Chim, mây, nước và hoa đều cho rằng tiếng hát kì diệu của hoạ mi đã làm cho tất cả bừng tỉnh giấc... Hoạ mi thấy lòng vui sướng, cố hát hay hơn.

(Theo Võ Quảng)



Từ ngữ

- *Luồng sáng*: ánh sáng di chuyển theo một chiều nhất định.
- *Lộc*: lá mới bắt đầu mọc vào mùa xuân.
- *Điệu dặt*: âm thanh lúc nhanh, lúc chậm một cách nhịp nhàng và êm nhẹ.

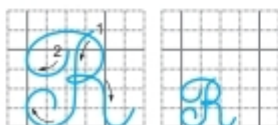


1. Tiếng hát kì diệu của hoạ mi đã làm cho những sự vật trên bầu trời thay đổi như thế nào?
2. Những gợn sóng trên hồ có gì thay đổi khi hoà nhịp với tiếng hoạ mi hát?
3. Nói tiếp sự thay đổi của các sự vật trên mặt đất khi nghe hoạ mi hát.
 - a. Các loài hoa (...).
 - b. Các loài chim (...).
4. Nếu được đặt tên cho bài đọc, em sẽ chọn tên nào?
 - a. Sứ giả của mùa xuân
 - b. Hoạ mi và mùa xuân
 - c. Hoạ mi hát



1. Tìm trong bài đọc từ ngữ tả tiếng hát của hoạ mi.
2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

VIẾT



1. Viết chữ hoa: R
2. Viết ứng dụng: Rừng cây vườn mình đón nắng mai.

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Hồ nước và mây

(Theo Truyện kể cho thiếu nhi)



Hồ nước và mây nói gì với nhau vào một ngày cuối xuân?



Dưới nắng hè gay gắt, hồ nước lên tiếng cầu cứu ai?



Vì sao chị mây bay tới hồ nước và cho mưa xuống?



Qua mùa thu, sang mùa đông, chuyện gì xảy ra với chị mây?

2. Nghe kể chuyện.

3. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.



Nói với người thân về điều em đã học được từ câu chuyện trên.

ĐỌC



Nói những điều em biết về ngày Tết.



TẾT ĐẾN RỒI

Tết là khởi đầu cho một năm mới, là dịp lễ được mong chờ nhất trong năm.



Vào dịp Tết, các gia đình thường gói bánh chưng hoặc bánh tét. Bánh chưng hình vuông, gói bằng lá dong. Bánh tét hình trụ, thường gói bằng lá chuối. Cả hai loại bánh đều làm từ gạo nếp, đỗ xanh, thịt lợn.

Mai và đào là hai loài hoa đặc trưng cho Tết ở hai miền Nam, Bắc. Hoa mai rực rỡ sắc vàng. Hoa đào thường có màu hồng tươi, xen lẫn lá xanh và nụ hồng chúm chím.



Ngày Tết, người lớn thường tặng trẻ em những bao lì xì xinh xắn, với mong ước các em mạnh khỏe, giỏi giang. Tết là dịp mọi người quây quần bên nhau và dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp.

(Ảnh Dương)

Từ ngữ

Đặc trưng: đặc điểm riêng, tiêu biểu.



1. Sắp xếp các ý dưới đây theo trình tự các đoạn trong bài đọc.

1

Nói về hoa mai, hoa đào

2

Giới thiệu chung về Tết

3

Hoạt động của mọi người
trong dịp Tết

4

Nói về bánh chưng, bánh tét

2. Người ta dùng những gì để làm bánh chưng, bánh tét?
3. Người lớn mong ước điều gì khi tặng bao lì xì cho trẻ em?
4. Em thích những hoạt động nào của gia đình em trong dịp Tết?



1. Tìm trong bài những từ ngữ miêu tả:

- a. hoa mai
- b. hoa đào

2. Đặt một câu giới thiệu về loài hoa em thích.

M: Đào là loài hoa đặc trưng cho Tết ở miền Bắc.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Tết đến rồi

Vào dịp Tết, các gia đình thường gói bánh chưng hoặc bánh tét. Người lớn thường tặng trẻ em những bao lì xì xinh xắn với mong ước các em mạnh khỏe, giỏi giang. Tết là dịp mọi người quây quần bên nhau và dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp.

2. Chọn *g* hoặc *gh* thay cho ô vuông.

Chị tre chải tóc bên ao

Nàng mây áo trắng é vào soi uơng

(Theo Trần Đăng Khoa)



3. Chọn a hoặc b.

a. Tìm tiếng ghép được với *sinh* hoặc *xinh*.

M: *sinh*: sinh sống

xinh: xinh đẹp

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *ut* hoặc *uc*.

M: *ut*: sút bóng

uc: chúc mừng

LUYỆN TẬP



1. Quan sát tranh và thực hiện các yêu cầu:

a. Tìm từ ngữ chỉ sự vật.

M: lá dong

b. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động.

M: lau lá dong

c. Sắp xếp các hoạt động theo trình tự của việc làm bánh chưng.



2. Hỏi – đáp về việc thường làm trong dịp Tết. Viết vào vở một câu hỏi và một câu trả lời.

M: – Bạn thường làm gì vào dịp Tết?

– Vào dịp Tết, mình thường đi thăm họ hàng.



1. Đọc các tấm thiệp dưới đây và trả lời câu hỏi.



a. Mỗi tấm thiệp trên là của ai viết gửi đến ai?

b. Mỗi tấm thiệp đó được viết trong dịp nào?

c. Người viết chúc điều gì?

2. Em hãy viết một tấm thiệp chúc Tết gửi cho một người bạn hoặc người thân ở xa.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ hoặc một câu chuyện về ngày Tết.
2. Chia sẻ với các bạn câu thơ hay trong bài thơ hoặc điều em thích trong câu chuyện.



ĐỌC



Theo em, nước mưa rơi xuống sẽ đi đâu?



GIỌT NƯỚC VÀ BIỂN LỚN

Tí ta tí tách

Tùng giọt

Tùng giọt

Mưa rơi

Rơi rơi.

Góp lại bao ngày

Thành dòng suối nhỏ

Lượn trên bãi cỏ

Chảy xuống chân đồi.

Suối gặp bạn rồi

Góp thành sông lớn

Sông đi ra biển

Biển thành mênh mông.

Biển ơi, có biết

Biển lớn vô cùng

Từng giọt nước trong

Làm nên biển đấy!

(Nguyễn Bao)

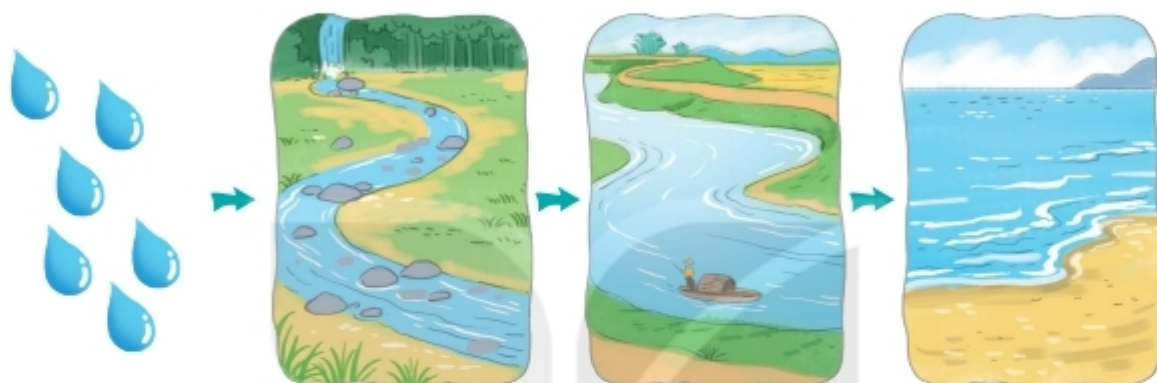


Từ ngữ

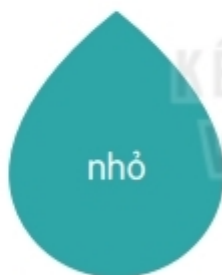
Lượn: uốn theo đường vòng.



1. Những gì tạo nên dòng suối nhỏ?
2. Bài thơ cho biết nước biển từ đâu mà có?
3. Kể tên các sự vật được nhắc đến trong bài thơ.
4. Nói về hành trình giọt nước đi ra biển.



1. Mỗi từ dưới đây tả sự vật nào trong bài thơ?



nhỏ



lớn



mênh mông

2. Đóng vai biển, em hãy nói lời cảm ơn giọt nước.

VIẾT



1. Viết chữ hoa:  
2. Viết ứng dụng: Suối chảy róc rách qua khe đá.

1. Nghe kể chuyện.

Chiếc đèn lồng

(Theo 101 truyện kể cho bé)



Bác đom đóm già nghĩ gì khi nhìn
bầy đom đóm rước đèn lồng?



Bác đom đóm làm gì khi nghe
tiếng khóc của ong non?



Chuyện gì xảy ra với bác đom đóm
sau khi đưa ong non về nhà?



Điều gì khiến bác đom đóm
cảm động?

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân về bác đom đóm già trong câu chuyện *Chiếc đèn lồng*.

ĐỌC



Giải câu đố:

a. Tròn như quả bóng màu xanh
Đưng đưa trên cành chờ Tết Trung thu.

(Là quả gì?)

b. Quả gì vỏ có gai mềm
Đến khi chín đỏ thoát nhìn tưởng hoa?

(Là quả gì?)



MÙA VÀNG

Thu về, những quả hồng đỏ mọng, những hạt dẻ nâu bóng, những quả na mở to mắt, thơm dịu dịu. Biển lúa vàng ươm. Gió nổi lên và sóng lúa vàng dập dờn trải tới chân trời.

Minh ríu rít bên mẹ:

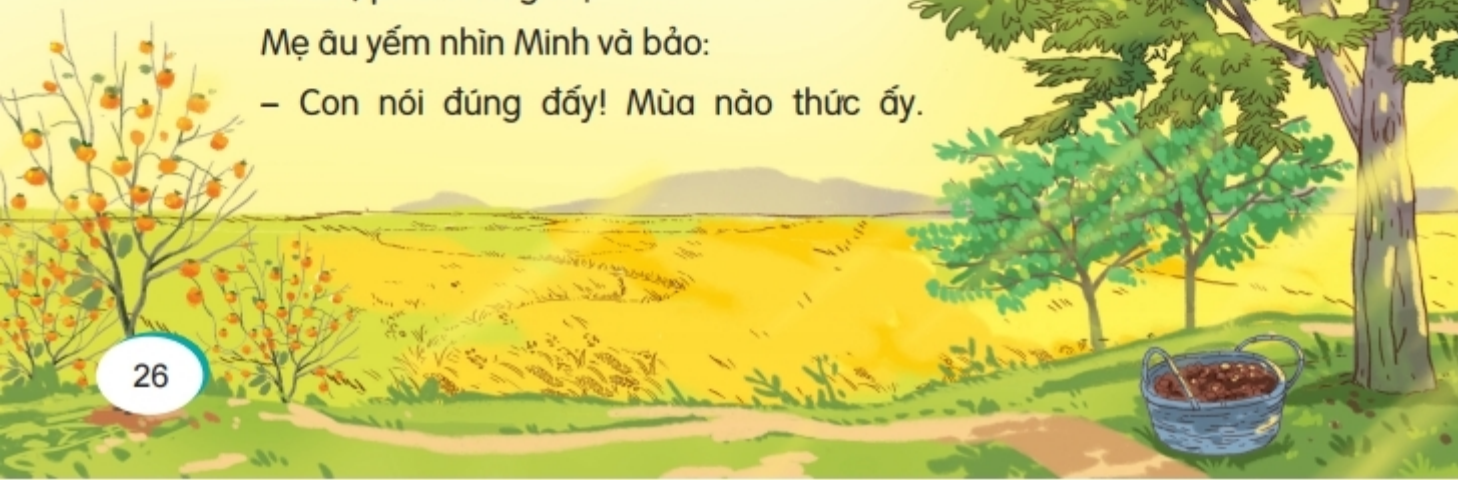
– Mẹ ơi, con thấy quả trên cây đều chín hết cả rồi. Các bạn ấy đang mong có người đến hái đấy. Nhìn quả chín ngon thế này, chắc các bác nông dân vui lắm mẹ nhỉ?

– Đúng thế con ạ.

– Nếu mùa nào cũng được thu hoạch thì thích lắm, phải không mẹ?

Mẹ âu yếm nhìn Minh và bảo:

– Con nói đúng đấy! Mùa nào thức ấy.



Nhưng để có cái thu hoạch, trước đó người nông dân phải làm rất nhiều việc. Họ phải cày bừa, gieo hạt và ươm mầm. Rồi mưa nắng, hạn hán, họ phải chăm sóc vườn cây, ruộng đồng. Nhờ thế mà cây lớn dần, ra hoa kết trái và chín rộ đấy.

– Mẹ ơi, con hiểu rồi. Công việc của các bác nông dân vất vả quá mẹ nhỉ?

(Theo *Những câu chuyện hay, những bài học quý*)

Từ ngữ

- *Dập dòn*: (lúa) chuyển động lên xuống nhịp nhàng theo gió.
- *Ươm mầm*: gieo hạt cho mọc thành cây non.



1. Những loài cây, loại quả nào được nói đến khi mùa thu về?
2. Bạn nhỏ nghĩ gì khi nhìn thấy quả chín?
3. Kể tên những công việc người nông dân phải làm để có mùa thu hoạch.
4. Bài đọc giúp em hiểu điều gì?



1. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

A

Quả hồng

Hạt dẻ

Quả na

Biển lúa

B

vàng ươm.

thơm dịu dịu.

đỏ mọng.

nâu bóng.

2. Đặt một câu nêu đặc điểm của loài cây hoặc loại quả mà em thích.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Mùa vàng

Muốn có thu hoạch, người nông dân phải làm rất nhiều việc. Họ phải cày bừa, gieo hạt và ươm mầm. Rồi mưa nắng, hạn hán, họ phải đổ mồ hôi chăm sóc vườn cây, ruộng đồng. Nhờ thế mà cây lớn dần, ra hoa kết trái và chín rộ.

2. Chọn *ng* hoặc *nh* thay cho ô vuông.

Cuối con về ỉ hè
Trong đầm sen bát át
Lá xanh xoè ô che
Hoa đua hương ào ạt.

(Theo Nguyễn Văn Chương)

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *r*, *d* hoặc *gi* thay cho ô vuông.

Mua ăng trên đồng
Uốn mềm ngọn lúa
Hoa xoan theo ó
ải tím mặt đường.

(Theo Nguyễn Bao)

b. Chọn tiếng trong ngoặc thay cho ô vuông.

- Vườn cây tươi tốt nhờ công (*sức/ sút*) lao động của cô bác nông dân.
- Đầu xuân, dân làng nô (*nức/ nứt*) ra đồng để trồng cấy.
- Nhiều loại củ, quả được dùng để làm (*mức/ mứt*) Tết.

LUYỆN TẬP



1. Kể tên các loại cây lương thực, cây ăn quả mà em biết.



M: cây lúa



M: cây hồng

2. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động chăm sóc cây.
3. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu.

A

Chúng em trồng cây

Ông cuốc đất

Công nhân đô thị làm rào chắn

B

để giúp thành phố thêm xanh.

để bảo vệ cây.

để trồng rau.



1. Nhìn tranh, nói về việc bạn nhỏ đang làm.



2. Viết 3 – 5 câu kể lại việc em và các bạn chăm sóc cây.

G: – Em và các bạn đã làm việc gì để chăm sóc cây?

– Kết quả công việc ra sao?

– Em có suy nghĩ gì khi làm xong việc đó?



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Kể tên những câu chuyện viết về thiên nhiên mà em đã đọc.

2. Chia sẻ với các bạn những chi tiết thú vị trong câu chuyện.

Tớ đã đọc cuốn sách
Hoa lá trong vườn.



ĐỌC



Giải câu đố:

Hạt gì nhỏ nhỏ
Trong trắng, ngoài vàng
Xay, giã, giần, sàng
Nấu thành cơm dẻo?

(Là hạt gì?)



HẠT THÓC

Tôi chỉ là hạt thóc
Sinh ra trên cánh đồng
Giấu trong mình câu chuyện
Một cuộc đời bão động.
Tôi ngậm ánh nắng sớm
Tôi uống giọt sương mai
Tôi sống qua bão lũ
Tôi chịu nhiều thiên tai.



Dẫu hình hài bé nhỏ
Tôi trải cả bốn mùa
Dẫu bây giờ bình dị
Tôi có từ ngàn xưa.

Tôi chỉ là hạt thóc
Không biết hát biết cười
Nhưng tôi luôn có ích
Vì nuôi sống con người.

(Ngô Hoài Chung)

Từ ngữ

Thiên tai: những hiện tượng thiên nhiên gây tác động xấu như bão, lũ lụt, hạn hán, động đất.



1. Hạt thóc được sinh ra ở đâu?
2. Những câu thơ nào cho thấy hạt thóc trải qua nhiều khó khăn?
3. Hạt thóc quý giá như thế nào với con người?
4. Em thích nhất câu thơ nào? Vì sao?



1. Từ nào trong bài thơ cho thấy hạt thóc tự kể chuyện về mình?
2. Đóng vai hạt thóc, tự giới thiệu về mình.

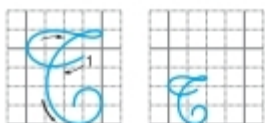
G:

- Tôi là ...
- Tôi sinh ra từ ...
- Tôi có ích vì ...

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



VIẾT



- Viết chữ hoa:
- Viết ứng dụng: Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.

NÓI VÀ NGHE

- Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Sự tích cây khoai lang

(Theo Tuyển tập truyện, thơ, câu đố cho trẻ Mầm non)



Hai bà cháu nghèo khổ làm gì để sinh sống?



Chuyện gì xảy ra với hai bà cháu khi rừng bị cháy?



Điều may mắn gì đã đến với hai bà cháu?



Hai bà cháu đã làm gì để giúp mọi người hết đói khổ?

- Nghe kể chuyện.
- Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân về những việc làm tốt của người cháu trong câu chuyện trên.

ĐỌC



Giải câu đố:

Cây gì mang dáng quê hương
Thân chia từng đốt, rợp đường em đi
Mầm non dành tặng thiếu nhi
Gắn trên huy hiệu, em ghi tạc lòng?

(Là cây gì?)

LUỸ TRE

Mỗi sớm mai thức dậy
Lũy tre xanh rì rào
Ngọn tre cong gọng vó
Kéo mặt trời lên cao.

Những trưa đồng đầy nắng
Trâu nằm nhai bóng râm
Tre bản thân nhớ gió
Chợt về đầy tiếng chim.

Mặt trời xuống núi ngủ
Tre nâng vầng trăng lên
Sao, sao treo đầy cành
Suốt đêm dài thấp sáng.

Bống gà lên tiếng gáy
Xôn xao ngoài lũy tre
Đêm chuyển dần về sáng
Mầm măng đợi nắng về.

(Nguyễn Công Dương)



Từ ngữ

Bần thần: chỉ tâm trạng nhớ thương, lưu luyến, nghĩ ngợi.



1. Tìm những câu thơ miêu tả cây tre vào lúc mặt trời mọc.
2. Câu thơ nào ở khổ thơ thứ hai cho thấy tre cũng giống như người?
3. Ở khổ thơ thứ ba, hình ảnh lũy tre được miêu tả vào những lúc nào?
4. Em thích hình ảnh nào nhất trong bài thơ?



1. Tìm từ ngữ chỉ thời gian trong bài thơ.
2. Tìm thêm những từ ngữ chỉ thời gian mà em biết.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Lũy tre* (3 khổ thơ đầu).
2. Chọn *uynh* hoặc *uych* thay cho ô vuông.
 - Các bạn chạy h h trên sân bóng.
 - Nhà trường tổ chức họp phụ h vào Chủ nhật.

3. Chọn a hoặc b.

- a. Chọn / hoặc n thay cho ô vuông.

Những hạt mưa ti
Dịu dàng và mềm mại
Gọi mùa xuân ở ai
Trên mắt chồi xanh on.

(Theo Nguyễn Lâm Thắng)

- b. Chọn *iêt* hoặc *iêc* thay cho ô vuông.

Bé đi dưới hàng cây
Chỉ thấy vòm lá b
Nhạc công vẫn mê say
Điệu bỗng trầm tha th .

(Theo Nguyễn Lâm Thắng)

LUYỆN TẬP



1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

bầu trời

lấp lánh

trong xanh

ngôi sao

nuong lúa

lũy tre

xanh

vàng óng

cánh đồng



2. Ghép từ ngữ chỉ sự vật với từ ngữ chỉ đặc điểm ở bài tập 1 để tạo 3 câu.

M: Bầu trời trong xanh.

3. Hỏi – đáp về đặc điểm của các sự vật *ngôi sao*, *dòng sông*, *nuong lúa*, *bầu trời*.

M: – Bầu trời **thế** nào?

– Bầu trời **cao** **vời** **vội**.



1. Nói về việc làm của từng người trong tranh.



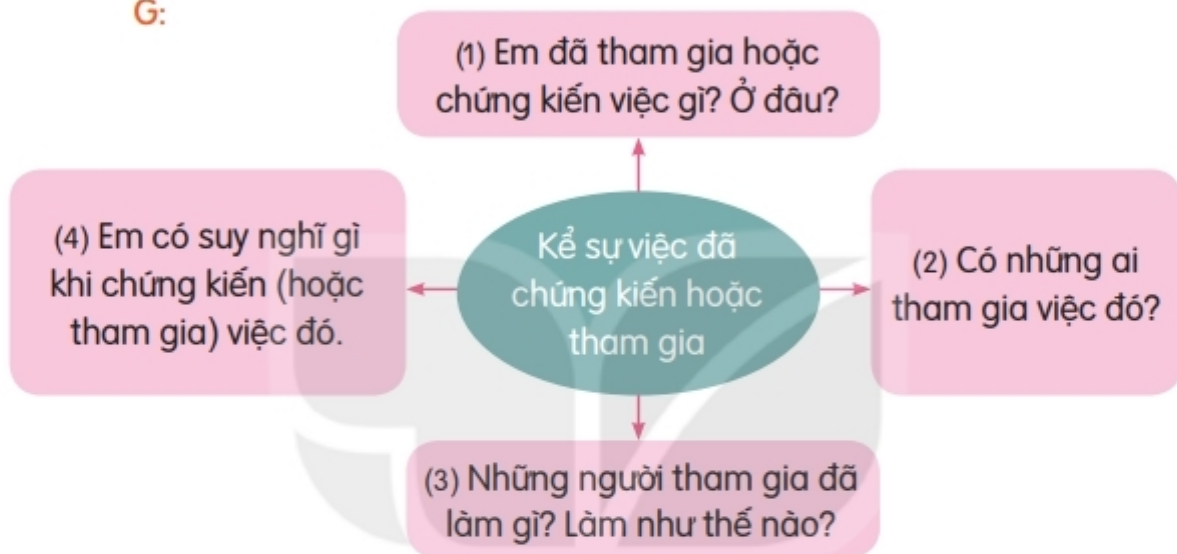
Tham khảo đoạn văn sau:

Trên nương, mỗi người một việc. Người lớn đánh trâu ra cày. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy chú bé bắc bếp thổi cơm. Các bà mẹ tra ngô. Các em bé ngủ khi trên lưng mẹ.

(Theo Tô Hoài)

2. Viết 3 – 5 câu kể về một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia ở nơi em sống.

G:



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ về vẻ đẹp thiên nhiên. Trao đổi với các bạn suy nghĩ của em về bài thơ.
2. Viết vào nhật kí đọc sách một khổ thơ em thích.



HÀNH TINH XANH CỦA EM



ĐỌC



Nói về một loài chim mà em biết.



VỀ CHIM

Hay chạy lon xon
Là gà mới nở
Vừa đi vừa nhảy
Là em sáo xinh
Hay nói linh tinh
Là con liều điệu
Hay nghịch hay tếu
Là cậu chìa vôi
Hay chao đớp mồi
Là chim chào bẻo
Tĩnh hay mách lẻo
Thím khách trước nhà
Hay nhặt lân la
Là bà chim sẻ



Có tình có nghĩa
Là mẹ chim sâu
Giục hè đến mau
Là cô tu hú
Nhấp nhem buồn ngủ
Là bác cú mèo...
(Đồng dao)



Từ ngữ

- (Chạy) *lon xon*: dáng chạy nhanh và trông rất đáng yêu.
- (Nhặt) *lân la*: nhặt loanh quanh, không đi xa.
- *Nhấp nhem*: (mắt) lúc nhắm lúc mở.



1. Kể tên các loài chim được nhắc đến trong bài về.

2. Chơi đồ vui về các loài chim.

M: – Chim gì vừa đi vừa nhảy?
– Chim sáo.

3. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của các loài chim trong bài về.

M: chạy lon xon

4. Dựa vào nội dung bài về và hiểu biết của em, giới thiệu về một loài chim.

M: – Tên loài chim: sáo
– Đặc điểm: vừa đi vừa nhảy, hát hay

* Học thuộc lòng 8 dòng đầu trong bài về.



1. Tìm những từ chỉ người được dùng để gọi các loài chim dưới đây:

bác cú mèo

em sáo xinh

cậu chìa vôi

cô tu hú

2. Đặt một câu với từ ngữ ở bài tập trên.

M: Bác cú mèo có đôi mắt rất tinh.



1. Viết chữ hoa:

2. Viết ứng dụng: Rừng U Minh có nhiều loài chim quý.

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Cảm ơn họa mi

(Theo Truyện cổ An-đéc-xen)



Vật gì có ở vương quốc khiến nhà vua tự hào nhất?



Nhà vua được tặng gì? Vì sao họa mi trở về rừng xanh?



Điều gì xảy ra với món quà nhà vua được tặng?



Vì sao họa mi quay trở về hoàng cung cất tiếng hát đầy xúc cảm?

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.



Đóng vai chim họa mi, kể cho người thân các sự việc trong câu chuyện trên.

ĐỌC



Em đã nhìn thấy loài vật này ở đâu? Em biết gì về chúng?



KHỦNG LONG

Khủng long là loài vật thường sống thành bầy đàn ở các vùng đất khô.

Trong suy nghĩ của nhiều người, khủng long là loài vật khổng lồ. Nhưng trên thực tế, có loài khủng long chỉ bằng một chú chó nhỏ. Khủng long thường ăn thịt, cũng có một số loài ăn cỏ.

Chân khủng long thẳng và rất khoẻ. Vì thế chúng có thể đi khắp một vùng rộng lớn để kiếm ăn. Khủng long có khả năng săn mồi tốt nhờ có đôi mắt tinh tường cùng cái mũi và đôi tai thính. Khủng long cũng có khả năng tự vệ tốt nhờ vào cái đầu cứng và cái quất đuôi dũng mãnh.

Trước khi con người xuất hiện, khủng long đã bị tuyệt chủng. Vì thế, chúng ta sẽ không bao giờ có thể nhìn thấy khủng long thật.

(Theo Bách khoa tri thức về khám phá thế giới cho trẻ em – Khủng Long)



Từ ngữ

- *Tự vệ*: tự bảo vệ mình.
- *Dũng mãnh*: có sức mạnh trên mức bình thường.
- *Tuyệt chủng*: mất hẳn nòi giống.



1. Bài đọc cho biết những thông tin nào về khủng long?

a. sống ở các vùng đất khô

c. ăn cỏ hoặc ăn thịt

b. có kích thước khổng lồ

d. hung dữ

2. Những bộ phận nào giúp khủng long săn mồi tốt?

3. Nhờ đâu khủng long có khả năng tự vệ tốt?

4. Vì sao chúng ta không thể gặp khủng long thật?



1. Tìm trong bài từ ngữ dùng để tả các bộ phận của khủng long.



tai



mắt



đầu



chân

2. Hỏi – đáp về đặc điểm các bộ phận của khủng long.

M: – Đầu khủng long thế nào?

– Đầu khủng long rất cứng.

1. Nghe – viết: *Khủng long* (từ *Chân khủng long* đến *đôi tai thính*).
2. Chọn *uya* hoặc *uyu* thay cho ô vuông.
 - a. Đường lên núi quanh co, khúc kh[?].
 - b. Mẹ tôi thúc kh[?] dậy sớm làm mọi việc.
3. Chọn a hoặc b.
 - a. Nhìn hình, tìm từ ngữ chứa *iêu* hoặc *ươu* để gọi tên loài vật.

M: 1. diều hâu

1



2



3



- b. Nhìn hình, tìm từ ngữ chứa *uộc* hoặc *uôt* để gọi tên loài vật.

M: 3. chim cuốc

1



2



3



LUYỆN TẬP

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



1. Nói tên các con vật ẩn trong tranh.



2. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của các con vật sống trong rừng. Đặt một câu với từ ngữ em tìm được.

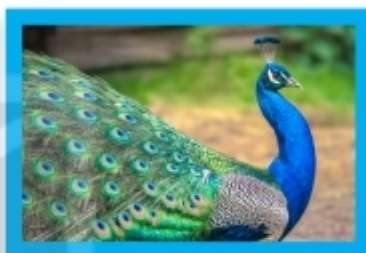
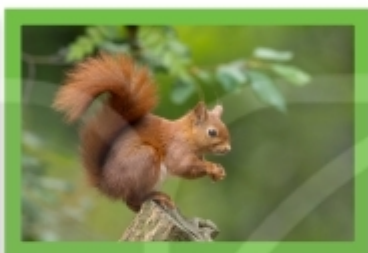
M: leo – Khi đang leo cây.

3. Chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than thay cho ô vuông.

- a. Con gì có cái vòi rất dài ☐
- b. Con mèo đang trèo cây cau ☐
- c. Con gì phi nhanh như gió ☐
- d. Ôi, con công múa đẹp quá ☐



1. Nói tên con vật trong mỗi bức tranh (ảnh) dưới đây.



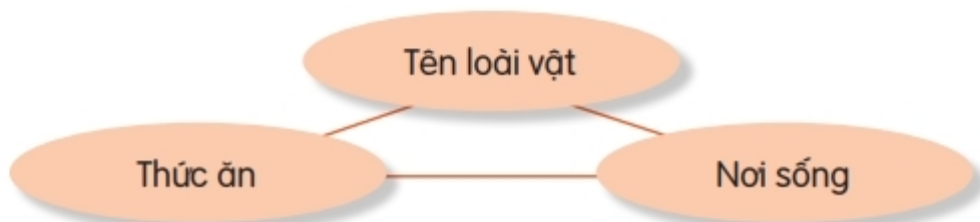
2. Viết 3 – 5 câu giới thiệu tranh (ảnh) về một con vật em yêu thích.

G:

- Em nhìn thấy tranh (ảnh) ở đâu?
- Trong tranh (ảnh) có con vật nào? Con vật đó đang làm gì? Nó có đặc điểm gì nổi bật?
- Em có thích tranh (ảnh) đó không? Vì sao?

ĐỌC MỞ RỘNG

- 1. Tìm đọc sách, báo viết về động vật hoang dã (hổ, báo, sư tử,...).
- 2. Giới thiệu với các bạn một số thông tin về loài động vật đó.



ĐỌC



Nói tên một số cây rau mà em biết.



SỰ TÍCH CÂY THÌ LÀ

Ngày xưa, cây cối trên trái đất chưa có tên gọi. Trời bèn gọi chúng lên để đặt tên. Cây cối mừng rỡ kéo nhau lên trời. Trời chỉ tay vào từng cây và đặt tên:

- Chú thì ta đặt tên cho là cây dứa.
- Chú thì ta đặt tên cho là cây cau.
- Chú thì ta đặt tên cho là cây mít...

Trời đặt tên mãi mà vẫn chưa hết. Về sau, trời chỉ nói vắn tắt:

- Chú thì là cây cải.
- Chú là cây ớt.
- Chú là cây tỏi...

Khi các loài cây đều đã có tên, bỗng một cái cây dáng mảnh khảnh, lá nhỏ xíu đến xin đặt tên.

- Chú bé tí xíu, chú có ích gì để ta đặt tên nào? – Trời hỏi.

Cây nhỏ liền thưa:

- Thưa trời, khi nấu canh riêu cá hoặc làm chả cá, chả mực mà không có con thì mất cả ngon ạ.

Trời liền bảo:

– Ủ, để ta nghĩ cho một cái tên. Tên chú thì... là... thì... là...

Trời còn đang suy nghĩ, cây nhỏ đã chạy đi xa rồi. Nó mừng rỡ khoe với bạn bè:

– Trời đặt tên cho tôi là cây “thì là” đấy!

(Sự tích cây thì là – Trịnh Mạnh kể)

Từ ngữ

Mảnh khảnh: cao gầy, nhỏ, trông có vẻ yếu ớt.



1. Đóng vai trời và cây cối, diễn lại cảnh trời đặt tên cho các loài cây.

M: Trời: – Chú thì ta đặt tên cho là cây dừa.

Cây dừa: – Con cảm ơn ạ!

2. Để được trời đặt tên, cái cây dáng mảnh khảnh, lá nhỏ xiu đã giới thiệu về mình như thế nào?

3. Vì sao cây này có tên là “thì là”?

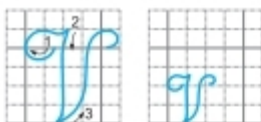
4. Theo em, bạn bè của cây nhỏ sẽ nói gì khi cây nhỏ khoe tên mình là cây thì là?



1. Đóng vai cây thì là, nói lời đề nghị trời đặt tên.

2. Cùng bạn nói và đáp lời đề nghị chơi một trò chơi.

VIẾT



- Viết chữ hoa:
- Viết ứng dụng: Vườn cây quanh năm xanh tốt.

NÓI VÀ NGHE

- Nhắc lại sự việc trong từng tranh.

Sự tích cây thì là



Cây cối lên trời làm gì?



Trời nói gì với các loài cây?



Cuộc nói chuyện giữa trời và cây nhỏ diễn ra như thế nào?



Vì sao cây nhỏ có tên là "thì là"?

- Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.



Cùng người thân kể tên các loài cây ở xung quanh em.

ĐỌC



Quan sát tranh và nhận xét về cảnh vật được vẽ trong tranh.



BỜ TRE ĐÓN KHÁCH

Bờ tre quanh hồ
Suốt ngày đón khách
Một đàn cò bạch
Hạ cánh reo mừng
Tre chột tung bùng
Nở đầy hoa trắng.

Đến chơi im lặng
Có bác bồ nông
Đứng nhìn mênh mông
Im như tượng đá.
Một chú bói cá
Đổ xuống cành mềm
Chú vẹt bay lên
Đậu vào chỗ cũ.

Ghé chơi đông đủ
Cả toán chim cu
Ca hát gặt gù:
“Ồ, tre rất mát!”.

Khách còn chú ếch
Ì ộp vang lũng
Gọi sao tung bùng
Lúc ngày vừa tắt.

(Võ Quảng)

Từ ngữ

- *Cò bạch* (còn gọi là *cò trắng*): loài chim chân cao, cổ dài, mỏ nhọn, lông màu trắng.
- *Bồ nông*: loài chim mỏ to và dài, cổ có túi to đựng mồi.
- *Bói cá*: loài chim mỏ dài, hay nhào xuống nước để bắt cá.
- *Chim cu*: chim thuộc họ bồ câu, đầu nhỏ, ngực nở, đuôi vót.



1. Có những con vật nào đến thăm bờ tre?
2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B.

A	B
cò bạch	ca hát
bói cá	hạ cánh
chim cu	đứng nhìn
ếch	bay lên
bồ nông	ì ộp

3. Câu thơ nào thể hiện niềm vui của bờ tre khi được đón khách?
 4. Tìm tiếng cùng vần ở cuối các dòng thơ trong đoạn thơ thứ nhất.
- * Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.



1. Tìm từ ngữ trong bài cho biết cuộc gặp gỡ giữa các con vật diễn ra rất vui.
2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

1. Nghe – viết: *Bờ tre đón khách* (từ *Bờ tre quanh hồ* đến *Đậu vào chỗ cũ*).

2. Chọn *d* hoặc *gi* thay cho ô vuông.

Cây ■ừa xanh toả nhiều tàu
 ■ang tay đón ■ố, gặt đầu gọi trăng...
 (Theo Trần Đăng Khoa)



3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *i* hoặc *u* thay cho ô vuông.

- Xe c■ hoả chạy như bay đến nơi có đám cháy.
- Chim hót r■ rít trong vòm cây.
- Cây bưởi nhà em quả sai tr■ cành.

b. Chọn *u* hoặc *o* thay cho ô vuông.

- Hoa thược d■ nở rực rỡ trong vườn.
- Những hàng liễu rủ th■ tha bên hồ.
- N■ ngập mênh mông.

LUYỆN TẬP



1. Xếp từ vào nhóm thích hợp.

Từ chỉ con vật

đầu

dê

chân

lợn

mắt

mỏ

Từ chỉ bộ phận của con vật

cổ

bò

đuôi

cánh

gà

vịt

2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm (bộ lông, đôi mắt, cặp sừng,...) của từng con vật trong hình.



3. Đặt một câu về một bộ phận của con vật nuôi trong nhà.

M: Lông gà con **vàng óng**.



1. Đọc đoạn văn sau và kể lại các hoạt động của nhà gấu vào mùa xuân, mùa thu và mùa đông.

Nhà gấu ở trong rừng

Nhà gấu ở trong rừng. Mùa xuân, cả nhà gấu kéo nhau đi bẻ măng và uống mật ong. Mùa thu, gấu đi nhặt quả hạt dẻ. Gấu bố, gấu mẹ, gấu con cùng béo rung rinh, bước đi lạch lè, lạch lè. Béo đến nỗi khi mùa đông tới, suốt ba tháng rét, cả nhà gấu đứng tránh gió trong gốc cây, không cần đi kiếm ăn, chỉ mút hai bàn chân mỡ cũng đủ no.

(Tô Hoài)

2. Viết 3 – 5 câu kể lại hoạt động của một con vật mà em quan sát được.

G:

- Em muốn kể về con vật nào?
- Em đã được quan sát kĩ con vật đó ở đâu? Khi nào?
- Kể lại những hoạt động của con vật đó.
- Nêu nhận xét của em về con vật đó.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Mang đến lớp sách, báo viết về một loài vật nuôi trong nhà.
2. Cùng đọc với các bạn và trao đổi một số thông tin về loài vật đó.

Tên loài vật đó là gì?

Loài vật đó ăn gì?

Đặc điểm nào khiến em nhớ nhất về loài vật đó?

ĐỌC



Đường phố trong 2 bức tranh dưới đây có gì khác nhau? Theo em, vì sao có sự khác nhau đó?



KẾT THÚC
VỚI NHỮNG
TIẾNG CHỐI TRE

Những đêm hè
Khi ve ve
Đã ngủ
Tôi lắng nghe
Trên đường Trần Phú
Tiếng chối tre
Xao xác hàng me
Tiếng chối tre
Đêm hè
Quét rác...

Những đêm đông
Khi con đông
Vừa tắt
Tôi đứng trông
Trên đường lặng ngắt
Chị lao công
Như sắt
Như đồng
Chị lao công
Đêm đông
Quét rác...

Nhớ em nghe
Tiếng chối tre
Chị quét
Những đêm hè
Đêm đông gió rét
Tiếng chối tre
Sớm tối
Đi về
Giữ sạch lề
Đẹp lối
Em nghe!
(Tổ Hữu)

Từ ngữ

- *Xao xác*: tiếng động nối tiếp nhau trong cảnh yên tĩnh.
- *Lao công*: người làm các công việc vệ sinh, phục vụ,...



1. Chị lao công làm việc vào những thời gian nào?
2. Đoạn thơ thứ hai cho biết công việc của chị lao công vất vả như thế nào?
3. Những câu thơ sau nói lên điều gì?

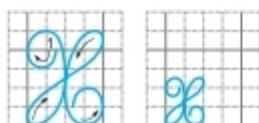
“Những đêm hè
Đêm đông gió rét
Tiếng chổi tre
Sớm tối
Đi về”

- a. sự chăm chỉ của chị lao công
 - b. niềm tự hào của chị lao công
 - c. sự thay đổi của thời tiết đêm hè và đêm đông
4. Tác giả nhắn nhủ em điều gì qua 3 câu thơ cuối?



1. Trong đoạn thơ thứ nhất, từ nào miêu tả âm thanh của tiếng chổi tre?
2. Thay lời tác giả, nói lời cảm ơn đối với chị lao công.

VIẾT



1. Viết chữ hoa:
2. Viết ứng dụng: *Xuân về, hàng cây bên đường thay áo mới.*

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Hạt giống nhỏ

(Theo Tuyển tập truyện, thơ, câu đố cho trẻ Mầm non)



Nhờ đâu hạt giống nhỏ trở thành một cái cây cao, to, khỏe mạnh?



Sống trên đồi vắng, cây mong muốn điều gì?



Bằng cách nào mong muốn của cây được thực hiện?



Quả đồi vắng đã thay đổi như thế nào?

2. Nghe kể chuyện.

3. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

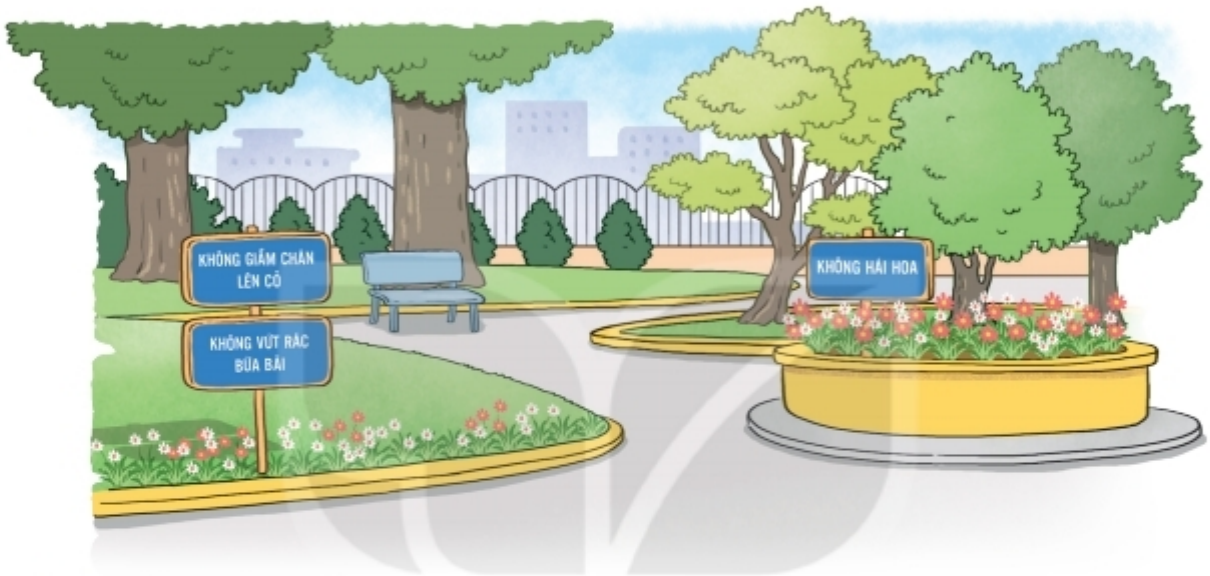


Cùng người thân nói về tác dụng của cây cối đối với cuộc sống con người.

ĐỌC



Các tấm biển báo dưới đây nhắc nhở chúng ta điều gì?



CỎ NON CƯỜI RỒI

Mùa xuân đã đến. Cỏ trong công viên bừng tỉnh sau giấc ngủ đông. Từng đàn én từ phương Nam trở về. Trẻ em chơi đùa dưới ánh mặt trời ấm áp.

Một hôm, chị én nâu đang sửa soạn đi ngủ thì nghe thấy tiếng khóc thút thít. Lăn theo tiếng khóc, én nâu tìm đến công viên nhỏ. Thấy một cây cỏ non đang khóc, én nâu hỏi:

– Em bị ốm à?

Cỏ non khóc nức lên:

– Chị ơi, em không đứng thẳng được nữa. Các bạn nhỏ đã đến đây chơi đùa và giẫm lên em.

Én nâu lặng đi một phút rồi bỗng reo lên:

– Đừng khóc nữa! Chị sẽ giúp em.



Thế rồi, én nâu gọi thêm rất nhiều bạn của mình. Suốt đêm, cả đàn én ra sức đi tìm cỏ khô tếp thành dòng chữ “Không giẫm chân lên cỏ!” đặt bên cạnh bãi cỏ. Xong việc, én nâu tươi cười bảo cỏ non:

– Từ nay em yên tâm rồi! Không còn ai giẫm lên em nữa đâu.

Cỏ non nhoẻn miệng cười và cảm ơn chị én nâu.

(Theo 365 truyện kể hằng đêm)

Từ ngữ

Thút thút: tiếng khóc nhỏ và ngắt quãng.



1. Nói tiếp câu tả cảnh mùa xuân trong công viên:

- a. Cỏ (...).
- b. Đàn én (...).
- c. Trẻ em (...).

2. Vì sao cỏ non lại khóc?

3. Thương cỏ non, chim én đã làm gì?

4. Thay lời chim én, nói lời nhắn nhủ tới các bạn nhỏ.



1. Tìm từ ngữ cho biết tâm trạng, cảm xúc của cỏ non.

M: khóc thút thút

2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Cỏ non cười rồi

Én nâu gọi các bạn của mình đến. Suốt đêm, cả đàn đi tìm cỏ khô tếp thành dòng chữ: “Không giẫm chân lên cỏ!”, rồi đặt trên bãi cỏ. Xong việc, én nâu tươi cười bảo cỏ non:

– Từ nay em yên tâm rồi! Không còn ai giẫm lên em nữa đâu.

2. Chọn *ng* hoặc *nh* thay cho ô vuông.

Buổi sớm, muôn in giọt sương đọng trên những ngọn cỏ, lóng lánh như ọc.

3. Chọn a hoặc b

a. Chọn *tr* hoặc *ch* thay cho ô vuông.

Đồng làng vương ■út heo may
Mầm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng ■im
Hạt mưa mãi miết ■ổn tìm
Cây đào ■uóc cửa lim dim mắt cười
(Theo Đỗ Quang Huỳnh)

b. Chọn *ê* hoặc *êch* thay cho ô vuông.

- Vui như T■.
- ■êu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.
- Ánh trăng chênh ch■ đầu làng.

LUYỆN TẬP



1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động bảo vệ, chăm sóc cây.



2. Chọn từ ngữ phù hợp thay cho ô vuông.

đáng yêu

vui sướng

buồn

Cho hoa khoe sắc

Buổi sáng, bước ra vườn hồng, nhìn thấy
bông hồng đỏ thắm, bé ■ reo lên:

– Bạn xinh đẹp, ■ làm sao!

Nói rồi, bé định giơ tay hái hoa. Bỗng
có tiếng thì thầm:

– Đừng hái tôi. Tôi sẽ rất ■ nếu không được khoe sắc cùng các bạn hoa.



3. Cần đặt *dấu phẩy* vào những vị trí nào trong mỗi câu sau?

- a. Các bạn học sinh đang tưới nước bắt sâu cho cây.
- b. Mọi người không được hái hoa bẻ cành.
- c. Ăn nẫu cỏ non đều đáng yêu.



1. Nói lời xin lỗi.

- a. Nếu em là cô bé trong câu chuyện *Cho hoa khoe sắc*, em sẽ nói lời xin lỗi bông hồng như thế nào?
- b. Nếu em là một bạn nhỏ trong câu chuyện *Cỏ non cười rồi*, khi nghe thấy cỏ non khóc, em sẽ nói gì với cỏ non?



2. Viết lời xin lỗi trong tình huống sau:

Em làm việc riêng trong giờ học, bị cô giáo nhắc nhở.

ĐỌC MỞ RỘNG

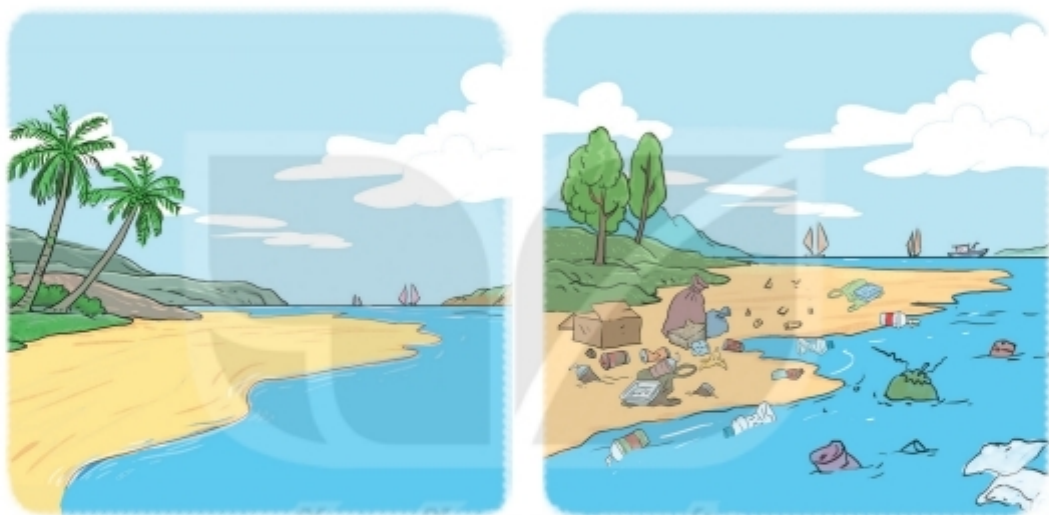
- 1. Tìm đọc sách, báo viết về các hoạt động giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp ở nhà trường.
- 2. Chia sẻ với các bạn về những điều em đã đọc.



ĐỌC



1. Nói về sự khác nhau giữa 2 bức tranh dưới đây:



2. Theo em, chúng ta nên làm gì để giữ cho biển luôn sạch đẹp?



NHỮNG CON SAO BIỂN

Một người đàn ông đang dạo bộ trên bãi biển khi chiều xuống. Biển đông người, nhưng ông lại chú ý đến một cậu bé cứ liên tục cúi xuống nhặt thứ gì đó lên rồi thả xuống biển.

Tiến lại gần hơn, ông thấy cậu bé đang nhặt những con sao biển bị thủy triều đánh dạt lên bờ và thả chúng trở về với đại dương.

– Cháu đang làm gì vậy? – Người đàn ông hỏi.

Cậu bé trả lời:

– Những con sao biển này sắp chết vì thiếu nước, cháu muốn giúp chúng.

– Có hàng ngàn con sao biển như vậy, liệu cháu có thể giúp được tất cả chúng không?

Cậu bé vẫn tiếp tục nhặt những con sao biển khác thả xuống biển và nói với người đàn ông:

– Cháu cũng biết như vậy, nhưng ít nhất thì cháu cũng cứu được những con sao biển này.

Người đàn ông trìu mến nhìn cậu bé và cùng cậu cứu những con sao biển.

(Theo *Hạt giống tâm hồn – Phép màu có giá bao nhiêu?*)

Từ ngữ

- *Thủy triều*: hiện tượng nước biển dâng lên, rút xuống một vài lần trong ngày.
- *Dạt* (lên bờ): bị sóng đẩy lên bờ.



1. Vì sao biển đông người nhưng người đàn ông lại chú ý đến cậu bé?
2. Khi đến gần, ông thấy cậu bé đang làm gì? Vì sao cậu bé làm như vậy?
3. Người đàn ông nói gì về việc làm của cậu bé?
4. Em hãy nói suy nghĩ của mình về việc làm của cậu bé.



1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ hoạt động?

cúi xuống

thả

nhặt

dạo bộ

người đàn ông

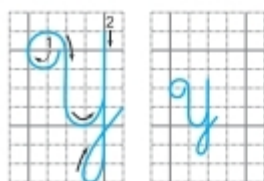
sao biển

biển

cậu bé

tiến lại

2. Câu văn nào cho biết cậu bé nghĩ việc mình làm là có ích?



1. Viết chữ hoa:
2. Viết ứng dụng: Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.

NÓI VÀ NGHE

Bảo vệ môi trường

1. Nói tên các việc làm trong tranh. Cho biết những việc làm đó ảnh hưởng đến môi trường như thế nào.



2. Em đã làm gì để góp phần giữ gìn môi trường sạch đẹp?



Nói với người thân những việc làm để bảo vệ môi trường mà em và các bạn đã trao đổi ở lớp.

ĐỌC



Nhìn tranh, đoán xem chuyện gì đã xảy ra với cánh cam.



TẠM BIỆT CÁNH CAM

Chú cánh cam đi lạc vào nhà Bống. Chân chú bị thương, bước đi tập tễnh. Bống thương quá, đặt cánh cam vào một chiếc lọ nhỏ đựng đầy cỏ. Từ ngày đó, cánh cam trở thành người bạn nhỏ xiu của Bống.

Cánh cam có đôi cánh xanh biếc, óng ánh dưới ánh nắng mặt trời. Mỗi khi nghe tiếng động, chú khệ nệ ôm cái bụng tròn lẳn, trốn vào đám cỏ rối. Bống chăm sóc cánh cam rất cẩn thận. Hằng ngày, em đều bỏ vào chiếc lọ một chút nước và những ngọn cỏ xanh non.

Nhưng Bống cảm thấy cánh cam vẫn có vẻ ngơ ngác không vui, chắc chú nhớ nhà và nhớ bạn bè. Đoán vậy, Bống mang cánh cam thả ra bãi cỏ sau nhà. Tạm biệt cánh cam bé nhỏ, Bống hi vọng chú sẽ tìm được đường về căn nhà thân thương của mình.

(Minh Đăng)

Từ ngữ

- *Tập tễnh*: dáng đi không cân, bên cao bên thấp.
- *Óng ánh*: phản chiếu ánh sáng lấp lánh, trông đẹp mắt.
- *Khệ nệ*: dáng đi chậm chạp như phải mang vác nặng.



1. Bống làm gì khi thấy cánh cam bị thương?
2. Bống chăm sóc cánh cam như thế nào? Câu văn nào cho em biết điều đó?
3. Vì sao Bống thả cánh cam đi?
4. Nếu là Bống, em có thả cánh cam đi không? Vì sao?



1. Những từ nào dưới đây được dùng trong bài để miêu tả cánh cam?



2. Thay bạn Bống, em hãy nói lời động viên, an ủi cánh cam khi bị thương.
3. Nếu thấy bạn đang buồn, em sẽ nói gì?

VIẾT

1. Nghe – viết:

Tạm biệt cánh cam

Cánh cam có đôi cánh xanh biếc, óng ánh dưới nắng mặt trời. Chú đi lạc vào nhà Bống. Chân chú bị thương, bước đi tập tễnh. Bống thương quá, đặt cánh cam vào một chiếc lọ nhỏ đựng đầy cỏ. Từ ngày đó, cánh cam trở thành người bạn nhỏ xiu của Bống.

2. Chọn *oanh* hoặc *oach* thay cho ô vuông.

thu h

chim

mới t

l quanh

3. Chọn a hoặc b.

- a. Tìm từ ngữ gọi tên sự vật có tiếng bắt đầu bằng s hoặc x.



- b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

– Nhát như **tho**.

– **Khoe** như trâu.

– **Dư** như hổ.

LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ chỉ loài vật trong đoạn sau:

Rền rĩ kéo đàn
Đúng là anh đế
Suốt đời chậm trễ
Là họ nhà sên
Đêm thấp đèn lên
Là cô đom đóm.

(Vẽ loài vật)



2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu.

A

Ve sầu

Ong

Chim sâu

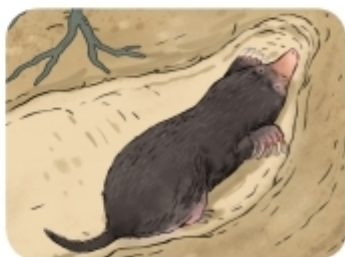
B

báo mùa hè tới.

bắt sâu cho lá.

làm ra mật ngọt.

3. Hỏi – đáp theo mẫu. Viết vào vở câu hỏi, câu trả lời của em và bạn.



- M: – Chuột sống ở đâu?
– Chuột sống trong hang.



1. Quan sát tranh và nói về việc làm của từng người trong tranh.



2. Viết 4 – 5 câu kể về việc em đã làm để bảo vệ môi trường.

- G:**
- Em đã làm việc gì để bảo vệ môi trường?
 - Em đã làm việc đó lúc nào? Ở đâu? Em làm như thế nào?
 - Ích lợi của việc làm đó là gì?
 - Em cảm thấy thế nào khi làm việc đó?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc sách, báo nói về việc bảo vệ động vật.
2. Viết vào phiếu đọc sách trong vở bài tập.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Ngày: (...)

Tên sách: (...)

Thông tin quan trọng: (...)

Suy nghĩ sau khi đọc: (...)

Tiết 1 – 2

1. Ghép tranh với tên bài đọc phù hợp.



1



2

1. Chuyện bốn mùa

2. Hoa mi hót

3. Tết đến rồi

4. Mùa vàng

5. Hạt thóc

6. Lũy tre



3



4



6



5

2. Đọc bài em thích và thực hiện yêu cầu sau:

a. Tìm trong bài đọc những câu văn, câu thơ hay nói về cây cối hoặc loài vật, cảnh vật.

M: Các loài hoa nghe tiếng hót trong suốt của hoạ mi chọt bùng giắc, xoè những cánh hoa đẹp, bày đủ màu sắc xanh tươi. (Bài *Hoạ mi hót*)

b. Nêu tên một nhân vật em yêu thích trong bài đọc và giải thích vì sao em yêu thích nhân vật đó.



Tiết 3 – 4

3. Đọc bài thơ dưới đây và trả lời câu hỏi.

Cánh cam lạc mẹ

Cánh cam đi lạc mẹ
Gió xô vào vườn hoang
Giữa bao nhiêu gai góc
Lũ ve sầu kêu ran.

Chiều nhạt nắng trắng sương
Trời rộng xanh như bể
Tiếng cánh cam gọi mẹ
Khản đặc trên lối mòn



Bọ dùa dùng nấu com
Cào cào ngung giã gạo
Xén tóc thối cắt áo
Đều bảo nhau đi tìm.

Khu vườn hoang vắng im
Bỗng râm ran khắp lối
Có điều ai cũng nói
Cánh cam về nhà tôi.

(Ngân Vịnh)



- Chuyện gì xảy ra với cánh cam?
- Những ai đã quan tâm, giúp đỡ cánh cam?
- Họ đã làm gì và nói gì để an ủi cánh cam?



- Nói và đáp lời trong các tình huống sau:
 - An ủi, động viên bạn khi bạn bị mệt.
 - Mời bạn đọc một cuốn truyện hay.
 - Đề nghị bạn hát một bài trước lớp.
- Tìm trong bài *Cánh cam lạc mẹ* từ ngữ chỉ hoạt động của mỗi con vật (theo mẫu).

Con vật	Từ ngữ chỉ hoạt động
M: ve sầu	kêu ran
...	...

Tiết 5 – 6

6. Quan sát tranh và tìm từ ngữ:

a. Chỉ sự vật

M: con thuyền

b. Chỉ màu sắc của sự vật

M: nâu



7. Đặt 2 – 3 câu với từ ngữ em tìm được.

M: Dòng sông uốn khúc quanh làng xóm.

8. Chọn dấu câu phù hợp thay cho ô vuông.

Mặt trời thấy cô đơn buồn bã vì phải ở một mình suốt cả ngày
Mặt trời muốn kết bạn với trăng sao Nhưng trăng sao còn bận ngủ
để đêm thức dậy chiếu sáng cho mặt đất.

Tiết 7 – 8

9. Nghe – viết: *Cánh cam lạc mẹ* (2 khổ thơ cuối).

10. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng:

- | | |
|------|-------|
| – c | – k |
| – g | – gh |
| – ng | – ngh |

11. Viết 4 – 5 câu kể về việc em đã giúp đỡ người khác hoặc em được người khác giúp đỡ.

G:

- Em đã giúp đỡ ai việc gì (hoặc ai đã giúp đỡ em việc gì)?
- Em (hoặc người đó) đã làm như thế nào?
- Em có suy nghĩ gì sau khi giúp đỡ (hoặc được giúp đỡ)?



Tiết 9 – 10

12. Đọc bài sau:

Mây đen và mây trắng

Trên bầu trời cao rộng, mây đen và mây trắng đang rong ruổi theo gió. Mây trắng xốp, nhẹ, bồng bềnh như một chiếc gối bông xinh xắn. Mây đen vóc dáng nặng nề, đang sà xuống thấp.

Thấy mây đen bay thấp, mây trắng rủ:

– Chúng mình bay lên cao đi! Bay cao thú vị lắm!

– Anh bay lên đi! – Mây đen nói – Tôi còn phải mưa xuống, ruộng đồng đang khô cạn vì hạn hán, muôn loài đang mong chờ tôi.

Mây trắng ngạc nhiên hỏi:

– Làm mưa ư? Anh không sợ tan biến hết hình hài à?

Nói rồi mây trắng bay vút lên. Nó bị gió cuốn tan biến vào không trung.



Mây đen sà xuống thấp rồi hoá thành mưa rơi xuống ruộng đồng, cây cỏ,... Con người và vạn vật reo hò đón mưa...

Mưa tạnh, nắng lên rực rỡ. Nước ở ruộng đồng bốc hơi, bay lên, rồi lại kết lại thành những đám mây đen. Những đám mây đen hoá thành mưa rơi xuống... Cứ như thế, mây đen tồn tại mãi mãi.

(Theo Ngụ ngôn chọn lọc)

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

a. Trong câu chuyện, những sự vật nào được coi như con người?

☐ mây đen và mây trắng

☐ nắng và gió

☐ bầu trời và ruộng đồng

b. Mây trắng rủ mây đen đi đâu?

☐ rong ruổi theo gió

☐ bay lên cao

☐ sà xuống thấp

c. Vì sao mây đen không nghe theo mây trắng?

☐ Vì mây đen thích ngắm cảnh ruộng đồng, cây cỏ.

☐ Vì hạn hán, mây đen muốn làm mưa giúp người.

☐ Vì mây đen sợ gió thổi làm tan biến mất hình hài.

d. Câu nào cho thấy mây đen đem lại niềm vui cho con người và vạn vật?

e. Tìm các từ chỉ đặc điểm trong câu dưới đây:

Đám mây xốp, nhẹ trông như một chiếc gối bông xinh xắn.

g. Đặt dấu phẩy vào chỗ nào trong câu sau?

Trên bầu trời cao rộng, mây đen mây trắng đang rong ruổi theo gió.

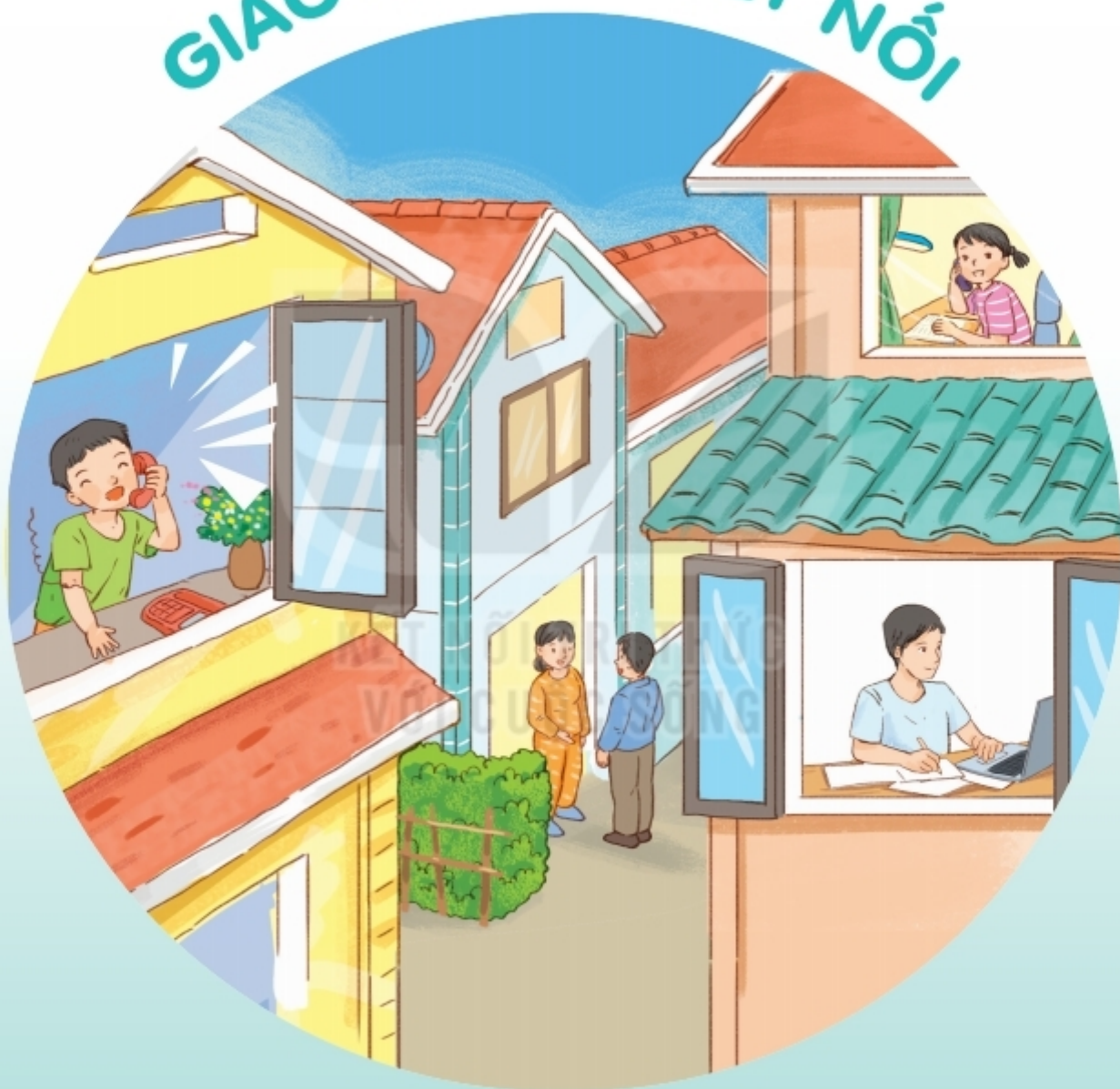
13. Viết 4 – 5 câu kể một việc em thích làm trong ngày nghỉ.

G:

- Em thích làm việc gì? (ví dụ: đọc sách, xem phim, vẽ tranh, đi chơi nhà người thân,...)
- Em làm việc đó cùng với ai? Em làm việc đó như thế nào?
- Em cảm thấy thế nào khi làm việc đó?



GIAO TIẾP VÀ KẾT NỐI



ĐỌC



Hằng ngày, em thường chào và đáp lời chào của mọi người như thế nào?



NHỮNG CÁCH CHÀO ĐỘC ĐÁO

Trên thế giới có những cách chào phổ biến như bắt tay, vẫy tay và cúi chào. Ngoài ra, người ta còn có những cách chào nhau rất đặc biệt.

Người Ma-ô-ri ở Niu Di-lân chào bằng cách nhẹ nhàng chạm mũi và trán vào nhau. Người Ấn Độ thì chắp hai tay trước ngực, kèm theo một cái cúi đầu. Nhiều người ở Mỹ thì chào bằng cách nắm bàn tay lại và đập nhẹ vào nắm tay người kia. Còn người Dim-ba-bu-ê lại chào theo cách truyền thống là vỗ tay,... Mỗi cách chào thể hiện một nét riêng trong giao tiếp của người dân ở từng nước.

Còn em, em chào bạn bằng cách nào?

(Hoàng Anh tổng hợp)

Từ ngữ

- *Niu Di-lân*: một nước ở châu Đại Dương.
- *Ấn Độ*: một nước ở châu Á.
- *Mỹ*: một nước ở châu Mỹ.
- *Dim-ba-bu-ê*: một nước ở châu Phi.



1. Trên thế giới có những cách chào phổ biến nào?
2. Người dân một số nước có những cách chào đặc biệt nào?

A	B
Người Ma-ô-ri ở Niu Di-lân	chắp hai tay, cúi đầu.
Người Ấn Độ	chạm nhẹ mũi và trán.
Nhiều người ở Mỹ	vỗ tay.
Người Dim-ba-bu-ê	đấm nhẹ vào nắm tay của nhau.

3. Cách chào nào dưới đây không được nói đến trong bài?
a. bắt tay b. chạm mũi và trán c. nói lời chào
4. Ngoài những cách chào trong bài đọc, em còn biết cách chào nào khác?

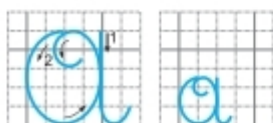


1. Trong bài đọc, câu nào là câu hỏi?
2. Cùng bạn hỏi – đáp về những cách chào được nói tới trong bài.

M: – Người Ấn Độ chào thế nào?

– **Người Ấn Độ** chào bằng cách chắp hai tay trước ngực và cúi đầu nhẹ.

VIẾT



1. Viết chữ hoa:
2. Viết ứng dụng: **Anh em bốn biển cùng chung một nhà.**

1. Nghe kể chuyện.

Lớp học viết thư

(Theo Tun Te-le-gon)



Thầy giáo sẽ dạy học trò làm gì?



Thầy giáo sẽ hướng dẫn học trò làm cách nào để gửi thư?



Thầy giáo sẽ đã nhận được điều gì bất ngờ?



Thầy giáo sẽ đã cảm ơn học trò bằng cách nào?

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân về thầy giáo sẽ trong câu chuyện trên.

ĐỌC



Bức tranh vẽ cảnh gì? Mọi người trong tranh đang làm gì?



THƯ VIỆN BIẾT ĐI

Thư viện là nơi lưu giữ sách báo, nơi mọi người đến đọc sách hoặc mượn sách về nhà. Nhiều người nghĩ rằng thư viện chỉ nằm im một chỗ. Nhưng trên thế giới, có rất nhiều thư viện biết đi.

Thư viện Hô-ơ của Đức là thư viện nổi lớn nhất thế giới. Nó nằm trên một con tàu biển khổng lồ, có thể chở được 500 hành khách và đã từng đi qua 45 nước trên thế giới.

Ở Phần Lan, có hàng trăm thư viện di động trên những chiếc xe buýt cũ, chạy khắp các thành phố lớn. Ở châu Phi, một người thủ thư đã đặt thư viện trên lưng một con lạc đà. Nhờ thế, những cuốn sách có thể băng qua sa mạc để đến với người đọc.

(Hải Nam)

Từ ngữ

- *Di động*: không ở nguyên một vị trí.
- *Thủ thư*: người quản lý sách của thư viện.
- *Sa mạc*: vùng đất có khí hậu khô, nóng, không có hoặc có rất ít cây cối.



1. Mọi người đến thư viện để làm gì?
2. Những thư viện sau được đặt ở đâu?

A
Thư viện Hồ-phơ của Đức
Nhiều thư viện ở Phần Lan
Một thư viện ở châu Phi

B
đặt trên những chiếc xe buýt cũ
đặt trên lưng lạc đà
đặt trên một con tàu biển

3. Vì sao các thư viện kể trên được gọi là “thư viện biết đi”?
4. Theo em, “thư viện biết đi” có tác dụng gì?



1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

thư viện	thủ thư	đọc	tàu biển
nằm im	băng qua	xe buýt	lạc đà

- a. Từ ngữ chỉ sự vật
- b. Từ ngữ chỉ hoạt động

2. Em sẽ nói gì với cô phụ trách thư viện khi muốn mượn sách ở thư viện?



1. Nghe – viết: *Thư viện biết đi* (từ *Ở Phần Lan* đến *người đọc*).

2. Tìm 2 từ ngữ:

a. Chứa tiếng bắt đầu bằng *d*. (**M**: *diu dất*)

b. Chứa tiếng bắt đầu bằng *gi*. (**M**: *giảng giải*)

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Phòng học là iếc áo

Bọc úng mình ở ong

Cửa sổ là iếc túi

e ần ngọn gió đông.

(Theo Nguyễn Lâm Thắng)

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

– Thư viện của trường em rất rộng **rai**.

– Cô phụ trách thư viện hướng **dân** các bạn **đề** sách vào đúng **chô** trên giá.

LUYỆN TẬP

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



1. Chọn *dấu chấm*, *dấu chấm than* cho mỗi câu dưới đây:

a. Đèn sáng quá

b. Ôi, thư viện rộng thật

c. Các bạn nhỏ rủ nhau đến thư viện

2. Có thể đặt *dấu phẩy* vào chỗ nào trong mỗi câu sau?

a. Sách báo tạp chí đều được xếp gọn gàng trên giá.

b. Bạn Mai bạn Lan đều thích đọc sách khoa học.

c. Học sinh lớp 1 lớp 2 đến thư viện đọc sách vào chiều thứ Năm hằng tuần.

3. Đặt một câu có sử dụng *dấu phẩy*.

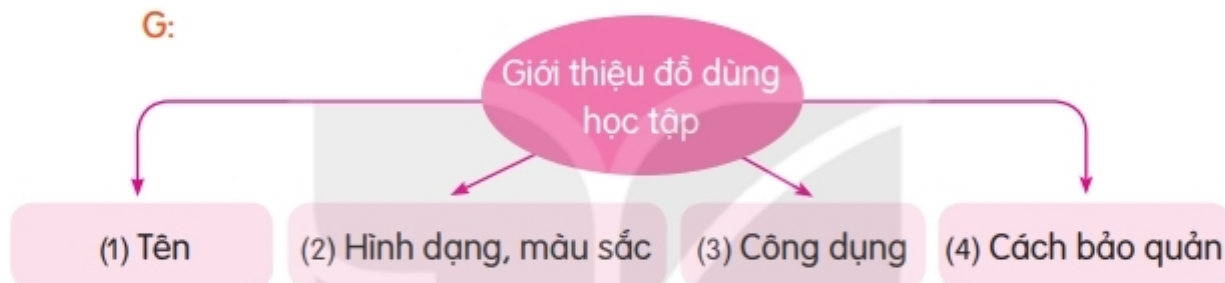


1. Nói về một đồ dùng học tập của em.



2. Viết 4 – 5 câu giới thiệu về đồ dùng học tập em đã nói ở trên.

G:



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một cuốn sách viết về chuyện lạ đó đây.



2. Viết vào phiếu đọc sách trong vở bài tập.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Ngày: (...)

Tên sách: (...)

Điều em thích nhất: (...)

ĐỌC



Em nói lời đáp thế nào trong những tình huống sau?

Chúc mừng
sinh nhật bạn!

?



Thôi, con làm vỡ lọ hoa
của mẹ rồi!

?



CẢM ƠN ANH HÀ MÃ

Đê rử cún vào rừng chơi, khi quay về thì bị lạc đường. Gặp cô hươu, đê hỏi:

- Cô kia, về làng đi lối nào?
- Không biết. – Hươu lắc đầu, bỏ đi.

Đi tiếp, tới một con sông, thấy anh hà mã, đê nói to:

- Bọn tôi muốn về làng, hãy đưa bọn tôi qua sông!

Hà mã phật ý, định bỏ đi. Thấy vậy, cún nói:

- Chào anh hà mã, anh giúp bọn em qua sông được không ạ?





– Được chứ! Em ngoan quá! – Hà mã vui vẻ nói.

– Cảm ơn anh! – Cún đáp rồi quay sang nói nhỏ với dê:

– Cậu quên lời cô dặn rồi à? Muốn ai đó giúp, phải hỏi một cách lịch sự, còn khi họ giúp mình, phải nói “cảm ơn”!

Dê con hơi xấu hổ. Sang bên kia sông, dê nói với hà mã:

– Cảm ơn anh đã giúp. Em biết mình sai rồi. Em xin lỗi ạ!

Hà mã mỉm cười:

– Em biết lỗi là tốt rồi. Giờ các em cứ đi theo đường này là về làng thôi.

(Theo *Cùng con rèn thói quen tốt*)



Từ ngữ

- *Phật ý*: không hài lòng.
- *Lịch sự* (nghĩa trong bài): lễ phép.

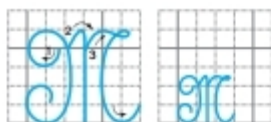


1. Hươu đã làm gì khi nghe dê hỏi?
2. Ý nào sau đây đúng với thái độ của hà mã khi cún nhờ đưa qua sông?
 - a. bực mình bỏ đi
 - b. bực mình nhưng đồng ý đưa qua sông
 - c. vui vẻ đồng ý đưa qua sông
3. Vì sao dê con thấy xấu hổ?
4. Em học được điều gì từ câu chuyện này?



1. Tìm trong bài những câu hỏi hoặc câu đề nghị lịch sự.
2. Dựa vào bài đọc, nói tiếp các câu dưới đây:
 - a. Muốn ai đó giúp, em cần phải (...).
 - b. Được ai đó giúp, em cần phải (...).

VIẾT



1. Viết chữ hoa: **M**
2. Viết ứng dụng: Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, nói về sự việc trong từng tranh.

Cảm ơn anh hà mã



Dê và cún gặp chuyện gì khi vào rừng?



Dê đã nói gì khi gặp cô hươu?



Vì sao dê làm anh hà mã phật ý?



Cún đã làm gì khiến anh hà mã vui vẻ giúp đỡ?

2. Kể lại câu chuyện *Cảm ơn anh hà mã*.



Cùng người thân trao đổi về cách chào hỏi thể hiện sự thân thiện hoặc lịch sự.

ĐỌC

Tớ thường gọi điện cho ông bà ở quê.



Em có thể dùng cách nào để liên lạc với người thân ở xa?



TỪ CHÚ BỒ CÂU ĐẾN IN-TƠ-NÉT

Ngoài trò chuyện trực tiếp, con người còn nghĩ ra rất nhiều cách để trao đổi với nhau khi ở xa.

Từ xa xưa, người ta đã biết huấn luyện bồ câu để đưa thư. Bồ câu nhớ đường rất tốt. Nó có thể bay qua một chặng đường dài hàng nghìn cây số để mang thư đến đúng nơi nhận.

Những người đi biển còn nghĩ ra cách bỏ thư vào trong những chiếc chai thủy tinh. Nhờ sóng biển, những chiếc chai này được đẩy vào đất liền. Có những bức thư vài chục năm sau mới được tìm thấy.

Ngày nay, việc trao đổi thông tin dễ dàng hơn rất nhiều. Bạn có thể viết thư, gọi điện cho người khác. Nhờ có in-tơ-nét, bạn cũng có thể nhìn thấy người nói chuyện với mình, dù hai người đang ở cách nhau rất xa.

(Hải Nam)

Từ ngữ

- *In-tơ-nét*: mạng kết nối các máy tính trên toàn thế giới.
- *Huấn luyện*: giảng dạy và hướng dẫn luyện tập.





1. Thời xưa, người ta đã gửi thư bằng những cách nào?
2. Vì sao có thể dùng bồ câu để đưa thư?
3. Ngày nay, chúng ta có thể trò chuyện với người ở xa bằng những cách nào?
4. Nếu cần trò chuyện với người ở xa, em chọn phương tiện nào? Vì sao?



1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

trò chuyện

bồ câu

chai thủy tinh

gửi

trao đổi

bức thư

điện thoại

a. Từ ngữ chỉ sự vật

b. Từ ngữ chỉ hoạt động

2. Nói tiếp để hoàn thành câu:

Nhờ có in-tơ-nét, bạn có thể (...).

VIẾT

1. Nghe – viết:

Từ chú bồ câu đến in-tơ-nét

Con người có nhiều cách để trao đổi với nhau. Từ xa xưa, người ta đã biết huấn luyện bồ câu đưa thư. Những bức thư được buộc vào chân bồ câu. Bồ câu nhớ đường rất tốt. Nó có thể bay qua một chặng đường dài hàng nghìn cây số để mang thư đến đúng nơi nhận.

2. Tìm từ ngữ có tiếng chứa eo hoặc oe.

M: eo: chèo thuyền

oe: chim chích choè

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn / hoặc n thay cho ô vuông.

Dòng sông mới điệu âm sao

 ắng lên mặc áo ụa đào thuốt tha

Trưa về trời rộng bao a

Áo xanh sông mặc như à mới may.

(Theo Nguyễn Trọng Tạo)

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *ên* hoặc *ênh*.

M: *ên*: bến tàu

ênh: mệnh mông

LUYỆN TẬP



1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của mỗi bạn nhỏ trong tranh.



2. Nói tiếp để hoàn thành câu nêu công dụng của đồ vật.

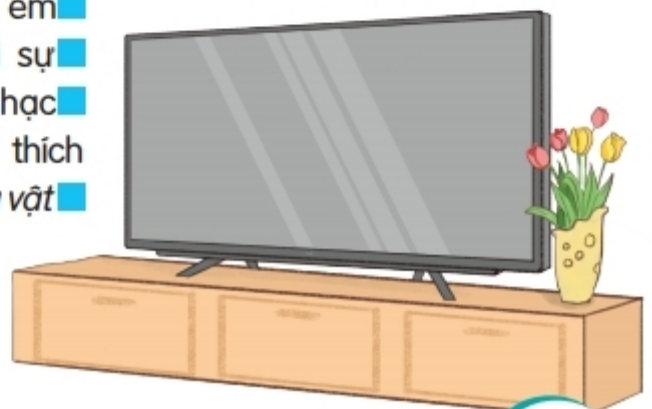
a. Nhờ có điện thoại, em có thể (...).

b. Nhờ có máy tính, em có thể (...).

c. Nhờ có ti vi, em có thể (...).

3. Chọn dấu câu thích hợp cho mỗi ô vuông trong đoạn văn sau:

Ti vi là bạn của cả gia đình em ■
Bố em thường thích xem thời sự ■
bóng đá ■ Mẹ em thích nghe nhạc ■
xem phim truyền hình. Còn em thích
nhất là chương trình *Thế giới động vật* ■





1. Kể tên các đồ vật được vẽ trong tranh và nêu công dụng của chúng.



2. Viết 4 – 5 câu tả một đồ dùng trong gia đình em.



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc sách, báo hoặc bản hướng dẫn sử dụng một đồ dùng trong gia đình (tivi, máy tính, điện thoại,...).
2. Trao đổi với các bạn một số điều em mới đọc được.



CON NGƯỜI VIỆT NAM



ĐỌC



Tìm lời giải cho câu đố:

Vỏ xanh, ruột đỏ, hạt đen
Hoa vàng, lá biếc, đố em quả gì?



MAI AN TIÊM

Ngày xưa, có một người tên là Mai An Tiêm được Vua Hùng yêu mến nhận làm con nuôi. Một lần, vì hiểu lầm lời nói của An Tiêm nên nhà vua nổi giận, đày An Tiêm ra đảo hoang.

Ở đảo hoang, hai vợ chồng An Tiêm dựng nhà bằng tre nứa, lấy cỏ phơi khô tết thành quần áo.

Một hôm, An Tiêm thấy một đàn chim bay qua thả xuống loại hạt đen nhánh. Chàng bèn nhặt và gieo xuống cát, thầm nghĩ: “Thứ quả này chim ăn được thì người cũng ăn được”. Rồi hạt nảy mầm, mọc ra một loại cây dây bò lan rộng. Cây ra hoa rồi ra quả. Quả có vỏ màu xanh thẫm, ruột đỏ, hạt đen nhánh, có vị ngọt và mát. Vợ chồng An Tiêm đem hạt gieo trồng khắp đảo.



Mùa quả chín, nhớ vua cha, An Tiêm khắc tên mình vào quả, thả xuống biển, nhờ sóng đưa vào đất liền. Một người dân vớt được quả lạ đem dâng vua. Vua hối hận cho đón vợ chồng An Tiêm trở về.

Thứ quả lạ đó là giống dưa hấu ngày nay.

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

Từ ngữ

- *Đảo hoang*: đảo không có người ở.
- *Hối hận*: lấy làm tiếc và cảm thấy day dứt khi nhận ra lỗi lầm của mình.



1. Vợ chồng Mai An Tiêm đã làm gì ở đảo hoang?
2. Mai An Tiêm nghĩ gì khi nhặt và gieo trồng loại hạt do chim thả xuống?
3. Nói tiếp các câu dưới đây để giới thiệu loại quả Mai An Tiêm đã trồng.
 - Quả có vỏ màu (...), ruột (...), hạt (...), vị (...).
 - Quả đó có tên là (...).
4. Theo em, Mai An Tiêm là người thế nào?

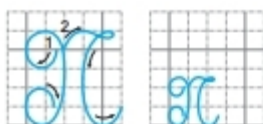


1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn văn sau:

An Tiêm khắc tên mình vào quả rồi thả xuống biển, nhờ sóng đưa vào đất liền. Một người dân vớt được quả lạ đã đem dâng vua. Vua hối hận cho đón vợ chồng An Tiêm trở về.

2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

VIẾT



1. Viết chữ hoa:
2. Viết ứng dụng: Người Việt Nam cần cù, sáng tạo.

NÓI VÀ NGHE

1. Quan sát tranh, nói tên nhân vật và sự việc trong từng tranh.

Mai An Tiêm



2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.



Viết 2 – 3 câu về nhân vật Mai An Tiêm trong câu chuyện trên.

ĐỌC



Em thấy những ai trong hai bức tranh? Họ đang làm gì?



THƯ GỬI BỐ NGOÀI ĐẢO

(Trích)

Bây giờ sắp Tết rồi
Con viết thư gửi bố...
Tết con muốn gửi bố
Cái bánh chưng cho vui
Nhưng bánh thì to quá
Mà hòm thư nhỏ thôi.

Gửi hoa lại sợ héo
Đường ra đảo xa xôi
Con viết thư gửi vậy
Hắn bố bằng lòng thôi.

Ngoài ấy chắc nhiều gió
Đảo không có gì che
Ngoài ấy chắc nhiều sóng
Bố lúc nào cũng nghe.

Bà bảo: hàng rào biển
Là bố đấy, bố ơi
Cùng các chú bạn bố
Giữ đảo và giữ trời.

(Xuân Quỳnh)

Từ ngữ

Hòm thư: thùng để bỏ thư.



1. Bạn nhỏ viết thư cho bố vào dịp nào?
2. Bố bạn nhỏ đang làm công việc gì ở đảo?
3. Bạn nhỏ đã gửi gì cho bố?
a. bánh chung b. hoa c. thư
4. Theo em, khổ thơ cuối muốn nói điều gì?
a. Bố và các chú bảo vệ vùng biển, vùng trời quê hương.
b. Bố và các chú xây hàng rào ở đảo.
c. Bố và các chú là hàng rào chắn sóng, chắn gió.



1. Từ ngữ nào chỉ hành động của bố? Từ ngữ nào chỉ hành động của con?

giữ đảo

bố

gửi thư

viết thư

giữ trời

nghe

con

gửi hoa

2. Thay lời bạn nhỏ, nói một câu thể hiện tình cảm đối với bố.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Thư gửi bố ngoài đảo* (từ đầu đến *cũng nghe*).

2. Chọn tiếng phù hợp thay cho ô vuông.

a. (*dang/giang*): tay, giỏi, dỏ

b. (*dành/giành*): dỏ, tranh, để

3. Chọn a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ gọi tên từng loại quả có tiếng bắt đầu bằng s hoặc x.



b. Chọn *ip* hoặc *iêp* thay cho ô vuông.

– Nhân d Tết, em viết một tấm th gửi lời chúc đến các chú bộ đội Trường Sa.

– Những con sóng liên t xô vào bờ.



1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ người làm việc trên biển?

ngư dân

hải quân

lái xe

thợ lặn

thủy thủ

nông dân

2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu.

A

Những người dân chài ra khơi

Các chú hải quân tuần tra

Người dân biển làm lồng bè

B

để nuôi tôm cá.

để đánh cá.

để canh giữ biển đảo.



3. Dựa vào kết quả ở bài tập 2, đặt 2 câu hỏi và 2 câu trả lời theo mẫu.

M: – Những người dân chài ra khơi để làm gì?

– Những người dân chài ra khơi để đánh cá.



1. Nói những điều em biết về các chú bộ đội hải quân.



2. Viết 4 – 5 câu để cảm ơn các chú bộ đội hải quân đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

G:



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc bài thơ, câu chuyện viết về các chú bộ đội hải quân.
2. Đọc cho các bạn nghe những câu văn, câu thơ em thích.



ĐỌC



Nói tên một người anh hùng nhỏ tuổi mà em biết.



BÓP NÁT QUẢ CAM

Giặc Nguyên cho sứ thần sang giả vờ mượn đường để xâm chiếm nước ta. Thấy sứ giặc ngang ngược, Trần Quốc Toản vô cùng căm giận.

Biết vua họp bàn việc nước dưới thuyền rồng, Quốc Toản quyết đợi gặp nhà vua xin đánh giặc. Đợi mãi không gặp được vua, cậu liều chết xô mấy người lính gác, xăm xăm xuống bến.

Gặp vua, Quốc Toản quỳ xuống tâu:

– Cho giặc mượn đường là mất nước. Xin bệ hạ cho đánh!

Nói xong, cậu tự đặt thanh gươm lên gáy, xin chịu tội.



Vua cho Quốc Toản đứng dậy, ôn tồn bảo:

– Quốc Toản làm trái phép nước, lẽ ra phải trị tội. Nhưng còn trẻ mà đã biết lo việc nước, ta có lời khen.

Nói rồi, vua ban cho Quốc Toản một quả cam.

Quốc Toản ầm ục bước lên bờ: "Vua ban cho cam quý nhưng xem ta như trẻ con, không cho dự bàn việc nước". Nghĩ đến quân giặc ngang ngược, cậu nghiến răng, hai bàn tay bóp chặt.

Khi trở ra, Quốc Toản xoe tay cho mọi người xem cam quý. Nhưng quả cam đã nát từ bao giờ.

(Theo Nguyễn Huy Tưởng)



Từ ngữ

- *Giặc Nguyên*: giặc từ phương Bắc.
- *Trần Quốc Toản* (1267 – 1285): một thiếu niên anh hùng, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên.



1. Trần Quốc Toản xin gặp vua để làm gì?
2. Tìm chi tiết cho thấy Trần Quốc Toản rất nóng lòng gặp vua.
3. Vua khen Trần Quốc Toản thế nào?
4. Vì sao được vua khen mà Trần Quốc Toản vẫn ầm ục?
5. Việc Trần Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam thể hiện điều gì?



1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

Trần Quốc Toản

vua

thuyền rồng

quả cam

lính

sứ thần

thanh gươm

Từ ngữ chỉ người

Từ ngữ chỉ vật

2. Kết hợp ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để tạo câu nêu hoạt động.

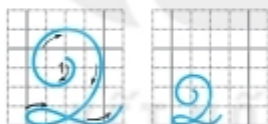
trẻ tuổi mà dũng cảm.

Trần Quốc Toản

là một cậu bé có lòng yêu nước.

xô mấy người lính gác, xăm xăm
xuống bến để gặp vua.

VIẾT



1. Viết chữ hoa:

2. Viết ứng dụng: Trần Quốc Toản là người anh hùng nhỏ tuổi.



1. Nêu sự việc trong từng tranh.

Bóp nát quả cam



Trần Quốc Toản xô những người lính gác để đi đâu?



Trần Quốc Toản nói với vua điều gì?



Vua nói với Trần Quốc Toản điều gì?



Quả cam trên tay Trần Quốc Toản thế nào?

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân về người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản.

ĐỌC



Hát một bài hát về Bác Hồ với thiếu niên, nhi đồng.



CHIẾC RỄ ĐÀ TRÒN

Một sớm hôm ấy, như thường lệ, Bác Hồ đi dạo trong vườn. Đến gần cây đa, Bác chợt thấy một chiếc rễ đa nhỏ và dài ngoằn ngoèo trên mặt đất. Chắc là trận gió đêm qua đã làm nó rơi xuống. Bác tần ngần một lát, rồi nói với chú cần vụ:

– Chú cuốn chiếc rễ này lại, rồi trồng cho nó mọc tiếp nhé!

Theo lời Bác, chú cần vụ xới đất, vùi chiếc rễ xuống. Thấy vậy, Bác ân cần bảo:

– Chú nên làm thế này.

Nói rồi, Bác cuộn chiếc rễ thành một vòng tròn, cùng chú cần vụ buộc nó tựa vào hai cái cọc, sau đó mới vùi hai đầu rễ xuống đất.

Chú cần vụ thắc mắc:

– Thưa Bác, Bác làm thế để làm gì ạ?

Bác khẽ cười:

– Rồi chú sẽ biết.

Nhiều năm sau, chiếc rễ đã lớn và thành cây đa con có vòng lá tròn. Thiếu nhi vào thăm vườn Bác, em nào cũng thích chơi trò chui qua chui lại vòng lá ấy. Lúc đó, mọi người mới hiểu vì sao Bác cho trồng chiếc rễ đa thành hình tròn như thế.

(Theo Bác Hồ kính yêu)

Từ ngữ

- *Ngoằn ngoèo*: uốn lượn theo nhiều hướng khác nhau.
- *Tần ngần*: đang mãi suy nghĩ, cân nhắc và chưa biết nên làm gì hay quyết định thế nào.
- *Cần vụ*: người làm công việc chăm sóc Bác Hồ.



1. Thấy chiếc rễ đa nằm trên mặt đất, Bác đã bảo chú cần vụ làm gì?
2. Bác hướng dẫn chú cần vụ trồng chiếc rễ đa như thế nào?
3. Vì sao Bác cho trồng chiếc rễ đa như vậy?
4. Qua bài đọc, em thấy tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi như thế nào?



1. Chọn từ (*cuốn, vùi, xói, trồng*) phù hợp với mỗi chỗ trống.
 - a. Chú (...) rễ này lại rồi (...) cho nó mọc tiếp nhé.
 - b. Chú cần vùi (...) đất, (...) chiếc rễ xuống.
2. Tìm trong bài câu có dùng *dấu chấm than*. Câu đó dùng để làm gì? (chọn ý đúng)
 - a. Nêu yêu cầu, đề nghị
 - b. Thể hiện cảm xúc
 - c. Kể sự việc, hoạt động

VIẾT

1. Nghe – viết: *Chiếc rễ đa tròn* (từ *Nhiều năm sau* đến *hình tròn như thế*).
2. Viết vào vở tên của 2 nhân vật được nói đến trong chủ điểm *Con người Việt Nam*.
3. Chọn a hoặc b.
 - a. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *iu* hoặc *uu*.



- b. Chọn *im* hoặc *iêm* thay cho ô vuông.

đàn ch ■ quả hồng x ■ đúng ngh ■ màu t ■

LUYỆN TẬP



1. Xếp các từ dưới đây vào nhóm thích hợp:

yêu thương kính yêu chăm lo nhớ ơn kính trọng quan tâm

Nhóm 1: Từ chỉ tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi

Nhóm 2: Từ chỉ tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ



2. Chọn từ trong khung để hoàn thành câu.

anh dũng

thân thiện

cần cù

- a. Người dân Việt Nam lao động rất (...).
- b. Các chú bộ đội chiến đấu (...) để bảo vệ Tổ quốc.
- c. Người Việt Nam luôn (...) với du khách nước ngoài.

3. Quan sát tranh:

- a. Đặt tên cho bức tranh.
- b. Nói một câu về Bác Hồ.



1. Kể lại một việc Bác Hồ đã làm trong câu chuyện *Chiếc rế đa tròn*.

- Em muốn kể về việc làm nào của Bác Hồ?
- Bác đã làm việc đó như thế nào?
- Em có suy nghĩ gì về việc làm của Bác?

2. Viết 4 – 5 câu về việc em vừa kể ở trên.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một câu chuyện kể về Bác Hồ.
2. Kể lại câu chuyện đã đọc. Nói cảm xúc của em sau khi đọc câu chuyện.

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG EM



ĐỌC



Đoán xem các bạn nhỏ trong tranh đang nói gì.



ĐẤT NƯỚC CHÚNG MÌNH

Việt Nam là đất nước tươi đẹp của chúng mình. Thủ đô nước mình là Hà Nội. Lá cờ Tổ quốc hình chữ nhật, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.

Việt Nam có những vị anh hùng có công lớn với đất nước như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Hồ Chí Minh,... Những con người ấy đã làm rạng danh lịch sử nước nhà.

Đất nước mình có ba miền Bắc, Trung, Nam với khí hậu khác nhau. Miền Bắc và miền Trung một năm có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Miền Nam có hai mùa: mùa mưa và mùa khô.



Trang phục truyền thống của người Việt Nam là áo dài. Áo dài thường được mặc trong dịp Tết hay lễ hội.

(Trung Sơn)



1. Sắp xếp các thẻ dưới đây theo trình tự các đoạn trong bài đọc.

1

Các miền, khí hậu

2

Tên nước, thủ đô, lá cờ

3

Những người anh hùng

4

Trang phục truyền thống

2. Lá cờ Tổ quốc được tả như thế nào?

3. Bài đọc nói đến những vị anh hùng nào của dân tộc ta?

4. Kể tên các mùa trong năm của ba miền đất nước.



1. Tìm các tên riêng có trong bài đọc.

2. Dùng từ *là* kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.

A

Việt Nam

Thủ đô nước mình

Trang phục truyền thống
của người Việt

B

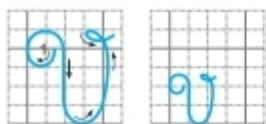
Hà Nội.

áo dài.

đất nước tươi đẹp
của chúng mình.

là

VIẾT



1. Viết chữ hoa:
2. Viết ứng dụng: Việt Nam có nhiều danh lam thắng cảnh.

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Thánh Gióng

(Theo Lê Trí Viễn)



Cậu bé Gióng có gì đặc biệt?



Gióng đã nói gì với sứ giả?



Gióng đã thay đổi như thế nào?



Sau khi đánh đuổi giặc Ân, Gióng đã làm gì?

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.



Nói với người thân điều em thấy thú vị nhất trong câu chuyện
Thánh Gióng.

ĐỌC



Em đã từng đến thăm những vùng miền nào của đất nước mình?



TRÊN CÁC MIỀN ĐẤT NƯỚC

Đất nước Việt Nam thật tươi đẹp. Hãy cùng nhau đi thăm các miền đất nước qua những câu ca dao.

Đầu tiên, chúng ta sẽ đến Phú Thọ, miền Bắc nước ta, nơi có đền thờ Vua Hùng, nơi được gọi là “quê cha đất tổ”:

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba.



Tiếp đến, chúng ta cùng vào miền Trung:

Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

Và chúng ta cùng khám phá miền đất Nam Bộ:

Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh

Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.



Vậy là chúng ta đã đi qua ba miền Bắc, Trung, Nam của đất nước. Nơi nào cũng để lại biết bao tình cảm mến thương.

(Thùy Dương tổng hợp)

Từ ngữ

- *Ca dao*: thơ do nhân dân sáng tác, được truyền miệng.
- *Xứ Huế*: chỉ Thừa Thiên – Huế ngày nay, thuộc miền Trung.
- *Tranh họa đồ*: tranh vẽ cảnh vật, sông núi.
- *Đồng Tháp Mười*: tên vùng đất trũng rộng lớn ở miền Nam.



1. Tìm các câu thơ nói về:

- a. Xứ Huế
- b. Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương
- c. Đồng Tháp Mười

2. Ngày Giỗ Tổ là ngày nào?

3. Tìm từ ngữ miêu tả vẻ đẹp của xứ Huế.

4. Chọn ý giải thích đúng cho mỗi câu sau:

Câu thơ	Ý nghĩa
Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh	a. Đồng Tháp Mười có rất nhiều cò.
	b. Đồng Tháp Mười rộng mênh mông.
Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm	a. Cá tôm ở Đồng Tháp Mười có nhiều màu sắc.
	b. Đồng Tháp Mười nhiều tôm cá.

* Học thuộc lòng các câu ca dao trong bài.



1. Tìm những tên riêng được nhắc đến trong bài.
2. Các câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B?

A	B
Đất nước mình thật tươi đẹp.	Câu nêu hoạt động
Đồng Tháp Mười là tên vùng đất ở miền Nam.	Câu nêu đặc điểm
Chúng ta đi thăm ba miền đất nước.	Câu giới thiệu

VIẾT

1. Nghe – viết:

Trên các miền đất nước

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba.

Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh
Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.

2. Viết tên riêng 2 – 3 tỉnh hoặc thành phố mà em biết.

M: Hà Nội

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Bà còng đi ợ ời mưa

Cái tôm cái tép đi đưa bà còng.

Đưa bà đến quãng đường cong

Đưa bà vào tận ngõ ong nhà bà.

(Ca dao)



b. Tìm tiếng chứa *iu* hoặc *iêu* thay cho ô vuông.



cái ■



hạt ■



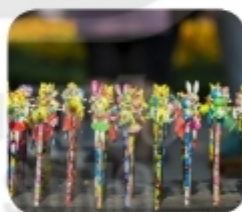
hạt ■

LUYỆN TẬP



1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật tương ứng với mỗi lời giải thích dưới đây:

- Món ăn gồm bánh phở và thịt, chan nước dùng.
- Vật dùng để đội đầu, che mưa nắng, thường làm bằng lá, có hình chóp.
- Trang phục truyền thống của Việt Nam.
- Đồ chơi dân gian, được nặn bằng bột màu hấp chín, thường có hình con vật.



- Kể tên những sản vật nổi tiếng của các miền mà em biết.
- Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.

A

Hồ Ba Bể

Hang Sơn Đoòng

Đà Lạt

B

là thành phố ngàn hoa.

là hồ nước ngọt quý hiếm của Việt Nam.

là hang động lớn nhất thế giới.

4. Đặt một câu giới thiệu về quê em hoặc nơi em ở.



1. Nêu tên các đồ vật làm bằng tre hoặc gỗ và công dụng của chúng.



2. Viết 4 – 5 câu giới thiệu một đồ vật được làm từ tre hoặc gỗ.

(1) Em muốn giới thiệu đồ vật gì?

(4) Em có nhận xét gì về đồ vật đó hoặc người làm ra đồ vật đó?

Giới thiệu sản phẩm

(2) Đồ vật đó có điểm gì nổi bật? (về hình dạng, màu sắc,...)

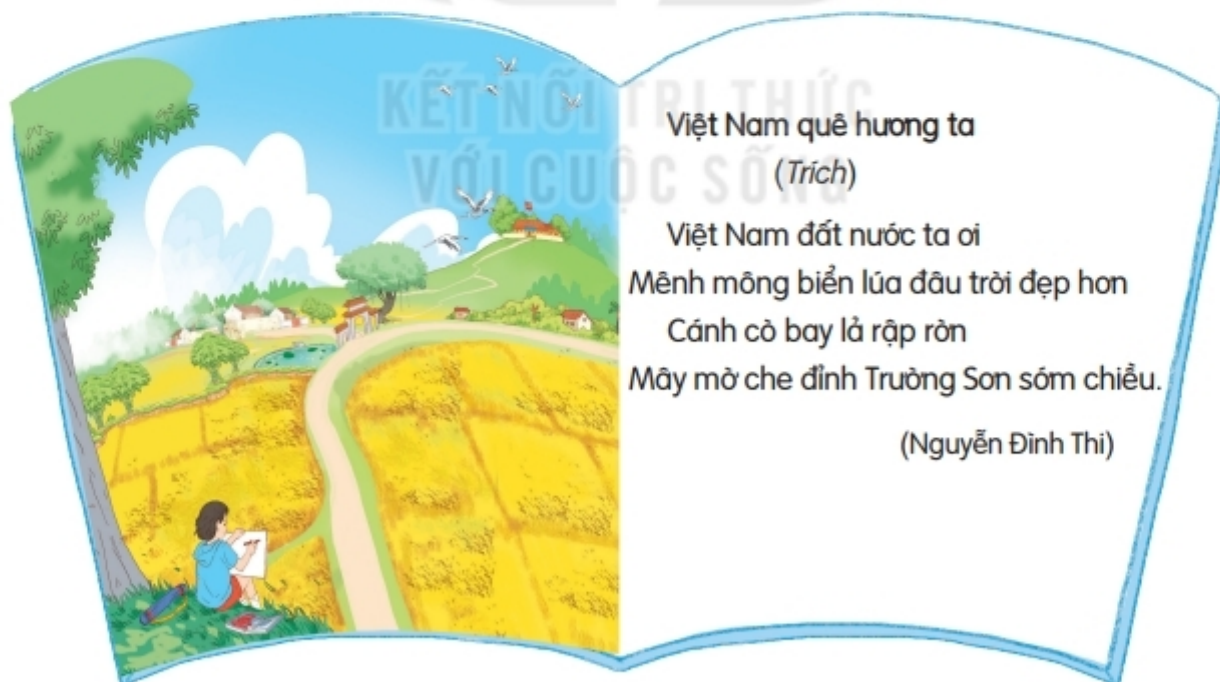
(3) Đồ vật đó được dùng để làm gì?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc bài thơ, câu chuyện viết về cảnh đẹp trên các miền đất nước.



2. Đọc cho bạn nghe đoạn thơ hoặc đoạn truyện em thích.



ĐỌC



Dựa vào tên bài và tranh minh họa, hãy đoán xem câu chuyện nói về điều gì.



CHUYỆN QUẢ BẦU

Ngày xưa có vợ chồng nọ đi rừng, bắt được một con dúi. Dúi xin tha, họ thương tình tha cho nó.

Để trả ơn, dúi báo sắp có lũ lụt rất lớn và chỉ cho họ cách tránh. Họ nói với bà con nhưng chẳng ai tin. Nghe lời dúi, họ khoét rỗng khúc gỗ to, chuẩn bị thức ăn bỏ vào đó. Vừa chuẩn bị xong mọi thứ thì mưa to, gió lớn, nước ngập mênh mông. Muôn loài chìm trong biển nước. Nhờ sống trong khúc gỗ nổi, vợ chồng nhà nọ thoát nạn.



Ít lâu sau, người vợ sinh ra một quả bầu.

Một hôm, đi làm nương về, họ nghe tiếng cười đùa từ gác bếp để quả bầu. Thấy lạ, họ lấy quả bầu xuống, áp tai nghe thì có tiếng lao xao. Người vợ bèn lấy que dùi quả bầu. Lạ thay, từ trong quả bầu, những con người bé nhỏ bước ra. Người Khơ Mú ra trước. Tiếp đến, người Thái, người Mường, người Dao, người Hmông, người Ê-đê, người Ba-na, người Kinh, ... lần lượt ra theo.

Đó là tổ tiên của các dân tộc anh em trên đất nước ta ngày nay.

(Theo *Truyện cổ Khơ Mú*)

Từ ngữ

- *Con dúi*: loài thú nhỏ, ăn củ và rễ cây, sống trong hang đất.
- *Nương*: đất trồng trên đồi, núi hoặc bãi cao ven sông.
- *Tổ tiên*: những người đầu tiên sinh ra một dòng họ hay một dân tộc.



1. Con dúi nói với hai vợ chồng điều gì?
2. Nhờ đâu hai vợ chồng thoát khỏi nạn lũ?
3. Kể lại những sự việc kì lạ xảy ra sau khi hai vợ chồng thoát khỏi nạn lũ lụt.
4. Theo em, câu chuyện nói về điều gì?
 - a. Giải thích về nạn lũ lụt hằng năm
 - b. Giải thích về nguồn gốc các dân tộc trên đất nước ta
 - c. Nêu cách phòng chống thiên tai, lũ lụt



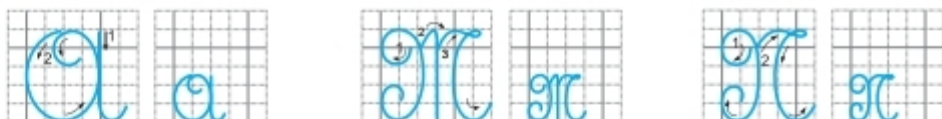
1. Viết tên 3 dân tộc trong bài đọc.
2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

A
Sấm chớp
Cây cỏ
Mặt đất

B
héo vàng.
vắng tanh.
ầm ầm.

VIẾT

1. Viết chữ hoa: Ôn các chữ hoa



2. Viết ứng dụng: **Muôn người như một.**

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, nói về nội dung của từng tranh.
2. Sắp xếp các tranh theo thứ tự câu chuyện.

Chuyện quả bầu



Chuyện gì xảy ra khi hai vợ chồng làm theo lời dúi?



Dúi khuyên hai vợ chồng điều gì?



Có những ai đi ra từ quả bầu?



Người vợ làm gì?

3. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

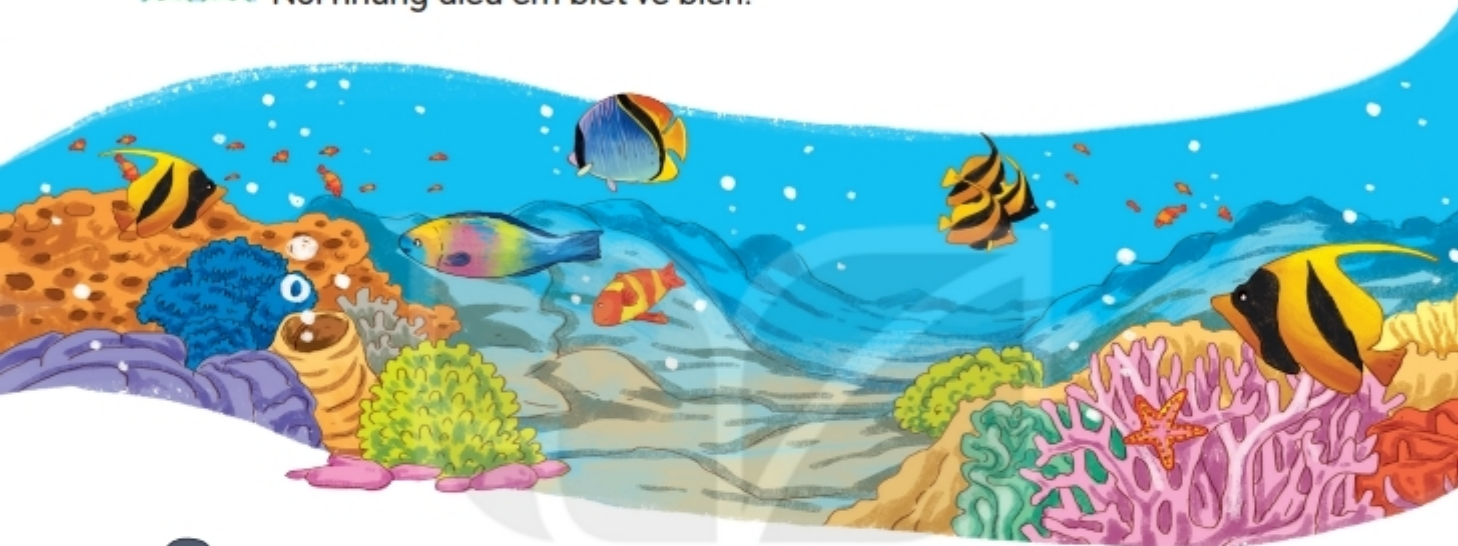


Hỏi người thân về tên của một số dân tộc trên đất nước ta.

ĐỌC



Nói những điều em biết về biển.



KHÁM PHÁ ĐÁY BIỂN Ở TRƯỜNG SA

Nhắc đến Trường Sa, ngoài các đảo, người ta nhắc đến biển. Mà biển thì có muôn vàn điều kì thú. Thăm hiểm đáy biển ở Trường Sa của nước ta sẽ thấy bao điều thú vị.

Biển ở Trường Sa có những loài cá đẹp rực rỡ và lạ mắt. Tùng đàn cá đủ màu sắc, dày đặc đến hàng trăm con tạo nên một tấm thảm hoa di động. Những vĩa san hô chạy dài từ chân mỗi đảo xuống sâu dần dưới đáy biển. San hô làm cho đáy biển trông như một bức tranh khổng lồ, đẹp như những toà lâu đài trong truyện cổ tích.

Trường Sa là vùng biển thân yêu của Tổ quốc, có cảnh đẹp kì thú và hàng nghìn loài vật sống dưới biển.

(Theo Nguyễn Xuân Thuỷ)

Từ ngữ

– *Thăm hiểm*: đi vào vùng xa lạ, hiểm trở để khám phá những điều mới lạ.

- *San hô*: động vật biển, có bộ xương dạng cánh hoa, nhiều màu sắc.
- *Vía san hô*: san hô tập trung thành bờ như bức tường đá.



1. Nhắc đến Trường Sa, người ta nhắc đến những gì?
2. Vẻ đẹp của những loài cá được miêu tả như thế nào?
3. San hô dưới đáy biển được so sánh với những gì?
4. Sau bài học, em biết thêm điều gì về biển ở Trường Sa?



1. Tìm những từ chỉ đặc điểm trong các từ sau:

đảo

biển

rực rỡ

khổng lồ

san hô

đẹp

2. Đặt một câu với từ vừa tìm được.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Khám phá đáy biển ở Trường Sa* (từ *Biển ở Trường Sa* đến dưới *đáy biển*).
2. Chọn *it* hoặc *uyt* thay cho ô vuông.
 - a. Chú mực ống cứ thấy kẻ lạ là phun mực đen k. cả một vùng nước xanh.
 - b. Tàu ngầm trông như chiếc xe b. chạy dưới đáy đại dương.
 - c. Cậu bé vừa đi vừa h. sáo.
3. Chọn a hoặc b.
 - a. Tìm tiếng chứa *uou* hoặc *iêu* thay cho ô vuông.
 - Ốc sống trong ruộng lúa.
 - Hội thi thả được tổ chức trên bãi biển.
 - b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *in* hoặc *inh* phù hợp với tranh.



LUYỆN TẬP



1. Nói tên các loài vật trong tranh.



2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu hoạt động.

A

Những con còng gió

Chim yến

Các loài cá

B

boi lội trong làn nước xanh.

đuổi nhau trên bãi cát.

làm tổ trên vách đá ven biển.

3. Chọn *dấu phẩy* hoặc *dấu chấm* thay cho ô vuông.

Cả một thế giới sinh động ☐ rực rỡ đang chuyển động dưới đáy biển ☐
 Cá hề ☐ cá ngựa ☐ mực ống ☐ sao biển ☐ tôm ☐ cua len lỏi giữa rừng
 san hô ☐ Chú rùa biển thân hình kình càng đang lững lờ boi giữa đám
 sinh vật đủ màu ☐



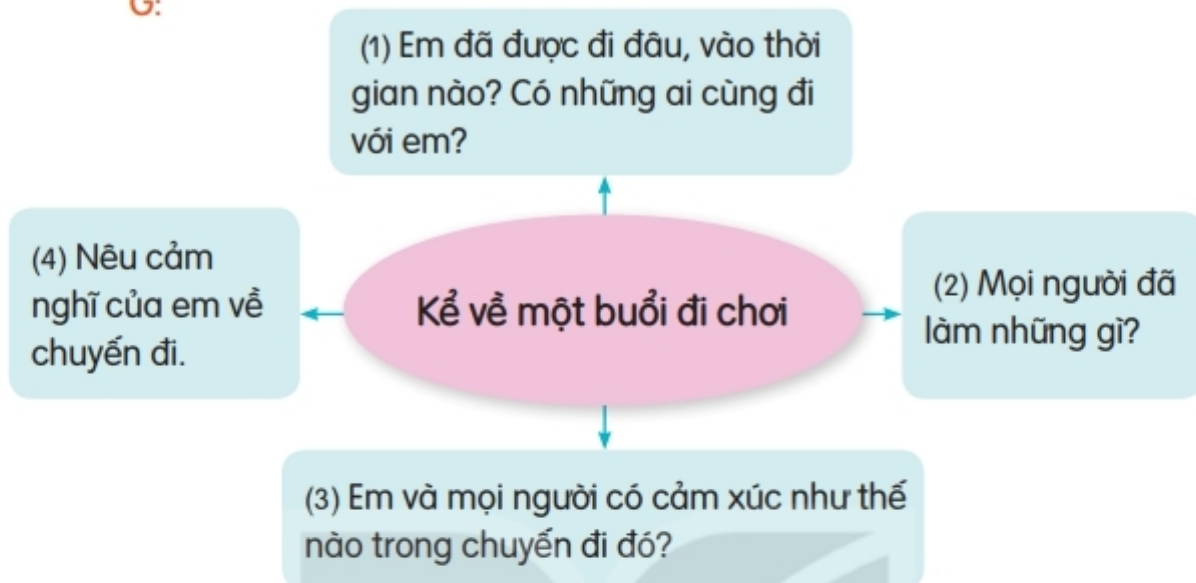
1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

- Mọi người đang ở đâu?
Cảnh vật nơi đó có gì đẹp?
- Mỗi người đang làm gì?
- Theo em, cảm xúc của mọi người như thế nào?



2. Viết 4 – 5 câu kể về một buổi đi chơi cùng người thân (hoặc thầy cô, bạn bè).

G:



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc truyện dân gian Việt Nam.
2. Kể với bạn về nhân vật hoặc sự việc em thích trong truyện đã đọc.



ĐỌC



Em biết những gì về Thủ đô Hà Nội?



HỒ GƯƠM

Nhà tôi ở Hà Nội, cách Hồ Gươm không xa. Từ trên cao nhìn xuống, mặt hồ như một chiếc gương bầu dục lớn, sáng long lanh.

Cầu Thê Húc màu son, cong cong như con tôm, dẫn vào đền Ngọc Sơn. Mái đền lấp ló bên gốc đa già, rễ lá xum xuê. Xa một chút là Tháp Rùa, tường rêu cổ kính. Tháp xây trên gò đất giữa hồ, cỏ mọc xanh um.

Có buổi, người ta thấy có con rùa lớn, đầu to như trái bưởi, nhô lên khỏi mặt nước. Rùa như lắng nghe tiếng chuông đồng hồ trên tầng cao nhà bưu điện, buông từng tiếng ngân nga trong gió. Tôi thầm nghĩ: không biết có phải rùa đã từng ngậm thanh kiếm của vua Lê thắng giặc đó không?

(Theo Ngô Quân Miện)

Từ ngữ

- *Hồ Gươm*: còn gọi là hồ Hoàn Kiếm, ở Thủ đô Hà Nội.
- *Cổ kính*: cổ và trang nghiêm.





1. Bài văn tả những cảnh đẹp nào ở Hồ Gươm?
2. Cầu Thê Húc được miêu tả như thế nào?
3. Nói 1 – 2 câu giới thiệu về Tháp Rùa.
4. Khi thấy rùa hiện lên trên mặt hồ, tác giả nghĩ đến điều gì?



1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

cong cong

rùa

lớn

trái buồm

thanh kiếm

xum xuê

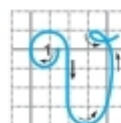
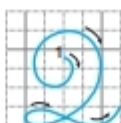


2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu.

A	B
Mặt hồ	như con tôm.
Cầu Thê Húc cong cong	như trái buồm.
Đầu rùa to	như chiếc gương bầu dục lớn.



1. Viết chữ hoa: Ôn các chữ hoa



2. Viết ứng dụng: **Quê em có dòng sông uốn quanh.**

Nói về quê hương, đất nước em

1. Cùng bạn trao đổi về những điều thú vị ở quê hương em hoặc nơi em sống.

G: – Quê hương em hoặc nơi em sống có điều gì thú vị? (ví dụ: cảnh vật, hoạt động, những sản phẩm đặc biệt,...)
 – Em có tình cảm như thế nào với nơi đó?



2. Nói những điều em biết thêm về quê hương, đất nước qua trao đổi với bạn ở bài tập 1.



Kể cho người thân những điều em thấy thú vị về quê hương, đất nước.



ĐỌC



Nói về cảnh vật trong bức tranh dưới đây.



CẢNH ĐỒNG QUÊ EM

Bé theo mẹ ra đồng
Vằng dương lên rục đỏ
Muôn vằn kim cương nhỏ
Lấp lánh ngọn cỏ hoa.

Nắng ban mai hiền hoà
Tung lụa tơ vàng óng
Trải lên muôn con sóng
Dập dờn đồng lúa xanh.

Đàn chiến chiến bay quanh
Hót tích ri tích rích
Lũ châu chấu tinh nghịch
Đu cỏ uống sương rơi.

Sóng xanh cuộn chân trời
Cánh đồng như tranh vẽ
Bé ngân nga hát khê
Trong hương lúa mênh mông.

(Bùi Minh Huệ)

Từ ngữ

- *Vằng dưng*: mặt trời.
- *Tích ri tích rích*: tiếng kêu nhỏ liên tiếp của chim chiến chiến.



1. Trong bài thơ, bé nhìn thấy vằng dưng đẹp như thế nào?
2. Nắng ban mai được tả như thế nào?
3. Đàn chiến chiến và lũ châu chấu làm gì trên cánh đồng?



4. Theo em, vì sao bé ngân nga hát giữa cánh đồng?

* Học thuộc lòng 2 khổ thơ em yêu thích.



1. Tìm trong bài từ ngữ:
 - a. chỉ màu sắc của mặt trời
 - b. chỉ màu sắc của ánh nắng
 - c. chỉ màu sắc của đồng lúa
2. Tìm thêm từ ngữ tả mặt trời, ánh nắng, đồng lúa.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Cánh đồng quê em* (3 khổ thơ đầu).
2. Chọn từ trong ngoặc thay cho ô vuông.
(*Một Cột, Bến Thành, Tràng Tiền, Hạ Long*)



Chùa ■ ở Thủ đô Hà Nội.



Cầu ■ ở thành phố Huế.



Vịnh là một thắng cảnh nổi tiếng thế giới.



Chợ là chợ lớn nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *r, d* hoặc *gi* thay cho ô vuông.

- Mùa gặt, đường làng phủ đầy ôm vàng.
- Mọi òng sông đều đổ về biển cả.
- Các chú bộ đội đang canh ữ biển trời Tổ quốc.

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

Bàn tay ta làm nên tất **ca**

Có sức người, soi đá **cung** thành com.

(Theo Hoàng Trung Thông)

LUYỆN TẬP



1. Kết hợp từ ở cột A với từ ở cột B để tạo từ ngữ chỉ công việc của người nông dân.

A

cày

gặt

gieo

bón

tươi

B

lúa

mạ

phân

nước

ruộng

2. Hỏi – đáp về công việc của những người trong ảnh.



3. Nói về nghề nghiệp và công việc của những người trong ảnh.



1. Nói những điều em biết về công việc của người thân.

2. Viết 4 – 5 câu kể về công việc của một người thân.

G: – Người thân của em làm công việc gì?

– Người đó làm việc ở đâu?

– Công việc đó đem lại lợi ích gì ?

– Em có suy nghĩ gì về công việc đó?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một câu chuyện hoặc một bài thơ nói về nghề nghiệp.

2. Nói với bạn về những điều thú vị của nghề nghiệp được nói đến trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc.

PHẦN I – ÔN TẬP

Tiết 1 – 2

1. Đọc lại các bài đã học.



2. Trao đổi về các bài đọc: Nêu tên bài đã đọc, chi tiết, nhân vật hoặc đoạn văn, đoạn thơ mình yêu thích nhất.

Tiết 3 – 4

3. Đọc bài thơ dưới đây, trả lời câu hỏi và thực hiện theo yêu cầu.

Thăm bạn ốm

Hôm nay đến lớp
Thấy vắng thỏ nâu
Các bạn hỏi nhau:
“Thỏ đi đâu thế?”
Gấu liền nói khẽ:
“Thỏ bị ốm rồi
Này các bạn ơi
Đến thăm thỏ nhé!”

“Gấu tôi mua khế
Khế ngọt lại thanh.”
“Mèo tôi mua chanh
Đánh đường mát ngọt.”
Hươu mua sữa bột
Nai sữa đậu nành
Chúc bạn khỏe nhanh
Cùng nhau đến lớp.

(Theo Trần Thị Hương)



- Vì sao thỏ nâu nghỉ học?
- Các bạn bàn nhau chuyện gì?
- Đóng vai một trong số các bạn đến thăm thỏ nâu, nói 2 – 3 câu thể hiện sự quan tâm, mong muốn của mình và các bạn đối với thỏ nâu.
- Tưởng tượng em là bạn cùng lớp với thỏ nâu. Vì có việc bận, em không đến thăm thỏ nâu được. Hãy viết lời an ủi, động viên thỏ nâu và nhờ các bạn chuyển giúp.

4. Quan sát tranh, tìm từ ngữ:

a. Chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối)

M: trẻ em

b. Chỉ đặc điểm

M: tươi vui

c. Chỉ hoạt động

M: chạy nhảy



5. Đặt câu:

a. Câu giới thiệu sự vật

M: Đây là công viên.

b. Câu nêu đặc điểm

M: Công viên hôm nay đông vui.

c. Câu nêu hoạt động

M: Mọi người đi dạo trong công viên.

Tiết 5 – 6

6. Đoán xem mỗi câu đố nói về loài chim nào.

Mỏ cứng như dùi
Luôn gõ “cộc cộc”
Cây nào sâu đục
Có tôi! Có tôi!

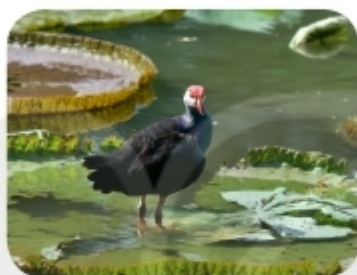
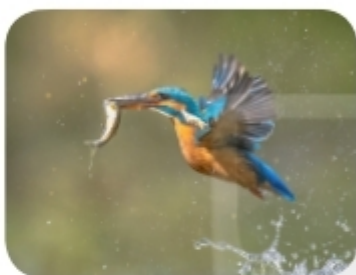
(Là chim gì?)

Kêu lên tên thật
Lẩn quất bụi tre
Vào những ngày hè
Ngẩn ngơ đứng gọi.

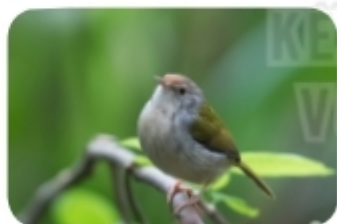
(Là chim gì?)

Mỏ dài lông biếc
Trên cành lặng yên
Bỗng vụt như tên
Lao mình bắt cá.

(Là chim gì?)



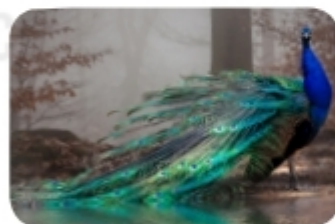
7. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của một loài vật em yêu thích.



Chích bông: *nhỏ xiu,...*



Mèo: *dễ thương,...*



Chim công: *lộng lẫy,...*



Sóc: *nh nhanh nhẹn,...*



Thỏ: *nhút nhát,...*



Nai: *hiền lành,...*

8. Hỏi – đáp về đặc điểm của một số loài vật.



M:

Hỏi: – Gấu có thân hình như thế nào?

Đáp: – Thân hình gấu to lớn.

Hỏi: – Gấu đi như thế nào?

Đáp: – Gấu đi lặc lè.

9. Chọn dấu chấm hoặc dấu phẩy thay cho ô vuông.

Vào ngày hội, đồng bào các buôn xa bản gần nuôm nượp kéo về buôn Đôn Tất cả đều đổ về trường đua voi.

Khi lệnh xuất phát vang lên, voi cuốn vòi chạy trong tiếng reo hò của người xem cùng tiếng chiêng tiếng trống tiếng khèn vang dậy.

(Theo Ay Dun và Lê Tấn)

Tiết 7 – 8

10. Nghe – viết:

Tiếng gà mở cửa

(Trích)

Em bừng tỉnh dậy

Lắng nghe

Tiếng gà vang bốn phía

Tiếng gà gõ cửa

Tiếng gà thổi bùng bếp lửa.

Mở cửa! Mở cửa!

Tiếng gà lạnh lói

Nhuộm đỏ vàng đồng

Tiếng gà rung khóm hồng

Tiếng gà chín tươi chùm ớt

Giọt sương mai nhảy nhót

Ngọn tre lên vút

Trời xanh trong.

(Định Hải)



11. Chọn a hoặc b.

a. Chọn / hoặc n thay cho ô vuông.

Mùa thu sang

Cứ mỗi độ thu sang

Hoa cúc ai ở vàng

Ngoài vườn hương thơm ngát

Ong bướm bay rộn ràng

Em cấp sách tới trường

ắng tươi trải trên đường

Trời cao xanh gió mát

Đẹp thay úc thu sang.

(Theo Trần Lê Văn)

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

Gà mẹ **hoi** gà con:

– **Đa** ngủ chưa thể **hà**?

Ca đàn gà nhao nhao:

– Ngủ **ca** rồi đấy ạ !

(Theo Phạm Hổ)



1. Nói cảm xúc, suy nghĩ của em về trường lớp; về thầy cô khi năm học sắp kết thúc.



2. Viết 4 – 5 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em khi sắp kết thúc năm học.

G: – Em có suy nghĩ gì khi năm học sắp kết thúc?

– Em cảm thấy thế nào nếu mấy tháng nghỉ hè không đến trường?

– Em sẽ nhớ nhất điều gì về trường lớp, về thầy cô khi nghỉ hè?

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2

(Học sinh làm vào phiếu)

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

Cây bàng

Cứ vào mùa đông

Gió về rét buốt

Cây bàng trụi trơ

Lá cành rụng hết

Chắc là nó rét!

Khi vào mùa nắng

Tán lá xoè ra

Như cái ô to

Đang làm bóng mát

Bóng bàng tròn lấm

Tròn như cái nong

Em ngồi vào trong

Mát ơi là mát!

A! Bàng tốt lắm

Bàng che cho em

Nhưng ai che bàng

Cho bàng khỏi nắng?

(Xuân Quỳnh)



a. Mùa đông, cây bàng như thế nào?

b. Mùa nào cây bàng toả bóng mát?

Cánh chim báo mùa xuân



KẾT NỐI TRI THỨC

Bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông sống trên bốn ngọn núi. Năm ấy không hiểu vì sao, mùa đông kéo dài lê thê. Muôn loài khổ sở vì rét, bèn cử chim công có sắc đẹp lộng lẫy nhất đi đón nàng tiên mùa xuân. Nhưng đường xa, gió lạnh, công bị ốm, phải quay về.

Sư tử liền đi thay công. Cậy khỏe, sư tử đi không nghỉ, nhưng rồi đuổi sức dần, không đi tiếp được.

Chim én nói:

– Mẹ cháu ho ngày càng nặng. Không có nắng ấm mùa xuân, mẹ cháu khó qua khỏi. Cháu xin đi!

Muông thú đồng ý. Chim én mẹ nhỏ lông cánh tết thành chiếc áo choàng cho con. Én con bay mãi, bay mãi, cuối cùng cũng đến chỗ ở của nàng tiên mùa xuân. Én con thấy một chú chim co ro bên đường liền

cởi áo choàng đắp cho bạn. Chú chim bỗng biến mất, nàng tiên mùa xuân hiện ra:

– Con thật hiếu thảo, nhân hậu và dũng cảm! Ta chọn con làm sứ giả của mùa xuân.

Én con trở về cùng nàng tiên mùa xuân. Từ đó, mỗi khi thấy chim én bay liệng, muôn loài biết rằng mùa xuân sắp về.

(Theo *Kể chuyện cho bé*)

Từ ngữ

Sứ giả của mùa xuân: người được coi là đại diện cho mùa xuân.

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

a. Lúc đầu, muông thú chọn con vật như thế nào để đi đón nàng tiên mùa xuân?

- ☐ Có sắc đẹp
- ☐ Có sức khỏe
- ☐ Có lòng dũng cảm

b. Con vật nào đã được cử đi đầu tiên?

- ☐ chim công
- ☐ chim én
- ☐ sư tử

c. Vì sao chim én xin đi đón nàng tiên mùa xuân?

- ☐ Vì chim én biết mình bay nhanh.
- ☐ Vì chim én khỏe hơn công và sư tử.
- ☐ Vì chim én muốn đem nắng ấm về cho mẹ.

d. Nhờ đâu chim én đến được nơi ở của nàng tiên mùa xuân, không bỏ về giữa chừng?

e. Khi nào nàng tiên mùa xuân mới hiện ra trước mắt chim én?

g. Vì sao chim én được chọn làm sứ giả của mùa xuân?

h. Dấu câu nào thích hợp với các ô vuông dưới đây?

Muông thú đói■ rét■ ốm đau vì mùa đông kéo dài.

B. VIẾT

1. Nghe – viết: *Cây bàng* (3 khổ thơ đầu).

2. Chọn a hoặc b.

a. Chọn s hoặc x thay cho ô vuông.

Hàng chuối lên ■ anh muốt

Phi lao reo trập trùng

Vài ngôi nhà ngói đỏ

In bóng ■ uống dòng ■ ông.

(Theo Trần Đăng Khoa)

b. Chọn dấu hỏi hoặc dấu ngã cho chữ in đậm.

Một bác chài lặng le

Buông câu trong bóng chiều

Bông nhiên con cá **nhỏ**

Nhảy lên thuyền như trêu.

(Theo Trần Đăng Khoa)

3. Viết 4 – 5 câu kể lại một hoạt động ở trường hoặc lớp em (ví dụ: biểu diễn văn nghệ, đi tham quan, đồng diễn thể dục,...).

G:

- Trường (hoặc lớp em) đã tổ chức hoạt động gì? Ở đâu?
- Hoạt động đó có những ai tham gia? Mọi người đã làm những việc gì?
- Nêu suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.

Một số thuật ngữ dùng trong sách

Thuật ngữ	Trang	Thuật ngữ	Trang
B		Đ	
bài thơ	15	đoạn văn	37
C		đồng dao	40
ca dao	113	K	
câu	10	khổ thơ	35
câu chuyện	11	N	
câu hỏi	11	nhân vật	69
câu thơ	22	T	
D		tiếng	13
dấu câu	71	từ ngữ	10
dấu chấm	14	V	
dấu chấm hỏi	14	về	39
dấu chấm than	45		
dấu phẩy	60		

Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài

	Trang
An-đéc-xen (Andersen)	41
Dim-ba-bu-ê (Zimbabwe)	77
Hô-pơ (Hope)	80
Ma-ô-ri (Māori)	77
Niu Di-lân (New Zealand)	77
Tun Te-le-gon (Toon Tellegen)	79

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: NGUYỄN BÍCH LA

Thiết kế sách: NGUYỄN THUÝ QUỲNH

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Minh họa: BÙI VIỆT DUY – NGUYỄN THẾ PHI – NGUYỄN THÀNH TUYÊN
LÊ MẠNH CƯỜNG – NGUYỄN HỒNG QUÂN

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG

Chế bản: CTCP MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2021) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 2 - TẬP HAI

Mã số: G1HH2V002H21

In ... bản, (QĐ ... - NXBGDHN) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:

Cơ sở in:

Số ĐKXB: 93-2021/CXBIPH/43-31/GĐ.

Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 2021

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-25143-5

Tập hai: 978-604-0-25144-2